

Số: 62/2018/CBTT-FTM

Thái Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Mã chứng khoán: FTM

Trụ sở chính: Lô A3 KCN Nguyễn Đức Cảnh – TP. Thái Bình – T. Thái Bình

Điện thoại: 02273.845.379 Fax: 02273.845.305

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Mai – Tổng Giám đốc


Địa chỉ: Tại SN 12 ngõ 326 đường Lý Thường Kiệt, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 13/04/2018 tại Website: www.fortex.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội thông tin đã công bố. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu.

Thái Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2018



Người thực hiện công bố thông tin

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Mai

FORTEX

Until Perfect

**15 NĂM
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017





DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CPTPP	Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HSX	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
GCN ĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
XNK	Xuất nhập khẩu
TTCK	Thị trường chứng khoán
EU	Liên minh Châu Âu
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
TPP	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
CMT	Hình thức gia công xuất khẩu Cut - Make - Trim
FOB	Hình thức sản xuất mua nguyên liệu, bán thành phẩm
FTAs	Các hiệp định thương mại tự do
KCN	Khu công nghiệp
HCNS	Hành chính nhân sự
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty Cổ phần
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BGD	Ban Giám đốc
CBTT	Công bố thông tin
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TMCP	Thương mại cổ phần
LC	Thư tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
ROA	Tỷ số lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu
EPS	Lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi cổ phiếu
CP	Cổ phiếu
VCSH	Vốn chủ sở hữu
EBIT	Thu nhập trước lãi vay và thuế
EBITDA	Thu nhập trước thuế, trả lãi và khấu hao
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bảo hiểm tai nạn
VNĐ	Việt Nam đồng



NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	4	TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2017 VÀ PHÂN TÍCH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	96
THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	6	Năm 2017 qua những con số	97
		Tình hình thực hiện các dự án đầu tư	98
		Phân tích tình hình tài chính	99
FORTEX & MÔ HÌNH TẠO GIÁ TRỊ	7		
Tổng quan về Fortex	8		
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	9		
Quá trình hình thành và phát triển	10	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	104
Ngành nghề kinh doanh	12	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	106
Các sự kiện và thành tích nổi bật	16	Tổ chức quản trị hướng đến phát triển bền vững	107
Cơ cấu cổ đông & Quá trình tăng vốn điều lệ	18	Phân tích SWOT phục vụ chiến lược phát triển bền vững	108
Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật	20	Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	110
Giới thiệu cotton và sợi cotton	22	Văn hóa doanh nghiệp tại Fortex	116
Quy trình sản xuất sợi Fortex	23	An toàn - chất lượng trong sản xuất kinh doanh	118
Mô hình tạo giá trị và Sức mạnh cạnh tranh cốt lõi	26	Ưu đãi nguồn nhân lực và phúc lợi cho CBCNV	120
		Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội	128
BỐI CẢNH KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	37		
Bối cảnh vĩ mô & môi trường kinh doanh 2017	38	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 (KIỂM TOÁN)	135
Vị thế cạnh tranh qua phân tích mô hình Five Forces	42	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	136
Phân tích ngành phục vụ chiến lược phát triển	44	Báo cáo kiểm toán độc lập	138
Triển vọng ngành dệt may và Fortex	50	Bảng cân đối kế toán	140
Chiến lược kinh doanh	56	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	142
		Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	143
		Thuyết minh báo cáo tài chính	144
QUẢN TRỊ CÔNG TY	59		
Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý	60	PHỤ LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017	170
Giới thiệu HĐQT, Ban Giám đốc & Ban Kiểm soát	66		
Báo cáo của Hội đồng Quản trị			
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	82		
Báo cáo của Ban Kiểm soát	88		
Quản trị rủi ro	93		

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong xu thế hội nhập toàn cầu, cùng với những thay đổi và thách thức là những cơ hội lớn đã và đang được mở ra cho ngành dệt may Việt Nam như sự tăng trưởng của nhu cầu tiêu thụ dệt may nội địa và thế giới, sự chuyển dịch trong chuỗi giá trị sản xuất – thương mại và những cơ hội đột phá từ các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Nhìn thấy được những cơ hội đang mở ra cho Fortex, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã luôn đồng hành và hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phù hợp trong ngắn và dài hạn với mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm mang lại sự hài lòng cho đối tác, khách hàng và giá trị lợi ích cao hơn cho cổ đông và các nhà đầu tư.



Kính thưa Quý cổ đông, đối tác và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân (Fortex)!

Năm 2017 khép lại với những nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên, Fortex đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Kinh tế toàn cầu có nhiều tín hiệu khởi sắc cùng với kỳ vọng trong việc ký kết hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Điều này đã mở ra cho Việt Nam thêm nhiều cơ hội giao thương quốc tế mà trong đó có nhiều ngành kinh tế của chúng ta được hưởng lợi, và đặc biệt ngành dệt may đã may mắn là ngành được kỳ vọng hưởng lợi nhiều nhất nằm trong xu thế này.

Sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Fortex đã nhanh chóng khẳng định thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế. Đến nay chúng tôi tự hào Fortex là một trong những công ty sản xuất sợi cotton hàng đầu tại Việt Nam. Hệ thống kéo sợi của Fortex được nhập khẩu chủ yếu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật..., với dây chuyền thiết bị sản xuất hiện đại và không ngừng đổi mới nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, cùng với những thay đổi và thách thức là những cơ hội lớn đã và đang được mở ra cho ngành dệt may Việt Nam như sự tăng trưởng của nhu cầu tiêu thụ dệt may nội địa và thế giới, sự chuyển dịch trong chuỗi giá trị sản xuất – thương mại và những cơ hội đột phá từ các hiệp định thương mại tự do song phương và đa

phương. Nhìn thấy được những cơ hội đang mở ra cho Fortex, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã luôn đồng hành và hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phù hợp trong ngắn và dài hạn với mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm mang lại sự hài lòng cho đối tác, khách hàng và giá trị lợi ích cao hơn cho cổ đông và các nhà đầu tư.

Với nỗ lực không ngừng hoàn thiện và đổi mới của đội ngũ nhân sự cùng quyết tâm của Ban lãnh đạo ý chí và giàu trách nhiệm, tôi tin tưởng rằng năm 2018 sẽ khởi đầu chặng đường mới tốt đẹp và thành công hơn nữa cho Fortex, giữ vững đà phát triển bền vững, khẳng định niềm tin với các đối tác và khách hàng. Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, đối tác đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi, chân thành cảm ơn các cơ quan ban ngành đã tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện trong các hoạt động của Fortex, chân thành cảm ơn toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã tận tâm và nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xây dựng thương hiệu Fortex ngày càng phát triển và vững mạnh.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!
Trân trọng,

Lê Mạnh Thường
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



14,321 tấn
sản lượng sợi
tiêu thụ
năm 2017

“

Trong xu thế mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng lớn mạnh, sự phát triển của khoa học công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0 đã thôi thúc chúng tôi không ngừng đổi mới trong phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh, từng bước cải tiến chất lượng sản phẩm, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của Fortex, nâng cao năng suất lao động, giá thành cạnh tranh. Với lợi thế sở hữu hệ thống cơ sở vật chất tốt, là một trong những đơn vị sở hữu số lượng cọc sợi lớn của khu vực miền Bắc, hệ thống máy móc được đầu tư nhập khẩu với tỷ lệ tự động hóa cao, chúng tôi tin rằng trong năm 2018, Fortex sẽ vượt qua những khó khăn thách thức để phát triển kinh doanh và nắm bắt được những vận hội mới.

Với phương châm “Vươn tới sự hoàn hảo”, Fortex cam kết không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng để mang đến những sản phẩm chất lượng hoàn hảo cho khách hàng. Chúng tôi luôn hướng đến sự phát triển hiệu quả, bền vững và minh bạch nhằm đem đến niềm tin cho quý cổ đông, sự hài lòng của quý khách hàng, đối tác, cũng như sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên Fortex.

”



1

FORTEX & MÔ HÌNH TẠO GIÁ TRỊ



TỔNG QUAN VỀ FORTEX

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000400095 (Đăng ký lần đầu ngày 30/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Bình cấp)



TÊN GIAO DỊCH : CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

TÊN VIẾT TẮT : FORTEX

MÃ CỔ PHIẾU : FTM

SÀN NIÊM YẾT : Sở giao dịch chứng
khoán TP.HCM (HSX)

VỐN ĐIỀU LỆ : 500.000.000.000 đồng
(Năm trăm tỷ đồng)

ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ : Lô A3 - Khu Công
Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần
Thái Tông, Phường Tiền Phong, TP. Thái
Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

ĐIỆN THOẠI : +8422 7384 5379

SỐ FAX : +8422 7384 5305

WEBSITE : www.fortex.com.vn

FORTEX - VƯƠN TỚI SỰ HOÀN HẢO

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨ MỆNH

Fortex cam kết mang đến cho cộng đồng những sản phẩm – dịch vụ chất lượng cao bằng việc xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp với văn hóa sáng tạo, đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm tạo ra cuộc sống tốt đẹp cho các thành viên Fortex và góp phần xây dựng đất nước ngày càng văn minh, giàu đẹp.

TẦM NHÌN

Khát vọng trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu Việt Nam và trên thế giới trong ngành sợi dệt và hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín của ngành công nghiệp dệt may.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHẤT LƯỢNG

KỶ LUẬT

ĐỔI MỚI

TRUNG THỰC

SÁNG TẠO

Những giá trị cốt lõi của Fortex được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ Chủ tịch đến mỗi nhân viên

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với 15 năm kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Fortex) tự hào là một trong những nhà sản xuất sợi cotton hàng đầu Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM. Một phần xơ sợi ngắn không đáp ứng sản xuất sợi CD/CM sẽ được tận dụng để sản xuất sợi kết thúc mở OE.

Sợi hầu hết được sử dụng cho mục đích sản xuất may mặc. Tiếp theo là sử dụng sản xuất đồ gia dụng như thảm, ga trải giường, khăn các loại..., cuối cùng là vải kỹ thuật dùng trong y tế, thủy lợi, giao thông. Sợi Fortex thành phẩm chủ yếu để kinh doanh xuất khẩu và một phần nhỏ bán cho các doanh nghiệp trong nước.

Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Fortex sử dụng nguồn bông cotton nguyên liệu nhập khẩu từ các nước sản xuất bông chính như Mỹ, Ấn Độ, Brazil, Tây Phi, Úc... thông qua các nhà cung cấp lớn trên thế giới như Olam, Cargill, Ecom, Reinhart, Omni...

Các khách hàng lớn của Fortex đến từ Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Châu Âu... và trong nước. Chất lượng sợi Fortex đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với những điều kiện khắt khe của nhiều thị trường.



CÁC SẢN PHẨM SỢI FORTEX

CD

☉ SỢI COTTON CHẢI THÔ CD

Thành phần: 100% cotton chải thô

Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng

Yêu cầu: Sợi bông dài

Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE

Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người

☒ dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao

Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

CM

☉ SỢI COTTON CHẢI KỸ CM

Thành phần: 100% cotton chải kỹ

Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng

Yêu cầu: Sợi bông dài

Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD

Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người

☒ dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao

Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

OE

☉ SỢI KẾT THÚC MỞ OE

Thành phần: 100% cotton

Công nghệ: Áp dụng công nghệ kéo sợi đóng mở

Yêu cầu: Sợi bông ngắn

Chất lượng: Thấp hơn so với sợi CD và CM

Đặc tính: Hút ẩm tốt, chịu ma sát cao

☒ dụng: Thường dùng sản xuất khăn, gang tay, vớ, đồ trang trí, hàng công nghiệp

MỘT SỐ ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

FORTEX

Until Perfect

◎ KHÁCH HÀNG

KHÁCH HÀNG

◎ THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN

SAMSUNG



ShareWarm 大翔華



THE SUNRISE GROUP



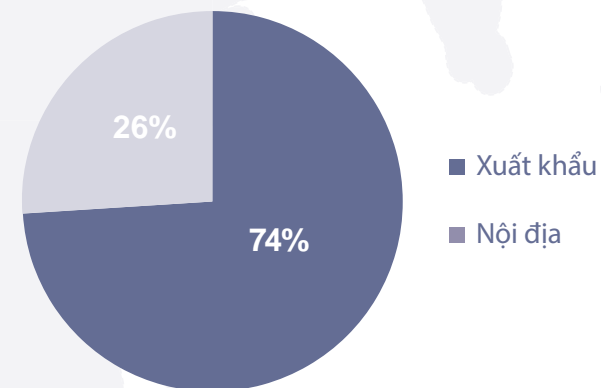
◎ NHÀ CUNG CẤP

NHÀ CUNG CẤP

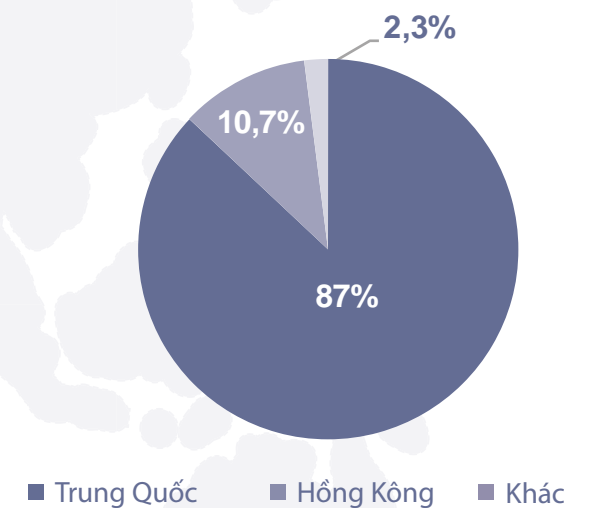


DOANH THU THEO SẢN PHẨM THỊ TRƯỜNG NĂM 2017

Cơ cấu doanh thu theo thị trường năm 2017 (Xuất khẩu + Nội địa)

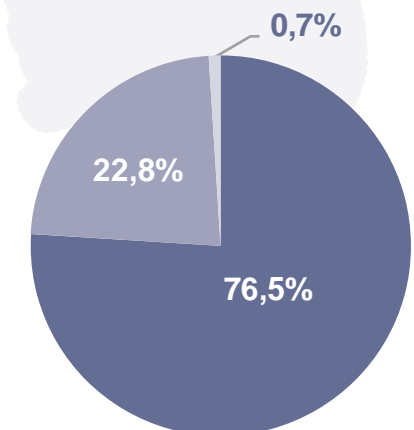


Cơ cấu doanh thu xuất khẩu theo thị trường năm 2017



Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm năm 2017

- Sợi thành phẩm
- Bông nguyên liệu
- Bông phế



CÁC SỰ KIỆN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT



Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu – giải thưởng cao quý của các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức hiệp hội uy tín trao tặng.



Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm sợi cotton.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế.



Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình chứng nhận “Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ”.



Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen “Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế”.



Bộ Công thương tặng Bằng khen “Thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh” của Bộ Công thương.



Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại cổ đông theo cổ đông trong nước và nước ngoài

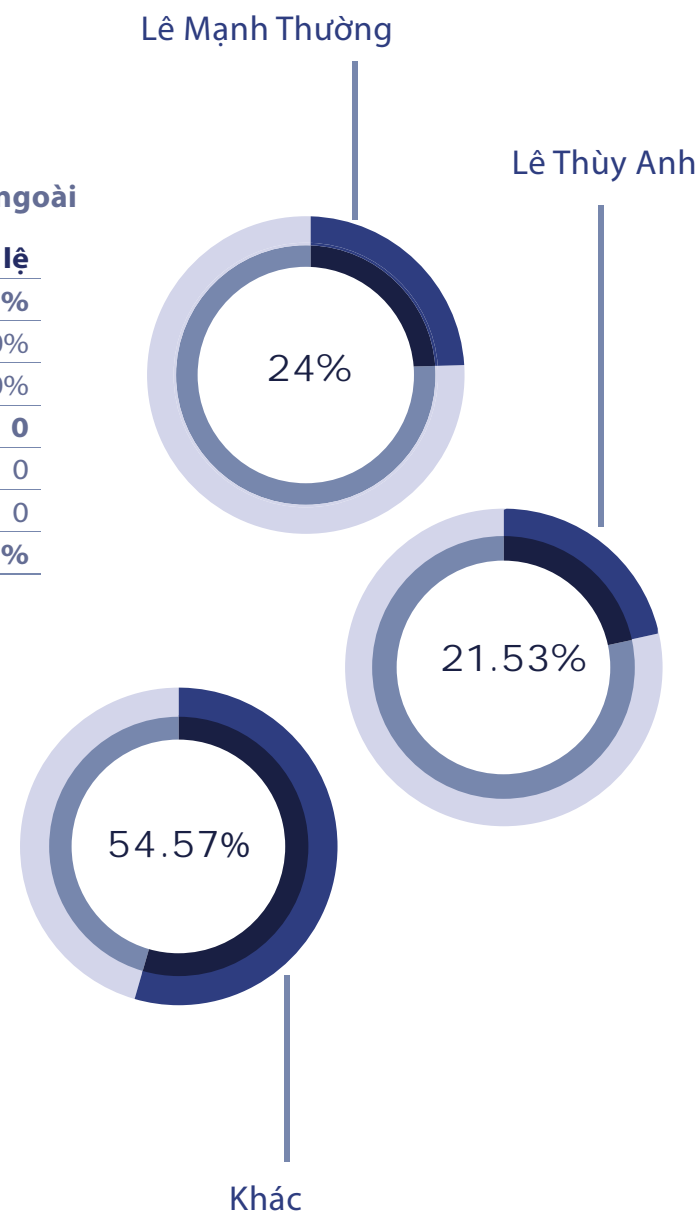
Khoản mục	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	50,000,000	100%
Cá nhân	50,000,000	100%
Tổ chức	0	0%
Cổ đông nước ngoài	0	0
Cá nhân	0	0
Tổ chức	0	0
TỔNG CỘNG	50,000,000	100%

Phân loại cổ đông theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Lê Mạnh Thường	12,000,000	24%
Lê Thùy Anh	10,766,500	21.53%
TỔNG CỘNG	22,766,500	45.53%

Phân loại cổ đông theo cổ đông nhỏ (dưới 5%)

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Khác	27,233,500	54.47%
TỔNG CỘNG	27,233,500	54.47%



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời gian	Vốn điều lệ BAN ĐẦU (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ TĂNG THÊM (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ LŨY KẾ (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2006	50	-	50	Góp vốn bằng tiền
2007	50	30	80	Góp vốn bằng tiền
2012	80	70	150	Góp vốn bằng tiền
2015	150	350	500	Góp vốn bằng tiền và bằng tài sản

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2017 là 500.000.000.000 đồng.
 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ trong năm.



VỚI BA NHÀ MÁY

KHỞI ĐẦU CHO...

CÂU CHUYỆN 15 NĂM

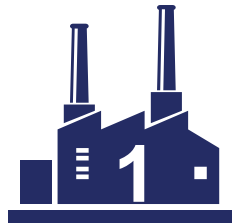
THƯƠNG HIỆU FORTEX





NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

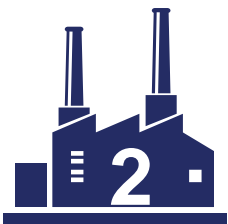
Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiên Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và 03 nhà máy. 02 nhà máy tọa lạc tại Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiên Hải với 110.000 cọc sợi, tương đương công suất tối đa hàng năm khoảng 17.000 tấn.



NHÀ MÁY ĐỨC QUÂN 1

Phân xưởng OE: 6.700 Rotor
Phân xưởng cotton: 18.000 cọc

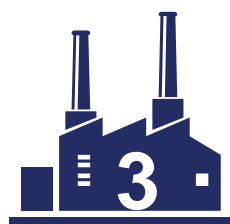
Nhà máy sợi số 1 (Đức Quân 1) tọa lạc tại Lô A3, Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình bao gồm 2 phân xưởng: phân xưởng OE bao gồm 6.700 roto và phân xưởng sợi cotton gồm 18.000 cọc sợi với tổng công suất sản xuất 3.300 tấn sợi/năm.



NHÀ MÁY ĐỨC QUÂN 2

Nhà máy sợi cotton: 38.000 cọc

Nhà máy sợi số 2 (Đức Quân 2) tọa lạc tại Lô A2, Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình với tổng số cọc sợi là 38.000 cọc và công suất thiết kế tối đa 6.200 tấn thành phẩm/năm.



NHÀ MÁY ĐỨC QUÂN 5

Nhà máy cotton: 46.000 cọc

Nhà máy sợi số 3 (Đức Quân 5) là nhà máy lớn nhất của Fortex tọa lạc tại Khu Công Nghiệp Tiên Hải, thành phố Thái Bình. Nhà máy với công nghệ hiện đại đồng bộ bậc nhất Đông Nam Á có quy mô 46.000 cọc sợi, tương đương công suất sản xuất 7.500 tấn sợi/năm.

THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ HIỆN ĐẠI

Fortex sở hữu dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cú, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm.

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật... Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi **RIETER** – Thụy Sĩ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ **USTER**, nhà cung cấp hàng đầu thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.

“
Dây chuyền sản xuất hiện đại và không ngừng đổi mới đáp ứng nhu cầu thị trường.
”

GIỚI THIỆU COTTON VÀ SỢI COTTON

COTTON VÀ ƯU NHƯỢC ĐIỂM



COTTON là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi cotton) dùng để dệt vải,

ƯU ĐIỂM VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA COTTON

Về ưu điểm, cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao.

Về nhược điểm, chất liệu cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.

PHÂN LOẠI SỢI COTTON

Sợi cotton gồm nhiều loại khác nhau dựa trên thành phần bông và các thành phần khác được phối hợp để tạo độ bóng, độ mềm cho vải dệt. Dựa trên thành phần cấu tạo, sợi cotton được chia thành các loại sau:



Sợi 100% cotton

Sợi 100% cotton bao gồm sợi chải kỹ (CM), sợi chải thô (CD) và sợi kết thúc mở (OE).

Sợi cotton 100% có khả năng hút ẩm tốt, rất thích hợp với khí hậu Việt Nam và được sử dụng để dệt các loại vải cứng và có giá thành cao.



Sợi TC

TC (Tetron Cotton) là sợi với thành phần pha trộn giữa cotton và PE bao gồm 65% PE và 35% cotton chải kỹ (TCM), 65% PE và 35% cotton chải thô (TCD). Với tỉ lệ này, sợi TCM/TCD được dùng để dệt các loại vải mềm, có độ cứng vừa phải.

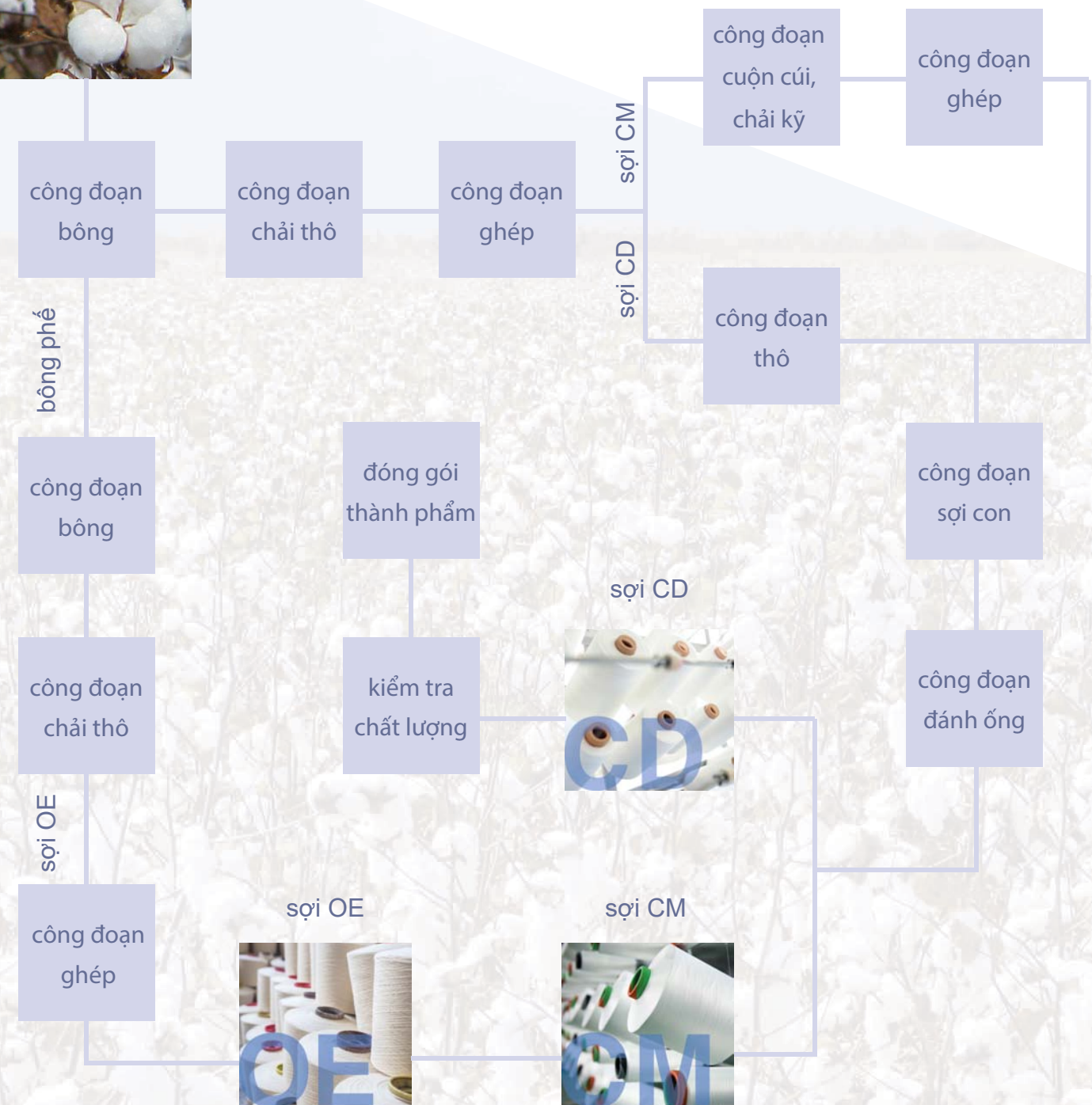


Sợi CVC

CVC (Chief Value of Cotton) là loại sợi với thành phần chính là cotton theo tỷ lệ thông dụng CVC 65% cotton và 35% PE. Với sự kết hợp này, sợi CVC được dùng để dệt các loại vải có độ bền khá cao, co giãn và vẫn thấm mồ hôi tốt.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT SỢI FORTEX

Hiện tại công nghệ sản xuất sợi phổ biến là công nghệ sản xuất sợi nổi cọc (CD/CM) và công nghệ sản xuất sợi OE. Sợi CD/CM sản xuất theo công nghệ nổi cọc từ xơ dài cho ra thành phẩm sợi có chỉ số cao (Chỉ số càng cao thì sợi càng nhỏ, càng mảnh); trong khi đó, sợi OE được sản xuất theo công nghệ Rotor từ xơ ngắn cho ra sợi với chỉ số sợi thấp. Về dây chuyền sản xuất, sợi CD/CM có số lượng máy nhiều hơn và chi phí đầu tư máy móc cao hơn.



MÔ TẢ QUY TRÌNH SẢN XUẤT SỢI FORTEX

CÔNG ĐOẠN BÔNG

Nguyên liệu đưa vào sản xuất theo đúng phương án pha bông và được đưa vào dây bông xé tơi và trộn đều



CÔNG ĐOẠN ĐÁNH ỔNG

Nhiều ống sợi con được nối lại trên máy đánh ống tạo thành những búp sợi lớn, có trọng lượng tùy theo yêu cầu



CÔNG ĐOẠN SỢI CON

Máy sợi con tiếp tục kéo dài sợi thô, xe sẵn và quấn ống tạo ra sợi con có độ mảnh nhất định (Chi số N) và chất lượng (Độ sẵn, độ đều, độ bền).



CÔNG ĐOẠN CHẢI THÔ

Lọc tạp, loại bỏ bông không đủ tiêu chuẩn, phân chải, làm đều và kéo bông thành từng sợi cúi tạo ra cúi chải thô



CÔNG ĐOẠN THÔ

Cúi ghép được đưa vào máy sợi thô để kéo sơ bộ, xe sẵn ở mức độ thấp và quấn ống tạo ra búp sợi thô.

Với sợi chải kỹ, các thùng cúi ghép được đưa vào máy cuộn cúi ở công đoạn chải kỹ (Xơ bông ngắn sẽ được loại tối đa tại đây). Cúi chải kỹ được đưa qua công đoạn ghép để làm đều chất lượng bán thành phẩm.

CÔNG ĐOẠN GHÉP

Các thùng cúi chải thô được ghép cùng nhau ở máy ghép. Máy ghép kéo dài, làm duỗi thẳng và làm đều tạo ra cúi ghép



MÔ HÌNH TẠO GIÁ TRỊ VÀ SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỐT LÕI



Nhà cung cấp đa dạng
Nguồn gốc bông đa dạng
Số lượng mua hàng lớn
Kho hàng đạt tiêu
chuẩn an toàn
Am hiểu thị trường và kỹ
năng đàm phán tốt



Nhà cung cấp phân phối đa dạng
Chi phí bán hàng thấp
Giao hàng đúng hạn
Vị trí thuận tiện, chi phí vận chuyển thấp



Phản hồi nhanh
Theo đuổi và cam
kết cải tiến liên tục.



Lực lượng lao động ổn định, có kỹ
luật và chi phí lao động thấp
Hệ thống kiểm soát
chất lượng đầy đủ
Hiệu quả cao, lãng phí thấp
Công suất sử dụng cao



Thương hiệu nổi tiếng
Chất lượng tốt và ổn định
Giá cả cạnh tranh
Sản lượng khá lớn
Dịch vụ khách hàng tốt

FORTEX

Việc xây dựng và hình thành nên các giá trị cho riêng bản thân mỗi doanh nghiệp là một điều hết sức cần thiết và quan trọng trong tình hình kinh tế xã hội hiện nay. Fortex đã từng bước hình thành nên những nhân tố cần thiết trong mô hình tạo giá trị cho riêng Công ty. Đây là những ưu thế riêng mang lại những lợi ích lâu dài và vị thế vững chắc hơn trong quá trình phát triển bền vững, đồng thời giúp cho Công ty có thêm thực lực để giải quyết những rủi ro và vươn lên trong thị trường dệt may nói riêng và nền kinh tế nói chung.



FORTEX & MÔ HÌNH TẠO GIÁ TRỊ

VỊ TRÍ THUẬN TIỆN, CHI PHÍ VẬN CHUYỂN THẤP

Nhà máy của Fortex được đặt ở Thái Bình vùng quy hoạch sợi, một vị trí tương đối thuận lợi. Vì vậy, Fortex có được lợi thế về mặt phân phối vận chuyển giúp các khoản chi phí vận chuyển được cắt giảm một cách tối đa.

NHU CẦU MUA HÀNG SỐ LƯỢNG LỚN

Đây là một lợi thế kinh tế theo quy mô của Fortex. Điều này giúp gia tăng sức mạnh bán hàng khi công ty càng gia tăng quy mô sản xuất. Nhu cầu mua hàng số lượng lớn từ khách hàng cũng tạo thuận lợi và giúp cho Fortex có được sự ổn định trong dòng tiền lưu chuyển của Công ty.

GIAO HÀNG ĐÚNG HẸN

Trong các giao dịch với khách hàng, uy tín luôn được Fortex đặt lên hàng đầu. Hiểu được điều này, Công ty luôn chú trọng đảm bảo thời gian giao hàng cho khách hàng và các bên liên quan khác. Điều này đã tạo được niềm tin và củng cố được các mối quan hệ giữa Fortex với khách hàng.

1
GIÁ TRỊ VỀ
PHÂN PHỐI

2
GIÁ TRỊ VỀ
SẢN XUẤT

LAO ĐỘNG ỔN ĐỊNH, CHI PHÍ THẤP VÀ CÓ KỸ LUẬT CAO

Fortex đặt tại Thái Bình nơi có nguồn lao động chi phí thấp và ổn định. Công ty luôn có những chính sách trau dồi và đào tạo để nâng cao trình độ của nhân viên. Ngoài ra, tính kỷ luật luôn được đề cao tại Fortex.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NGHIÊM NGẶT

Trong quá trình sản xuất sẽ không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, Fortex luôn chú trọng xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt nhằm đảm bảo chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đầu ra. Công ty đã đầu tư xây dựng trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu thế giới về thiết bị kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi dệt.

CÔNG SUẤT SẼ DỤNG CAO

Dây chuyền thiết bị hiện đại có tính tự động hóa cao của Fortex đều có xuất xứ từ các nhà cung cấp nổi tiếng trên thế giới và hiện hoạt động ở mức công cao. Công ty đã sử dụng lợi thế này hợp lý nhất có thể để có được hiệu quả làm việc và số lượng sản phẩm đáp ứng theo những kế hoạch và chỉ tiêu đã đặt ra.

3

GIÁ TRỊ VỀ
BÁN HÀNG

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG

Với 15 năm kinh nghiệm, thương hiệu Fortex đã được khẳng định trên thị trường trong nước và quốc tế. Việc xây dựng được danh tiếng vững chắc giúp cho Công ty tạo niềm tin cho các đối tác và khách hàng.

CHẤT LƯỢNG ỔN ĐỊNH

Thấu hiểu những yêu cầu và mong muốn của khách hàng, Fortex luôn đáp ứng bằng cách tạo ra những sản phẩm với chất lượng ổn định và tốt nhất.

SẢN LƯỢNG KHÁ LỚN

Là doanh nghiệp có quy mô lớn trong lĩnh vực hoạt động của mình, sản lượng sản phẩm mà Fortex sản xuất được là khá lớn, thế nên Công ty luôn có được một thế mạnh vững chắc và luôn luôn có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong thời gian sớm nhất và tránh được các rủi ro về thiếu hụt sản phẩm trong cung ứng.

4

GIÁ TRỊ VỀ
DỊCH VỤ
HẬU MÃI

PHẢN HỒI NHANH

Fortex luôn nắm bắt được tâm lý chung của khách hàng và không để khách hàng phải đợi lâu khi họ có nhu cầu liên hệ với Công ty, luôn cố gắng phản hồi sớm nhất và cảm ơn khi khách hàng gửi những ý kiến đóng góp.

THEO ĐUỔI VÀ CAM KẾT LIÊN TỤC

Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty luôn hướng đến tầm nhìn, sứ mệnh, cũng như những định hướng lâu dài và bền vững cho doanh nghiệp. Để theo đuổi và hoàn thành những mục tiêu đã đề ra, Công ty luôn không ngừng nỗ lực cam kết và cải thiện sản phẩm dịch vụ liên tục.

GIÁ CẢ CẠNH TRANH

Giá cả là một trong những yếu tố quyết định và quan trọng trong các thương vụ đàm phán giữa doanh nghiệp và khách hàng. Fortex luôn giữ mức giá bán phù hợp với thị trường để tạo dựng được lòng tin và thắt chặt hơn mối quan hệ giữa khách hàng với Công ty.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TỐT

Bên cạnh giá cả, chất lượng và tính chất ổn định của sản phẩm, Fortex luôn hiểu rằng chất lượng dịch vụ bán hàng là điều vô cùng quan trọng. Việc đáp ứng được khâu này sẽ tạo ra và duy trì được ấn tượng tốt và quan hệ lâu dài của Công ty đối với khách hàng.

NHÀ CUNG CẤP ĐA DẠNG TRÊN TOÀN CẦU

Số lượng và sự đa dạng các nhà cung cấp là một lợi thế rất lớn của Fortex. Do đặc thù ngành có nguồn liệu đầu vào chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài với số lượng nhiều và sự ổn định cao. Thế nên, việc có đa dạng nhà cung cấp đã giúp cho Fortex có sự phát triển vững chắc hơn và tránh được các rủi ro về thiếu hụt nguồn nguyên liệu.

NGUỒN GỐC BÔNG ĐA DẠNG

Không những cần đảm bảo về số lượng mà còn phải chắc chắn về chất lượng của nguồn nguyên liệu đầu vào. Nguồn gốc bông đa dạng, chất lượng cao, ổn định cũng là một lợi thế của Fortex. Điều này giúp Công ty có thêm những lựa chọn về chất lượng của nguyên liệu để phục vụ cho quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm.

KHO HÀNG ĐẠT TIÊU CHUẨN AN TOÀN

Sự an toàn và hiệu quả hiện nay đều có những thước đo và tiêu chuẩn riêng. Fortex đã tạo xây dựng được những kho hàng đạt tiêu chuẩn an toàn để phục vụ cho nhu cầu dự trữ bông rất lớn của mình. Nguồn nguyên liệu sau khi được nhập sẽ được bảo quản một cách tốt nhất, tránh được sự hư hỏng và mất mát trong quá trình dự trữ.

AM HIỂU THỊ TRƯỜNG VÀ CÓ KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN TỐT

Fortex luôn biết được vị thế của mình và am hiểu về thị trường mà Công ty đang hoạt động bằng đội ngũ mua hàng giàu kinh nghiệm. Việc luôn bắt kịp được những xu hướng và những thay đổi trên thị trường giúp Công ty chuẩn bị tốt hơn trước những thay đổi có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ chuyên môn của Fortex có kỹ năng đàm phán tốt cũng giúp cho Fortex có những lợi thế về quan hệ so với những đối thủ cạnh tranh khác.

5

GIÁ TRỊ VỀ
THU MUA

MA TRẬN LỢI THẾ CẠNH TRANH



TẠI SAO KHÁCH HÀNG CHỌN FORTEX ?



Quy mô sản xuất: Lớn và tiếp tục mở rộng công suất



Chất lượng: Ổn định và tập trung ở phân khúc trung – cao cấp



Giá cả: Cạnh tranh, hợp lý và có lợi thế về quy mô



Dịch vụ sau bán hàng: Chuyên nghiệp và tận tình



Khả năng đáp ứng đơn hàng: Linh động và thuận tiện vận chuyển từ nhà máy đến cảng giao nhận



“
KẾT NÊN CHẤT LƯỢNG
XE SỢI THÀNH CÔNG
”



“
TẬN DỤNG TỐI ĐA CÁC CƠ HỘI TĂNG
TỐC CÙNG NỀN KINH TẾ HỘI NHẬP
”



BỐI CẢNH KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CP TPP

MARCH 8, 2018 | SANTIAGO | CHILE

PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC



BỐI CẢNH VĨ MÔ VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2017

BỐI CẢNH VĨ MÔ 2017

NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT CHÂU Á

Trên phương diện tổng thể, nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2017 chứng kiến một năm tăng trưởng “tràn ngập” kỷ lục. Tăng trưởng GDP cao nhất trong 10 năm trở lại đây, các chỉ số kinh tế khác đều có nhiều khởi sắc... là những nét đáng chú ý trên bức tranh vĩ mô Việt Nam 2017.

**+ 6,81%
GDP**

GDP tăng trưởng cao nhất 10 năm

Kiểm soát lạm phát thành công

**+ 3,53%
CPI**

» GDP tăng trưởng cao nhất 10 năm

Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2017 đạt 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% Quốc hội đề ra đầu năm - mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và đạt mức tăng trưởng nhanh nhất khu vực Châu Á. Thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) cũng được cải thiện đáng kể với con số 2.306 USD/người, tăng 134 USD so với năm 2016.

**+ 18,2%
TÍN DỤNG**

Tăng trưởng tín dụng ở mức cao

» Kiểm soát lạm phát thành công

Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ năm 2017 kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Lạm phát ở mức độ an toàn dưới 5%. CPI bình quân cả năm tăng 3,53%, chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%.

» Tăng trưởng tín dụng ở mức cao

Tăng trưởng tín dụng năm 2017 đã đạt được nhiều thành công và góp phần không nhỏ vào thúc đẩy phát triển kinh tế. Tính đến ngày

**17,5 tỷ USD
FDI**

Dòng vốn FDI lập kỷ lục 10 năm

31/12/2017, tín dụng tăng 18,17% so với đầu năm, trong đó 80% dư nợ tín dụng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

» Dòng vốn FDI lập kỷ lục 10 năm

Năm 2017, dòng vốn FDI thực hiện lên tới 17,5 tỷ USD, ghi nhận mức kỷ lục trong vòng 10 năm với 125 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư các dự án vào Việt Nam. Trong đó, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Nhật Bản là các quốc gia có mức đầu tư FDI vào Việt Nam cao nhất.

» Kim ngạch XNK cao nhất 10 năm

Kim ngạch XNK của Việt Nam trong năm 2017 cũng đạt mức kỷ lục trong vòng 10 năm. Tính đến hết năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 213,77 tỷ

**2,67 tỷ USD
XUẤT SIÊU**

Kim ngạch XNK cao nhất 10 năm

USD và nhập khẩu 211,1 tỷ USD. Như vậy trong năm 2017, Việt Nam xuất siêu 2,67 tỷ USD.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam với 58,5 tỷ USD, sau đó tới Hàn Quốc, Asean, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ. Trong khi đó, Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang Hoa Kỳ với 41,5 tỷ USD, sau đó tới EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc...

» TTCK tăng trưởng vượt bậc

TTCK Việt Nam năm 2017 đạt mức tăng cao hàng thứ hai trên thế giới khi chỉ số VN-Index tăng gần 50%, vốn hóa thị trường tăng hơn 70%. Sức hút và sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với TTCK Việt Nam cũng đặc biệt nhiều hơn khi tổng giá trị danh mục nhà đầu tư nước ngoài đạt 32,9 tỷ USD tính đến cuối tháng 12/2017, tăng 90% so với cuối năm 2016.

**+ 50%
VNINDEX**

TTCK tăng trưởng vượt bậc

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2017

Ngành Dệt may Việt Nam bước vào năm 2017 với không ít khó khăn bất lợi, sự kiện Mỹ rút khỏi TPP khiến cơ cấu sản xuất cũng như định hướng đầu tư của các doanh nghiệp trong ngành thay đổi đáng kể. Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương

mại của một số nước như Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ cũng góp thêm tác động làm sức mua sụt giảm. Bất chấp nhiều khó khăn thách thức trong nước xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trưởng khả quan ở mức hai con số năm 2017.



NGÀNH DỆT MAY TĂNG TRƯỞNG 02 CON SỐ

Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành Dệt may năm 2017 ước đạt khoảng 31 tỷ USD, tăng 10,23% so với năm 2016, cao hơn rất nhiều so với mức tăng hơn 4% của năm 2016 so với 2015 (thấp nhất kể từ năm 2010 trở lại đây). So với kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng gần 18,91 tỷ USD, thặng dư thương mại của ngành dệt may trong năm 2017 đạt khoảng 15,5 tỷ USD, tăng trên 7% so với năm 2016, dẫn đầu giá trị thặng dư thương mại trong các mặt hàng xuất khẩu của cả nước.

XUẤT KHẨU
DỆT MAY

31

TỶ USD
Năm 2017

TĂNG TRƯỞNG
XK DỆT MAY

10,2%

SO VỚI
Năm 2016

THẶNG DƯ
DỆT MAY

15,5

TỶ USD
Năm 2017



TỔNG CẦU DỆT MAY THẾ GIỚI NĂM 2017 GIẢM 0,85%

Kết quả đạt được như trên của ngành dệt may Việt Nam trong năm 2017 là rất tích cực trong bối cảnh tổng cầu thế giới sụt giảm, các quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về mặt hàng này như Trung Quốc, Ấn Độ chứng kiến sự sụt giảm hoặc chỉ tăng trưởng nhẹ. Tổng cầu dệt may thế giới ước đạt 675 tỷ USD năm 2017, giảm 0,85% so với năm 2016. Trung Quốc, quốc gia chiếm gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may toàn cầu, xuất khẩu 250 tỷ USD các mặt hàng dệt may ra thế giới năm 2017, giảm 1,2% so với năm 2016. Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Ấn Độ, quốc gia đứng thứ ba về xuất khẩu mặt hàng này cũng chỉ tăng nhẹ 4%.

CẠNH TRANH ĐƠN HÀNG, ĐƠN GIÁ GIẢM

Mặc dù vẫn duy trì được mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu khá cao so với trung bình toàn thị trường, nhưng đà tăng đã có phần chững lại tại hầu hết các thị trường chính là Mỹ, EU, Hàn Quốc hay Nhật Bản do cạnh tranh về đơn hàng, đơn giá chưa được cải thiện trong khi các chi phí thì tăng liên tục (chi phí nhân công, bảo hiểm...).

VỊ THẾ CẠNH TRANH CỦA FORTEX

QUA PHÂN TÍCH MÔ HÌNH FIVE FORCES

Thị trường Việt Nam nói chung và thị trường dệt may nói riêng đều có những sự thay đổi và chuyển mình liên tục để đáp ứng được các nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Ngành dệt may của Việt Nam tương đối ổn định, nhưng vẫn còn đó những thách thức và khó khăn mà các doanh nghiệp dệt may phải đối mặt. Vì thế, Ban lãnh đạo Fortex cho rằng việc xác

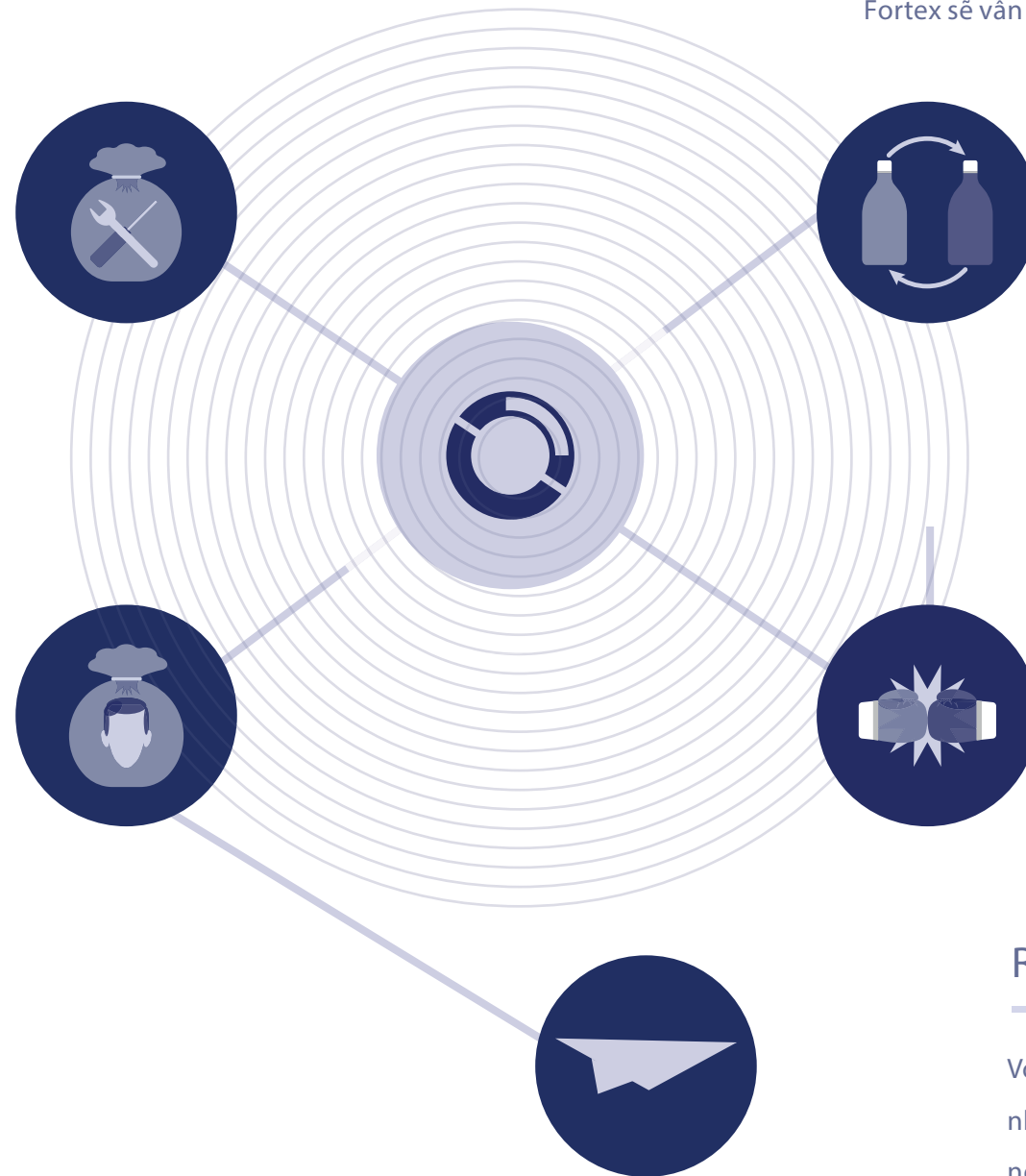
định được vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp là điều quan trọng và cần thiết để từ đó đưa ra những chiến lược thích hợp nhằm cải thiện và gia tăng khả năng cạnh tranh cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh. Chúng tôi sử dụng mô hình Five Forces của Micheal Porter để phục vụ cho phần phân tích này.

Tác động từ phía nhà cung cấp: **TRUNG BÌNH**

Nguồn nguyên liệu chính của Fortex được nhập khẩu chủ yếu từ nước ngoài. Nguyên liệu của Fortex được cung ứng từ những nhà cung cấp có quy mô lớn và lâu đời như Olam, Ecom, Cargill,... Do sự phụ thuộc gần như tuyệt đối vào các nhà cung ứng này nên Fortex sẽ chịu tác động khá lớn từ các chính sách của họ. Tuy nhiên, hiện nay số lượng nhà cung cấp cho Fortex cũng khá nhiều và ngày càng được mở rộng nên áp lực từ các nhà cung ứng chỉ ở mức trung bình, ngoại trừ các biến động về giá cả.

Tác động từ phía khách hàng: **CAO**

Fortex sở hữu số lượng khách hàng lớn, phần lớn sản phẩm đều được xuất khẩu ra nước ngoài, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp của Trung Quốc. Nền kinh tế và giá trị đồng nhân dân tệ của Trung Quốc đang có nhiều biến động, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến Fortex. Vì vậy trong tương lai, Fortex sẽ có sự thay đổi về định hướng và phân khúc khách hàng để hạn chế những rủi ro trên. Tuy nhiên, quá trình đó sẽ phát sinh thêm nhiều chi phí trong việc tìm kiếm thêm những khách hàng mới. Cùng với đó, Fortex cũng cần thực hiện những giải pháp để duy trì những khách hàng hiện tại và thu hút các khách hàng tiềm năng như đàm phán những hợp đồng dài hạn với một số mặt hàng đặc biệt để ổn định được mức giá, hạn chế những rủi ro về biến động giá cả.



Sản phẩm thay thế: **CAO**

Trong thời điểm hiện nay, ngành sợi bông cotton tự nhiên của Fortex đang phải cạnh tranh khá gay gắt với sợi nhân tạo. Do các sản phẩm của doanh nghiệp phần lớn được xuất khẩu sang nước ngoài và nhu cầu về sợi nhân tạo trên thế giới lại đang ngày càng gia tăng nên ảnh hưởng của sản phẩm thay thế đến Fortex là khá cao. Các doanh nghiệp đối thủ của Fortex cũng đã nắm bắt được nhu cầu cao của sợi nhân tạo và bắt đầu có xu thế phát triển và kế hoạch để tự sản xuất được sợi nhân tạo. Tuy nhiên, với nhu cầu tiêu thụ gia tăng và lợi thế đặc thù của chất liệu cotton bởi khả năng hút ẩm tốt phù hợp với tính chất khí hậu nóng ẩm ở các quốc gia nhiệt đới như Việt Nam, thị trường sợi cotton của Fortex sẽ vẫn tiếp tục duy trì và tăng trưởng ổn định cùng với sự gia tăng dân số toàn cầu.

Đối thủ cạnh tranh: **CAO**

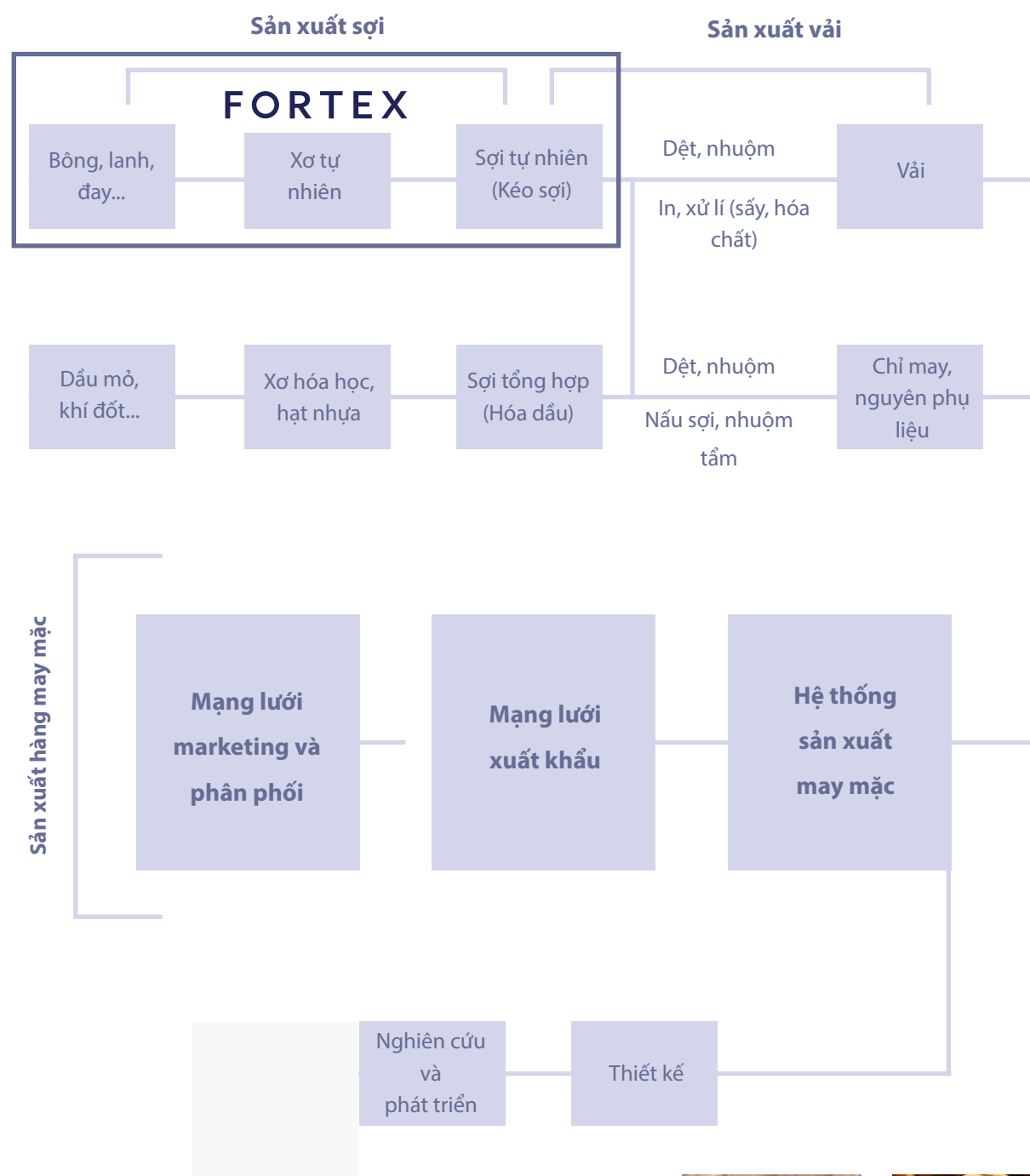
Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi trong những năm gần đây. Với số lượng doanh nghiệp đối thủ trong nước được thành lập gia tăng và các doanh nghiệp FDI mở rộng nhà máy tại Việt Nam để đón đầu các hiệp định thương mại tự do, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và giá bán diễn ra gay gắt. Thế nên, để bắt kịp được xu hướng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh, Fortex cần đảm bảo được việc sản xuất sợi bông một cách ổn định đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến hành thực hiện các kế hoạch phát triển các sản phẩm chuyên biệt và đa dạng hóa các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao.

Rào cản gia nhập ngành: **CAO**

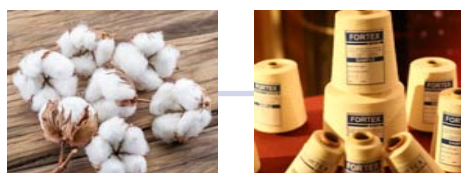
Với quy mô lớn và hoạt động kinh doanh có những đặc thù nhất định, Fortex có nhu cầu khá cao về máy móc, công nghệ, kỹ thuật, trang thiết bị, đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao,... Vì thế, để gia nhập ngành cần phải có nguồn vốn ổn định và đội ngũ nhân sự hiệu quả. Do đó, rào cản gia nhập ngành là khá cao.

PHÂN TÍCH NGÀNH PHỤC VỤ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHUỖ GIÁ TRỊ DỆT MAY THẾ GIỚI



*** Fortex hiện tham gia vào chuỗi giá trị dệt may đến công đoạn sản xuất sợi tự nhiên từ bông cotton nguyên liệu.



Chuỗi giá trị dệt may chịu ảnh hưởng bởi người mua, việc tạo ra sản phẩm cuối cùng phải qua nhiều công đoạn và hoạt động sản xuất thường được tiến hành ở nhiều nước và được chia làm 5 công đoạn cơ bản:

SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may gồm hai loại chính là: bông, lanh, đay... (Sợi tự nhiên), Dầu mỏ, khí đốt...(Sợi tổng hợp).

» SẢN XUẤT NGUYÊN PHỤ LIỆU

Sản xuất nguyên phụ liệu là công đoạn thâm dụng vốn, đòi hỏi cao về máy móc cũng như nhân lực, vì vậy nó mang lại giá trị gia tăng tương đối cao. Đối với hàng may mặc, giá trị của phần nguyên phụ liệu chiếm tỷ trọng lớn khoảng 60-70% và quyết định đến chất lượng sản phẩm. Nguyên liệu chính là thành phần chính tạo nên sản phẩm may mặc, chính là các loại vải, Trung Quốc, Châu Âu, Mỹ...là những nước, khu vực chính đảm nhiệm khâu này

» SẢN XUẤT MAY MẶC

May mặc là mắt xích thâm dụng lao động nhất nhưng lại có tỷ suất lợi nhuận thấp nhất. May là khâu các quốc gia mới gia nhập ngành

thường chọn để thâm nhập đầu tiên vì không đòi hỏi đầu tư cao về công nghệ và rất thâm dụng lao động.

Các quốc gia tham gia chuỗi giá trị toàn cầu từ lâu thường không còn thực hiện các công đoạn trong khâu này nữa mà hợp đồng gia công lại cho các quốc gia mới gia nhập ngành, có nguồn lao động giá rẻ và việc sản xuất nguyên phụ liệu đầu vào chưa phát triển như Bangladesh, Việt Nam và Pakistan. Đối với các doanh nghiệp tham gia hoạt động gia công, tỷ lệ giá trị gia tăng thu về trong phân khúc may cũng sẽ khác nhau tùy theo phương thức xuất khẩu là CMT hay FOB.

» XUẤT KHẨU

Xuất khẩu là một khâu thâm dụng tri thức, bao gồm các công ty may mặc có thương hiệu, văn phòng mua hàng, và các công ty thương mại của các nước hay các nhà buôn lớn.

Các nhà cung cấp là trung gian đóng vai trò then chốt và nắm giữ phần lớn giá trị trong chuỗi may mặc toàn cầu dù họ không hề sở hữu nhà máy sản xuất nào. Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc đang nắm đa số các điểm nút của mạng lưới này.

» MARKETING VÀ PHÂN PHỐI

Marketing và phân phối là công đoạn thâm dụng tri thức và mang lại giá trị gia tăng cao. Các nhà bán lẻ trên thế giới như Uniqlo, Nike, Adidas...đang nắm giữ khâu này và thu được nguồn lợi rất lớn hàng năm.

Các công ty phân phối thường chính là các nhà thiết kế vì họ là người hiểu rõ nhất nhu cầu và điều kiện để thỏa mãn thị hiếu của khách hàng. Các công ty trong khâu này thường không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, chỉ thực hiện hoạt động phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng nhưng họ đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tác động đến chuỗi dệt may thế giới vì nắm rõ nhu cầu của những người tiêu dùng, cung cấp xu hướng thời trang cho các nhà thiết kế sản phẩm và nắm giữ hệ thống bán hàng, kênh phân phối trên toàn cầu.

Đây là mắt xích được tham gia bởi các nước phát triển. Các nước đang phát triển và mới tham gia vào chuỗi dệt may toàn cầu thường khó tham gia được khâu này do rào cản gia nhập lớn.

NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

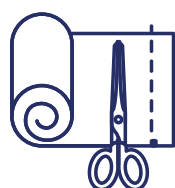


Việt Nam trong chuỗi giá trị dệt may thế giới

Tên thế giới, nhà sản xuất dệt may xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc, với quy mô, năng lực sản xuất đáp ứng 50% nhu cầu của thế giới. Đây là quốc gia sở hữu hoàn chỉnh chuỗi cung ứng dệt may, bao gồm cả cung ứng máy móc. Với lợi thế là nền kinh tế lớn, có công nghiệp nặng, hóa chất hỗ trợ dệt may, đa dạng đất đai để phát triển nguyên liệu, Trung Quốc có lợi thế để đáp ứng tất cả các khâu và là quốc gia sở hữu chuỗi cung ứng dệt may hoàn chỉnh, bao gồm cả cung ứng máy móc.

Nước xuất khẩu lớn thứ hai là Ấn Độ. Với lợi thế đông dân, có cơ khí, hóa chất, có vùng trồng bông, có thị trường nội địa lớn gấp 2 lần xuất khẩu, Ấn Độ dễ dàng đạt đến đẳng cấp toàn cầu về chuỗi cung ứng dệt may.

Mặc dù Việt Nam là một trong 10 nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới nhưng chuỗi giá trị cung ứng dệt may của Việt Nam rất nhỏ bé so với Trung Quốc. Về mặt tự nhiên, quy mô kinh tế, Việt Nam khó đạt đẳng cấp như Trung Quốc và Ấn Độ.



Ngành dệt may Việt Nam

Ngành dệt may là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đóng góp 15% vào GDP. Lực lượng lao động ngành dệt may chiếm hơn 20% lao động trong khu vực công nghiệp và 5% tổng lực lượng lao động toàn quốc. Trong đó, các công ty may chiếm tỷ trọng 85%, theo sau là các công ty dệt và kéo sợi 15%.

Các hiệp định thương mại tự do (FTAs) mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cho ngành dệt may Việt Nam. Dự đoán kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam có thể chạm mức 55 tỷ USD vào năm 2025 nhờ các FTA (Năm 2017 là 31 tỷ USD). Song song với những cơ hội, Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức khi phải tuân thủ các quy tắc xuất xứ, chuẩn mực lao động, các yêu cầu khắt khe về trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường... Có thể nói, ngành dệt may với phần lớn các công ty thuộc quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực tài chính và năng lực cạnh tranh thấp sẽ gặp khó khăn khi mở cửa nền kinh tế. Tuy nhiên, về lâu dài các Hiệp định thương mại tự do sẽ là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp hoàn thiện và chuyển lên khâu cao hơn trong chuỗi giá trị, hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới.



Kết cấu ngành dệt may Việt Nam không cân xứng

Ngành dệt may Việt Nam có kết cấu không cân xứng với hầu hết các doanh nghiệp tập trung ở ngành may (hơn 80%) và phần lớn các doanh nghiệp thuộc quy mô vừa và nhỏ.



NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Bông là nguyên liệu đầu vào của ngành sợi/dệt để sản xuất sợi tự nhiên. Tuy bông được trồng ở hơn 100 quốc gia nhưng đây là ngành có mức độ tập trung cao với 3 quốc gia sản xuất chính là Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ. Trong khi đó, Việt Nam là nước nhập khẩu bông nguyên liệu đầu vào. Trong năm 2017, Việt Nam đã nhập khẩu gần 1,3 triệu tấn bông, tương đương 2,3 tỷ USD. Hoa Kỳ vẫn duy trì vị thế thị trường cung cấp bông hàng đầu cho Việt Nam trong một thập kỷ qua. Trong năm 2017, Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ tổng cộng 635 ngàn tấn bông, đạt kim ngạch 1,18 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 38% lượng bông nhập khẩu của Việt Nam từ các thị trường năm 2017.



KÉO SỢI

Năm 2017, Việt Nam sản xuất được 2 triệu tấn sợi các loại, tăng 32% so với cùng kỳ. Xuất khẩu xơ sợi năm 2017 đạt 3,6 tỷ USD, tăng 22,7% so với 2016. Cho cả năm 2017, giá trị xuất khẩu ròng của Việt Nam đối với mặt hàng xơ sợi là 1,8 tỷ USD, trong đó hơn 58% vẫn là xuất sang Trung Quốc, theo sau là Hàn Quốc (10%), Thổ Nhĩ Kỳ (6%), Thái Lan (3%).



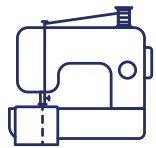
DỆT NHUỘM

Sản xuất vải của Việt Nam chỉ đáp ứng được 15% nhu cầu. Hiện Việt Nam có thể chủ động được 85% lượng vải dệt kim, 30% vải dệt thoi. Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu 11,4 tỷ USD vải, xuất khẩu đạt 1,32 tỷ USD. Hầu hết vải của Việt Nam được nhập khẩu từ Trung Quốc với 54%, tiếp theo là Hàn Quốc 18%, Đài Loan 14%, Nhật Bản 6%, Hồng Kông 2%, Thái Lan 2%.

Vai trò của ngành dệt đối với ngành may nói riêng và tổng thể ngành dệt may là rất lớn vì vải là yếu tố quan trọng quyết định đến chi phí và chất lượng cuối cùng của một sản phẩm may mặc. Mặc dù có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho ngành may nhưng trên thực tế, ngành dệt nhuộm và hoàn tất vẫn chưa phát triển được như kỳ vọng, tạo thành nút thắt cổ chai, kìm hãm sự phát triển của ngành.

Tình trạng Việt Nam phải nhập khẩu vải, trong khi đó sợi Việt Nam chủ yếu được dùng để xuất khẩu là do:

- Xuất khẩu sợi sang nước ngoài đem lại lợi nhuận cao hơn so với bán sợi trong nước.
- Chúng loại và chất lượng vải từ sợi Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu của hàng may mặc xuất khẩu trong nước nên dẫn tới việc ngành may phải nhập khẩu vải và nguyên phụ liệu.
- Đặc thù ngành dệt may Việt Nam chủ yếu là gia công xuất khẩu, việc chọn nguyên vật liệu là theo chỉ định của bên đặt hàng.



MAY

Năm 2017, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam ra thị trường nước ngoài đạt 25,9 tỷ USD, tăng 8,7% so với năm 2016. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Đức, Trung Quốc là các thị trường tiêu thụ chủ yếu các loại hàng dệt may của Việt Nam. Trong đó, thị trường Hoa Kỳ chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam; thị trường Nhật Bản chiếm 12%, Hàn Quốc chiếm 10%; tiếp đến thị trường Anh (3%), Đức (3%), Trung Quốc (3%).

Ở thị trường trong nước, tuy sản xuất và xuất khẩu nhiều nhưng thị phần dệt may sản xuất trong nước chỉ chiếm khoảng 60% tổng mức tiêu thụ tại thị trường nội địa, 40% còn lại là hàng dệt may nước ngoài, trong đó có khoảng 20% hàng dệt may Trung Quốc.

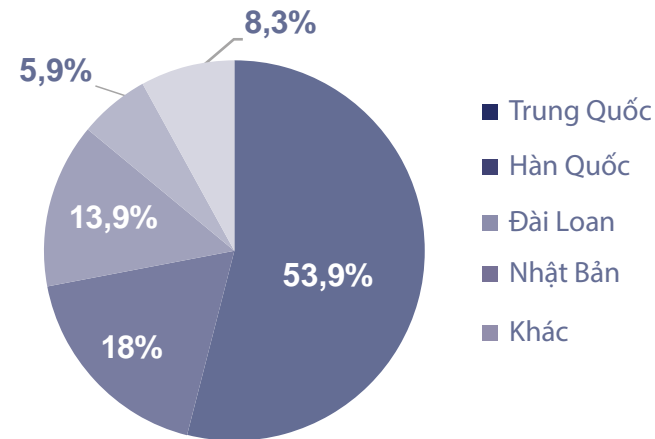
Hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam đang làm tốt nhất ở khâu may gia công do khâu này không đòi hỏi đầu tư cao về công nghệ và tận dụng được nguồn lao động giá rẻ. Tuy nhiên, mức sinh lời ở khâu này khá thấp, khoảng 3-5%.



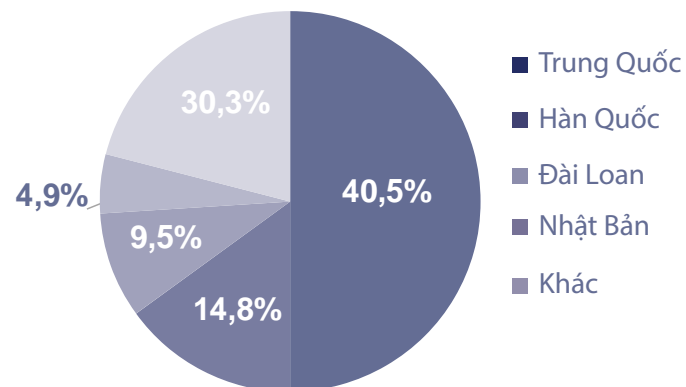
HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, PHÂN PHỐI VÀ MARKETING

Dù ngành dệt may là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nhưng giá trị gia tăng ngành còn thấp. Nguyên nhân là các doanh nghiệp trong nước hầu hết có quy mô vừa và nhỏ, phương thức sản xuất xuất khẩu hầu hết là CMT (cut, make, trim), chiếm đến 85%. Theo đó, các nhà đặt hàng nước ngoài sẽ mua nguyên vật liệu để các nhà sản xuất trong nước gia công. Như vậy, các công ty may trong nước không chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào. Đối với thị trường nội địa, việc phát triển hệ thống phân phối của các công ty dệt may trong nước vẫn còn rất hạn chế.

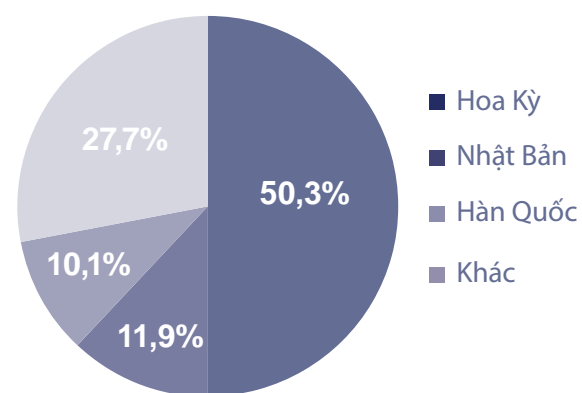
Cơ cấu giá trị nhập khẩu vải theo thị trường của Việt Nam năm 2017



Cơ cấu giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày theo thị trường của Việt Nam năm 2017



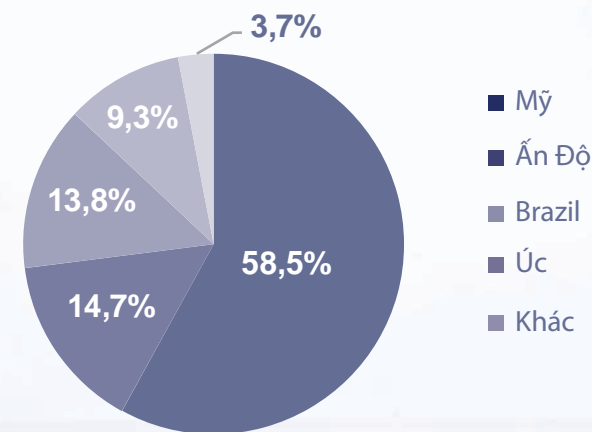
Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt may theo thị trường của Việt Nam năm 2017



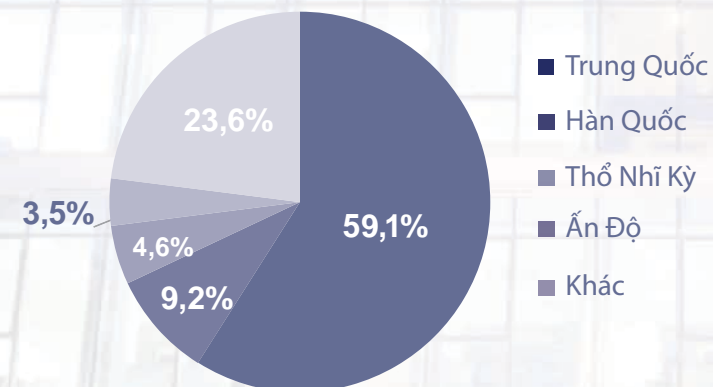
FORTEX

PHÂN KHÚC SỢI VÀ FORTEX

Cơ cấu giá trị nhập khẩu bông theo thị trường của Việt Nam năm 2017



Cơ cấu giá trị xuất khẩu sợi theo thị trường của Việt Nam năm 2017



Bảng thống kê ngành công nghiệp dệt sợi Việt Nam

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	2016	2017*
Số lượng cọc sợi	6,000,000	6,100,000	6,300,000	7,000,000	7,500,000
Số lượng rotor	103,348	103,348	103,348	103,348	103,348
Sản xuất sợi từ bông, polyester và tơ nhân tạo (tấn)	720,000	930,000	990,000	1,550,000	2,050,000
Xuất khẩu sợi (tấn)	720,000	858,500	961,800	1,167,000	1,300,000
Nhập khẩu sợi (tấn)	695,000	740,000	791,800	861,400	904,000
Sản lượng vải (tỷ m ²)	1.3	1.5	1.7	2	2.3
Giá trị vải nhập khẩu (tỷ USD)	8.3	9.4	10.2	10.2	11.4

Nguồn: VCOSA, TCHQ

TRIỂN VỌNG NGÀNH DỆT MAY VÀ FORTEX

QUY HOẠCH NGÀNH

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030
Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	23-24	36-38	64-67
Tỷ lệ XK so cả nước	%	15-16	13-14	9-10
Sử dụng lao động	1.000 người	2,500	3,300	4,400
Sản phẩm chủ yếu				
- Bông xơ	1.000 tấn	8	15	30
- Xơ, sợi tổng hợp	1.000 tấn	400	700	1,500
- Sợi	1.000 tấn	900	1,300	2,200
- Vải các loại	Triệu m ²	1,500	2,000	4,500
- Sản phẩm may	Triệu sản phẩm	4,000	6,000	9,000

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2030 - Bộ Công Thương

» Quan điểm phát triển

Phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

Phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành dệt may, trong đó chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề nhằm tạo ra đội ngũ doanh nhân giỏi, cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên sâu.

Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển dệt may, kêu gọi những nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực mà các doanh nghiệp trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

» Mục tiêu phát triển

Xây dựng ngành công nghiệp dệt may trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, hướng về xuất khẩu và có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng cao; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 10-14%/năm, tăng trưởng xuất khẩu đạt 10- 15%/năm.

» Định hướng phát triển

Thứ nhất: Tăng cường ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường

Thứ hai: Xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế

Thứ ba: Phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu



CƠ HỘI NGÀNH



CƠ HỘI TỪ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

» Trong năm 2018, khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng các hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu được ký kết chính là cơ hội thúc đẩy tăng trưởng cho hàng dệt may Việt Nam. Đi cùng các hiệp định này, thuế suất đối với hàng dệt may xuất khẩu vào các thị trường sẽ được giảm dần theo lộ trình về 0%. Điều này giúp tăng tính cạnh tranh về giá của hàng dệt may Việt Nam với các đối thủ như Trung Quốc, Bangladesh...; qua đó gia tăng số lượng đơn hàng cũng như doanh thu cho các doanh nghiệp trong ngành.

» Một điểm sáng đặc biệt trong năm 2018 là những kỳ vọng về triển vọng của Hiệp định CPTTP với 11 thành viên (Australia, Brunei, Canada, Chile, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam) sẽ tạo những thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng của ngành. Mặc dù không thể phủ nhận tác động của việc Mỹ rút khỏi Hiệp định này sẽ khiến triển vọng tăng trưởng của ngành Dệt may Việt Nam không thể cao như kỳ vọng. Đặc biệt, CPTPP là khu vực tiềm năng để hình thành và phát triển chuỗi giá trị dệt may hoàn chỉnh.



CƠ HỘI MỞ RỘNG PHÁT TRIỂN TỪ CẤU TRÚC NGÀNH DỆT MAY BẤT CÂN XỨNG

» Ngành dệt may đang có sự mất cân đối trong cấu trúc sản xuất khi xuất khẩu sợi nhưng nhập khẩu vải. Sự mất cân đối về nguyên phụ liệu đang đẩy không ít doanh nghiệp từ chỗ sản xuất trực tiếp, tham gia vào các khâu từ nhập nguyên liệu đến sản xuất ra sản phẩm sang sản xuất gia công. Bên cạnh đó, việc phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên phụ liệu cũng đang khiến cho doanh nghiệp dệt may gặp nhiều rủi ro, sản xuất thường xuyên bị ảnh hưởng và tiến độ đơn hàng cũng khó đảm bảo. Trong khi đó, hoạt động xuất khẩu sợi của Việt Nam đang phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc vì đây là thị trường nhập khẩu hơn 50% sản phẩm sợi của Việt Nam.

» Theo tính toán sơ bộ, để đáp ứng được nhu cầu dệt trong nước, ngành sợi cần sản xuất tới hơn 1 triệu tấn. Nhu cầu này đủ đáp ứng bất kỳ sự mở rộng nào của sợi Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có nhiều doanh nghiệp mở rộng quy mô về dệt nhuộm hoặc chuyên môn hóa hiện đại hóa mở rộng phát triển phân khúc sợi chất lượng cao tại Việt Nam.



CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH ĐƠN HÀNG TỪ TRUNG QUỐC SANG VIỆT NAM

» Các đơn hàng dệt may đang có xu hướng chuyển dịch về Việt Nam để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại. Thực tế, nhiều thương hiệu toàn cầu đã và đang tiếp tục dịch chuyển đơn hàng may mặc từ Trung Quốc sang Việt Nam do:

- Trung Quốc đang mất ưu thế cạnh tranh về chi phí sản xuất (nhân công, môi trường)
- Các nhãn hàng lớn muốn tận dụng các ưu đãi về thuế quan từ các FTA. Trong quá trình hội nhập, dệt may là ngành tiềm năng, có khả năng chiếm lĩnh ở phân khúc cao hơn, tạo ra giá trị gia tăng cao.
- Quy mô của ngành dệt-nhuộm Việt Nam đã tăng đáng kể nhờ vào những dự án nhằm đón đầu CPTPP và các hiệp định thương mại tự do.

MỘT SỐ DỰ ÁN FDI DỆT MAY TẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Công ty/Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực sản xuất	Tỉnh/Thành	Thời gian	Giá trị đầu tư (triệu USD)
Worldon	Trung Quốc	May mặc cao cấp	KCN Đông Nam, Củ Chi	2017	310
Gain Lucky	Trung Quốc	Dệt kim	KCN Phước Đông, Tây Ninh	2017	140
Far Eastern New Century	Đài Loan	Sợi-vải-dệt-may	KCN Bàu Bàng, Bình Dương	2015	760
Sheico	Đài Loan	Quần áo thể thao	KCN Đông Nam, Củ Chi	2015	50
Panco	Hàn Quốc	Dệt may	KCN Tam Thăng, Quảng Nam	2015	30
Delicacy	Đài Loan	Sợi, dệt vải và hoàn thiện sản phẩm dệt	KCN Bàu Bàng, Bình Dương	2015	100
Luthai Textile	Trung Quốc	Sợi và vải màu	KCN Phước Đông, Tây Ninh	2016	170
Avery Dennison RBIS	Mỹ	Nhãn mác cho Uniqlo, the North Face	KCN Long Hậu, Long An	2016	30
Hyosung	Hàn Quốc	Sợi spandex, sợi polyester	KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai	2015	660
Delta Galil Industries	Israel	Sợi, dệt thoi	Xã Cát Trinh, Bình Định	2015	13
Yulun Giang	Trung Quốc	Sợi, dệt, nhuộm	KCN Bảo Minh, Nam Định	2015	68

CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM ĐÃ KÝ KẾT

Các quốc gia đã và đang ký FTAs với Việt Nam	Quy tắc xuất xứ (ROO)	Tình trạng ký	Mặt hàng	Việt Nam	Trung Quốc
Nhật Bản	Từ vải trở đi	Có hiệu lực từ 12/2008	Sợi	0%	5%
			May mặc	0%	8.4%-10.9%
Hàn Quốc	Cắt và May	Có hiệu lực từ 12/2015	Sợi	0%	8%
			May mặc	0%	13%
Châu Âu	Từ vải trở đi	Ký kết ngày 12/2015	Sợi	0%	4%
			May mặc	0%	12%
CPTPP	Từ sợi trở đi	Ký kết ngày 8/3/2018	Sợi	MX (B5)	MX (5%)
			May mặc	AUS (EIF, AU4-A, AU3 B); CAN (EIF, B4); MX (B10, B16); NZ (EIF, B7)	AUS (10%); CAN (18%); MX (30%); NZ (10%)

EIF: Giảm ngay lập tức

B4: Giảm theo lộ trình 4 năm, mỗi năm giảm 4.5%

B5: Giảm theo lộ trình 5 năm, mỗi năm giảm 1%

B10: Giảm trong 10 năm, mỗi năm giảm 3%

B16: Giảm trong 16 năm, mỗi năm giảm 1.9%

B7: Giảm trong 7 năm, mỗi năm giảm 1.4%

AU4-A: Giảm trong 4 năm, năm đầu tiên giảm ngay 50% và giữ nguyên thuế suất trong 3 năm, giảm nốt xuống 0% vào năm thứ 4

AU3-B: Giảm trong 3 năm, năm đầu tiên giảm ngay 50% và giữ nguyên thuế suất trong 2 năm, giảm nốt xuống 0% vào năm thứ 3

KHU VỰC 11 NƯỚC CPTPP

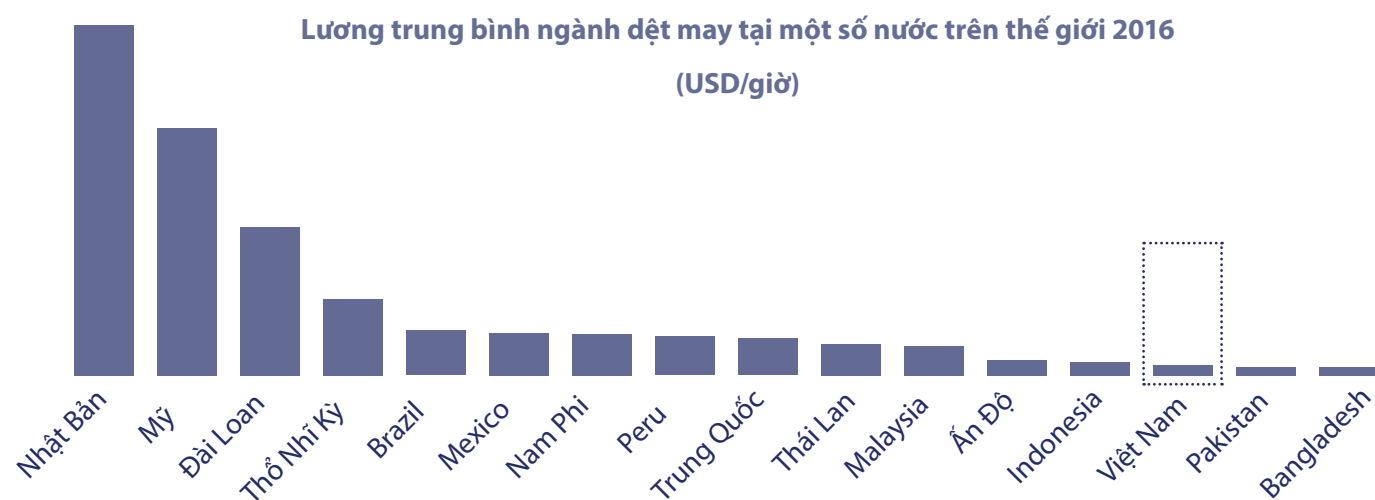




THÁCH THỨC NGÀNH

Lương trung bình ngành dệt may tại một số nước trên thế giới 2016

(USD/giờ)



Nguồn: ILO

THÁCH THỨC TỪ VIỆC TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU

» Tăng lương tối thiểu là bài toán khó cho các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất do làm tăng quỹ lương và chi phí đóng BHXH. Theo đó, các doanh nghiệp sản xuất sẽ chịu thêm áp lực trong việc cân đối chi phí đầu vào để có lợi nhuận. Và nếu không thể cân đối chi phí, các doanh nghiệp có thể sẽ phải sa thải bớt người lao động hoặc thu nhỏ quy mô để cân đối sản xuất.

» Ở tầm nhìn lớn hơn, vấn đề tăng lương tối thiểu là vấn đề gắn liền với năng lực cạnh tranh quốc gia. Vì lương tăng đòi hỏi năng suất lao động cũng phải tăng tương xứng. Giá nhân công Việt Nam vẫn ở mức thấp; tuy nhiên, năng suất lao động của Việt Nam nói chung và ngành dệt may nói riêng còn thấp so với các nước có đặc điểm tương tự như Trung Quốc, Ấn Độ,... Với mức lương tối thiểu ngày càng tăng và những ràng buộc về tiêu chuẩn lao động khi tham gia TPP, rất có thể Việt Nam sẽ mất đi lợi thế nhân công rẻ. Như vậy, nếu không cải thiện được năng suất lao động, dệt may Việt Nam sẽ khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

THÁCH THỨC TỪ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

» Các doanh nghiệp dệt may trong nước đang bị các doanh nghiệp FDI bỏ xa. Thống kê cho thấy, các doanh nghiệp FDI chỉ chiếm 25% tổng số doanh nghiệp nhưng có doanh số xuất khẩu cao gấp hai lần các doanh nghiệp trong nước. Các doanh nghiệp FDI không những có lợi thế về máy móc, công nghệ mà còn có đơn hàng ổn định từ công ty mẹ chuyển về. Nếu các doanh nghiệp trong nước không cải tiến công nghệ, tăng đầu tư thì sẽ bị các doanh nghiệp FDI thu hút hết lợi ích từ các FTA.

» Ngành dệt may tuy được dự báo sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ CPTPP nhưng với quy tắc xuất xứ và các rào cản phi thuế khác của CPTPP, doanh nghiệp Việt Nam có thể không được hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan mang lại ngược lại còn chịu áp lực lớn từ gia tăng cạnh tranh trong nước với các doanh nghiệp FDI.

THÁCH THỨC TỪ CHÍNH SÁCH GIÁ BÔNG CỦA TRUNG QUỐC

» Thị trường bông thế giới hiện nay đều xoay quanh Trung Quốc, đây là nước tiêu thụ bông lớn nhất thế giới, nhập khẩu và nắm lượng dự trữ bông khá lớn, đồng thời vừa là nhà sản xuất bông lớn thứ hai thế giới.

» Sau năm 2011, Trung Quốc quyết liệt hơn trong việc bảo vệ nông sản quốc gia bằng các chương trình mua dự trữ bông và đặt thuế nhập khẩu cao, giảm hạn ngạch nhập khẩu để hạn chế lợi ích từ việc thương mại quốc tế. Việc này đã làm giảm lợi ích của người tiêu dùng ở Trung Quốc và giảm tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế của ngành dệt do giá thành nguyên liệu đầu vào cao nhưng lại là một lợi thế cho xuất khẩu sợi của Việt Nam. Hiện nay, Trung Quốc vẫn là nhà nhập khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam, chiếm 58% tổng sản lượng xuất khẩu bông của nước ta trong năm 2017.

» Hiện nay kho hàng bông của Trung Quốc có khoảng 11 triệu tấn và Chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực giải phóng kho bông này bằng cách tạo ra đặc khu kinh tế ở Tân Cương và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào ngành cọc sợi. Theo đó, Trung Quốc thực hiện các chính sách khuyến khích việc sử dụng bông trong sản xuất sợi nhằm tăng mức tiêu thụ bông từ kho hàng này nhưng làm giảm sản lượng sợi nhập khẩu của quốc gia này.

Trong khi đó, các công ty sợi ở Việt Nam có khách hàng chủ yếu ở Trung Quốc. Nếu Trung Quốc giải phóng lượng bông này thì thị trường của ngành sợi Việt Nam tại Trung Quốc bị thu hẹp đáng kể. Như vậy, lợi thế xuất khẩu sang Trung Quốc của Việt Nam đang trở nên mong manh, sợi Việt Nam bán sang Trung Quốc sẽ rất khó cạnh tranh nếu như tăng thuế nhập khẩu và có hạn ngạch chưa kể đặc khu Tân Cương tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất sợi bằng việc hỗ trợ điện, lương cho công nhân, thuế.

THÁCH THỨC ĐẦU TƯ MỞ RỘNG CHUỖ GIÁ TRỊ

» Vấn đề đầu tư lớn

Tại Việt Nam, nếu đầu tư một vị trí làm của công nhân may thì doanh nghiệp chỉ cần 3.000 USD (con người và công nghệ), nhưng nếu đầu tư vị trí công nhân sợi hoặc dệt thì phải mất 200.000 USD. Trung bình mỗi dự án đầu tư dệt nhuộm cần đầu tư vốn tương đối lớn (khoảng 2 - 5 triệu USD) do đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn rất tốn kém và thời gian thu hồi vốn lâu.

» Yêu cầu về xử lý chất thải

Các nhà máy in, nhuộm hoàn tất luôn gặp phải các vấn đề môi trường vì sử dụng nhiều hóa chất mà hóa chất thải ra cần phải có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Vì vậy, mặc dù có nhiều cơ hội mở rộng trong chuỗi giá trị dệt may để đón đầu xu thế hội nhập nhưng việc đáp ứng những yêu cầu cao về phòng tránh ô nhiễm môi trường là một thách thức lớn đối với đối với các doanh nghiệp khi muốn đầu tư vào ngành này.

» Thiếu cụm công nghiệp dệt may để giảm thiểu chi phí sản xuất

Việc không có các cụm công nghiệp dệt may nên thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp ở các khâu khác nhau. Điển hình, tình trạng chi phí vận chuyển sợi trong nước còn cao hơn so với chi phí vận chuyển sợi sang nước ngoài. Do đó, các doanh nghiệp sợi thì xuất khẩu sợi sang nước ngoài còn các doanh nghiệp dệt nhuộm lại phải nhập khẩu sợi.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Trên chặng đường 15 năm hình thành và phát triển, vạch ra được những chiến lược kinh doanh và kế hoạch thích hợp trong từng giai đoạn là điều vô cùng cần thiết đối với Fortex để nắm bắt những cơ hội thị trường cũng như đối đầu với những rủi ro và các rào cản vượt qua. Chiến lược kinh doanh thích hợp không những giúp Công ty có thể xử lý, khắc phục những nhược điểm một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn mà còn đem lại một tầm nhìn bao quát hơn, giúp Công ty nắm bắt cơ hội thị trường. Trong giai đoạn phát triển mới, Fortex kỳ vọng cơ hội gia tăng thị phần nội địa và xuất khẩu qua việc tìm hiểu thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm, kiểm soát chi phí sản xuất, vận hành nhằm cạnh tranh giá thành sản phẩm cũng như đẩy mạnh các chính sách chăm sóc khách hàng và cung cấp dịch vụ.



CHUYÊN MÔN HÓA HIỆN ĐẠI HÓA

Cùng với những thay đổi và chuyển mình của nền kinh tế trong thời đại công nghệ 4.0, các doanh nghiệp nói chung và Fortex nói riêng sẽ đối diện với nhiều thay đổi để có thể hòa nhập với thị trường. Để khai thác được tối ưu hiệu quả làm việc và cắt giảm được tối đa các chi phí phát sinh, Fortex tập trung đầu tư trong việc đổi mới và áp dụng những biện pháp tốt hơn, công nghệ hiện đại hơn nữa. Ngoài ra, các thiết bị máy móc bảo hành thường xuyên để đạt được công suất làm việc tối đa và cho ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất.



XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CBCNV CÓ TAY NGHỀ CAO

Phát triển những chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý phát triển, tăng cường đào tạo cho bộ phận các nhân viên nhà máy nhằm củng cố thêm kiến thức, nắm bắt quy trình vận hành chuẩn, giúp họ làm việc cùng với các thiết bị, máy móc một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất có thể. Càng nâng cao chuyên môn của nhân viên, Công ty có thể tránh được các rủi ro do chính con người tạo ra cho máy móc, thiết bị. Việc này cũng sẽ đóng góp một cách gián tiếp đến kết quả hoạt động và sản xuất của Công ty từ cải thiện năng suất lao động.



ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC SẢN PHẨM

Triển khai nghiên cứu, phát triển và đa dạng hóa sản phẩm để giảm thiểu những rủi ro về sự thiếu đa dạng trong sản phẩm. Bên cạnh đó, Fortex tiếp tục thực hiện các nghiên cứu thực tế trên thị trường và chú ý nhiều hơn đến những tâm tư và nguyện vọng của khách hàng để nắm bắt và bắt kịp được những nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Ngoài ra, việc đa dạng hóa được sản phẩm cũng thu hút được đa dạng khách hàng hơn nhằm giảm sự phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm, khách hàng nhất định.



ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC KHÁCH HÀNG - THỊ TRƯỜNG

Công cuộc tìm kiếm khách hàng và nâng tầm hiểu biết về thị trường là vấn đề không chỉ riêng Fortex mà tất cả các doanh nghiệp khác cần phải quan tâm. Việc phát triển thương hiệu sản phẩm của công ty ở cả thị trường nước ngoài và thị trường nội địa sẽ giúp thu hút được nhiều đối tác và khách hàng hơn. Trong thời buổi công nghệ đang chiếm ưu thế như hiện nay, việc tìm kiếm khách hàng cũng đã được đơn giản hóa hơn thông qua các mạng xã hội. Song song với đó, Fortex tăng cường khả năng nắm bắt thị trường, tích cực tham gia các hoạt động mở rộng quan hệ khách hàng, tận dụng tối các cơ hội có được từ xu thế hội nhập, tận dụng các ưu đãi thuế quan với các quốc gia đã và đang ký FTAs với Việt Nam khi thuế suất nói chung và các mặt hàng sợi dệt may nói riêng dẫn được loại bỏ.



TÍCH HỢP HOÀN TOÀN VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ DỆT-SỢI-MAY

Fortex luôn cố gắng từng ngày để hoàn thành chuỗi giá trị của mình. Việc này sẽ giúp cho công ty thoát khỏi tình trạng 'thắt nút cổ chai' trong chuỗi giá trị dệt may Việt Nam hiện thời và cắt giảm được các chi phí vận chuyển, nhập khẩu và xuất khẩu trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, việc tích hợp hoàn toàn vào chuỗi giá trị còn giúp nâng cao danh tiếng và vị thế của Công ty trong ngành dệt may nói riêng và nền kinh tế nói chung. Quy mô của Công ty cũng sẽ được mở rộng hơn, qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh trong ngành và kéo theo là sự phát triển trong sản xuất và tồn tại bền vững của Fortex.



HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC ĐỂ MỞ RỘNG

Đối tác chiến lược là các mối quan hệ mang tính chất toàn cục, then chốt và có giá trị lâu dài với thời gian. Việc xây dựng các mối quan hệ với các đối tác chiến lược sẽ giúp cho Fortex nhìn nhận vấn đề theo một tầm nhìn mới hơn, từ đó đề ra ra được những kế hoạch mới để cải tiến và phát triển mà không bị phụ thuộc vào các lối tư duy cũ. Nắm bắt những vận hội mới sau khi Việt Nam gia nhập CPTPP, tận dụng tốt các lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, Công ty cũng có thể chủ động nghiên cứu hợp tác với các đối tác tìm năng, kêu gọi góp vốn và đầu tư từ các đối tác chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực tài chính của Công ty. Ngoài ra, các công tác quản lý và kỹ thuật cũng sẽ được nâng tầm hơn.



3

QUẢN TRỊ CÔNG TY



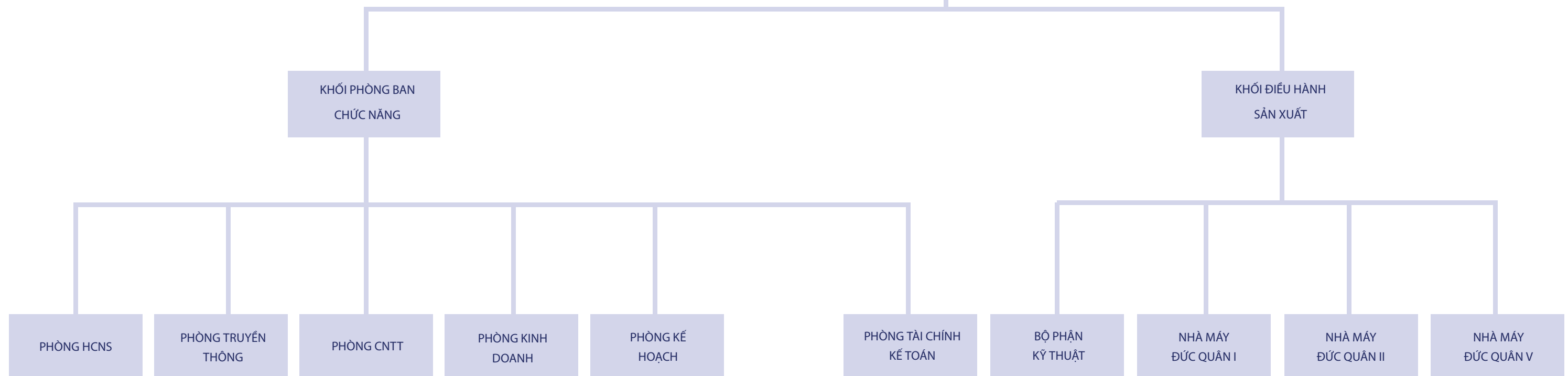
“
KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO NĂNG
LỰC QUẢN LÝ, CẢI THIỆN NĂNG SUẤT
LAO ĐỘNG
”

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Fortex hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức - hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất và thông qua.

Fortex có sơ đồ tổ chức như sau:

- **Hội đồng Quản trị:** 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 03 thành viên kiêm nhiệm và không điều hành.
- **Ban Tổng Giám đốc:** 02 người, bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.
- **Ban Kiểm soát:** 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát và 02 Kiểm soát viên.
- **Kế toán trưởng:** 01 người
- **Khối phòng ban chức năng:** Bao gồm 06 Phòng ban chức năng chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- **Khối điều hành sản xuất:** Bộ phận kỹ thuật và 03 Nhà máy sản xuất



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KHỐI PHÒNG BAN CHỨC NĂNG



PHÒNG KINH DOANH

- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh.
- Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường, thực hiện hoạt động tìm kiếm thị trường, xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ, tìm kiếm các nhà cung cấp uy tín, chất lượng.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp xúc với khách hàng để giới thiệu về dịch vụ của Công ty, đồng thời hướng dẫn thực hiện các thủ tục mua bán cho khách hàng.
- Tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá dịch vụ, các chương trình khuyến mại.
- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ dịch vụ.
- Thực hiện thống kê hàng hóa tồn kho thường xuyên.
- Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.

PHÒNG MUA HÀNG



- Cập nhật thông tin giá cả thị trường các loại nguyên vật liệu, hàng hóa.
- Tìm kiếm và so sánh các nhà cung cấp, đề xuất nhà cung cấp, đàm phán về giá cả và chất lượng tốt nhất.
- Soạn thảo Hợp đồng mua hàng, quản lý, kiểm tra, giám sát các Hợp đồng mua hàng.
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban có liên quan trong quá trình mua hàng.
- Liên hệ nhà cung cấp về việc giao hàng, theo dõi quá trình giao nhận hàng.
- Liên hệ nhà cung cấp để giải quyết các vấn đề về hàng hóa bị lỗi, không đạt chuẩn.
- Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng hàng hóa mua vào theo chế độ từng tuần, từng tháng.



PHÒNG HÀNH CHÍNH VÀ NHÂN SỰ

- Tham mưu Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị nguồn nhân lực và các chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo về các hệ thống văn bản Pháp luật do nhà nước ban hành.
- Công tác quản trị thiết bị văn phòng, công tác văn thư lưu trữ, thông tin liên lạc.
- Công tác xây dựng tổ chức, xây dựng nội bộ.
- Quản trị nhân sự: tuyển dụng, đánh giá nội bộ, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển, điều chuyển CBCNV.
- Công tác lao động, tiền lương, chính sách, phúc lợi, cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Xây dựng các quy chế, quy định... nhằm đảm bảo bộ máy công ty hoạt động ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.



PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (IT)

- Nghiên cứu, đề xuất quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn ứng dụng và phát triển CNTT, thông tin nghe nhìn của Công ty: tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, các chương trình quản lý ứng dụng và phát triển CNTT sau khi được phê duyệt.
- Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành hoạt động toàn bộ hệ thống hạ tầng CNTT, viễn thông và nghe nhìn của công ty.
- Hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho CBCNV, các phòng chức năng trong khai thác ứng dụng CNTT phục vụ công việc quản lý
- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu các văn bản quan trọng của đơn vị.
- Quản trị và tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống mạng Intranet/Internet của Công ty, cung cấp dịch vụ thông tin – thư điện tử.
- Quản trị website của công ty, quản trị kỹ thuật, vận hành, các phần mềm ứng dụng: kế toán, quản trị công ty, quản lý nhân sự.....
- Thực hiện việc thu thập, lưu trữ, theo dõi xử lý và đảm bảo an toàn thông tin, duy trì các nội quy, quy định về CNTT trong công ty.
- Theo dõi giám sát các hoạt động của toàn bộ công ty qua camera an ninh

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



- Đảm bảo việc hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của Công ty với khách hàng.
- Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của Công ty. Đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của công tác hạch toán kế toán.
- Tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ toàn bộ vật tư, tài sản, tiền vốn và tình hình biến động của vật tư, tài sản, tiền vốn của toàn Công ty.
- Lập và gửi đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty.
- Lập và gửi các “Báo cáo ước kết quả kinh doanh hàng tuần” làm cơ sở cho lãnh đạo đánh giá và quyết định các biện pháp điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty
- Chủ trì phối hợp với các phòng ban lập kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các kế hoạch huy động, sử dụng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;

PHÒNG KẾ HOẠCH

- Tổ chức kiểm tra, xử lý báo cáo kế toán thống kê định kỳ và lập báo cáo tổng hợp kế toán thống kê của Công ty theo quy định hiện hành; đảm bảo tính pháp lý của số liệu tổng hợp.
- Tổ chức quản lý phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác;
- Phối hợp với các đơn vị dịch vụ để quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty.



- Xây dựng, trình duyệt, đề xuất các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu.
- Xây dựng, trình duyệt, đề xuất kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, văn phòng phẩm ngắn hạn và dài hạn.
- Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất.
- Hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất.
- Tham gia quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào, đầu ra.
- Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- Tổ chức thống kê, tổng hợp kết quả sản xuất và lập báo cáo đánh giá kết quả sản xuất định kỳ.

GIỚI THIỆU HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LÊ MẠNH THƯỜNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Năm sinh : 1975
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

01/2013 - Nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT, CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt
 2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT, CTCP Vinaland
 2002 – 2006: Thành viên HĐQT, CTCP Tân An
 2002 – 2006: Thành viên Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Vĩnh Phát

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holdings Việt Nam
 Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Long Hậu
 Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chiếu sáng công cộng TP.Hồ Chí Minh
 Thành viên HĐQT, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung



NGUYỄN THỊ MAI

Thành Viên HĐQT kiêm
 Tổng Giám đốc
 Năm sinh : 1973
 Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

6/2016 - Nay : Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 1/2016 – 3/2016: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2012 – 2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân phụ trách bộ phận kế toán tài chính
 2011 – 2012: Quản lý bộ phận bán hàng của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2010 – 2011: Ban quản lý dự án CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2003 – 2010: Kế toán trưởng, CTCP Tập Đoàn Đại Cường
 2000 – 2003: Nhân viên kế toán, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
 1995 – 2000: Nhân viên kế toán, Công ty xây lắp 2 Thái Bình

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

KHÔNG CÓ



NGUYỄN HOÀNG GIANG

Thành Viên HĐQT
 Năm sinh : 1980
 Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

10/2015 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 02/2013 – 6/2013: Trưởng phòng Tư vấn, CTCP Chứng khoán Quốc Gia
 03/2012 – 4/2013: Thành viên Ban kiểm soát, CTCP Bảo hiểm AAA
 03/2012 – 1/2013: Giám đốc Tư vấn, CTCP Bamboo Capital
 04/2010 – 6/2012: Thành viên HĐQT, CTCP Thép Đình Vũ
 03/2010 – 2/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư,
 Giám đốc Khối Tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
 02/2008 – 4/2010: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Khoáng sản Bắc Kạn
 07/2007 - 2/2010: Phó Phòng Tư vấn, CTCP Chứng khoán Bảo Việt
 10/2002 – 6/2007: Trưởng Bộ phận Chế độ Tài chính & Kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính Kế toán,
 Bưu điện Hà Nội

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Thành viên HĐQT tại CTCP Fideco
 Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Bất động sản và Xây dựng Trường Thành
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung.



NGUYỄN AN TOÀN

Thành Viên HĐQT
 Năm sinh : 1965
 Kỹ sư công nghệ Dệt

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

04/2017 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 7/2015 – 03/2017: Phó Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Phú Việt, Ủy viên HĐQT Công ty CP Long Hậu
 8/2010- 6/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 5/1999-7/2010: Chuyên viên ngành sợi, Tập đoàn Dệt May Việt Nam
 5/1997-4/1999: Giám sát bán hàng Chi nhánh Miền Bắc, Công ty Shell Gas Hải Phòng
 4/1996-4/1997: Kỹ sư bán hàng, Công ty Siberhegner-Thụy Sỹ
 11/1987-3/1996: Kỹ sư CT-TB sợi, Cty Dệt May Hà Hội

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Tổng Giám đốc, CTCP Đầu tư New City Seadanang



NGUYỄN VĂN TUẤN

Thành Viên HĐQT
 Năm sinh : 1967
 Cử nhân Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

04/2017 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP đầu tư và phát triển Đức Quân
 2010 – 2015: Phó Chủ tịch, Hiệp hội Bông sợi Việt Nam
 1993 – 2000: Trưởng phòng, VPĐD Công ty Marubeni (Nhật Bản) tại TP.HCM
 1989 -1990: Nhân viên, Công ty XNK Tạp phẩm (TOCONTAP) – Chi nhánh TP.HCM

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch CTCP Tư vấn Sao Việt
 Chủ tịch Hiệp hội Bông sợi Việt Nam
 Phó Chủ tịch CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Rạng Đông

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ MAI

Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Năm sinh : 1973
Cử nhân Kinh tế

(Thông tin chi tiết - Trang 67)



NGUYỄN DUY CHIẾN

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh : 1957

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

9/2007 – Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP
Đầu tư và Phát triển Đức Quân

PHẠM THỊ HÀ

Kế toán trưởng
Năm sinh : 1983
Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

7/2017 – Nay: Kế toán trưởng, CTCP Đầu tư
và Phát triển Đức Quân
2008 – 2017: Nhân viên kế toán CTCP Đầu
tư và Phát triển Đức Quân

CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư Newcity
Seadanang





PHẠM KHÁNH TÂM

Trưởng Ban Kiểm soát
 Năm sinh : 1985
 Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2006 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 5/2015-1/2016: Quản lý Tài chính, Công ty TNHH Kusto Management Việt Nam
 10/2007 - 5/2015: Chủ nhiệm kiểm toán, Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam

CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ và Tuân thủ, Công ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam
 Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP New City Seadanang
 Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 Thành viên HĐQT, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung



VŨ HỒNG THÁI

Thành viên Ban Kiểm soát
 Năm sinh : 1979
 Cử nhân điện tử viễn thông

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

3/2016 – Nay: Trưởng phòng HCNS, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 6/2016 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2014 - 2016: Phó phòng Hành chính – Nhân sự, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2012 – 2014: Nhân viên Công nghệ thông tin, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

KHÔNG CÓ

NGUYỄN THỊ LƯU

Thành viên Ban Kiểm soát
 Năm sinh : 1986
 Kỹ sư ngành dệt may



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

6/2016-Nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2012-Nay: Trưởng phòng Kế hoạch, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2011-2012: Phó Quản đốc nhà máy, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2010- 2011: Nhân viên thống kê, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 2007-2010: Nhân viên thí nghiệm, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

KHÔNG CÓ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo tình hình hoạt động và công tác quản trị năm 2017, đánh giá về các mặt hoạt động của công ty, về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc, về hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám Đốc năm 2017 và các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2018.



- Doanh thu xuất khẩu đạt 1.221 tỷ đồng, tăng trưởng 5,4% so với năm 2016, giữ tỷ trọng 74% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- Bước đầu thực hiện định hướng tiến dần đến chuỗi sản xuất sợi-dệt- nhuộm-may khép kín thông qua hoạt động xúc tiến ký kết hợp đồng mua bán thiết bị nhà máy dệt với Tập đoàn Tong He (Trung Quốc).
- Tình hình tài chính Công ty duy trì ổn định và thực hiện đầy đủ các cam kết cũng như nghĩa vụ trả nợ với đối tác và nhà tài trợ.
- Hoàn thành niêm yết cổ phiếu FTM của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) vào đầu năm 2017.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Hoạt động kinh doanh năm 2017 đã gặp không ít thách thức với những biến động của thị trường và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành. Bên cạnh đó, việc tập trung đầu tư vào nhà máy sợi thứ 4 khi tiến độ thực hiện còn chậm so với kế hoạch cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh cũng như các hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, với quyết tâm và nỗ lực cao độ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người lao động, Công ty đã ghi nhận được những kết quả đáng khích lệ.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Doanh thu 2017 đạt 1.221 tỷ đồng, tương đương 101% so với chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra, tăng 5,2% so với thực hiện năm 2016. Sản lượng sản xuất năm 2017 đạt 14,321 tấn sản phẩm, tăng 3% so với mức 13,843 tấn sản phẩm năm 2016. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 59% kế hoạch năm 2017, tương đương với mức lợi nhuận sau thuế trong năm 2016.

TỔ CHỨC – NHÂN SỰ

- Thực hiện tốt trách nhiệm đối với người lao động, nâng cao chất lượng các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động thông qua việc tổ chức “Lễ tuyên dương và trao thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc và trúng tuyển vào các trường Đại học – Cao đẳng năm 2017”, duy trì các hoạt động Đem hội tri ân người lao động, Quốc tế phụ nữ 8-3, Quốc tế thiếu nhi 1-6, Vui tết Trung thu cho con em CBCNV.

HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ, TRUYỀN THÔNG

- Duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng, các hoạt động chăm sóc khách hàng.
- Nâng tầm thương hiệu Fortex trên thị trường quốc tế và bước đầu xây dựng các hoạt động mở rộng quan hệ với đối tác/khách hàng thông qua việc tổ chức thành công Hội nghị tri ân khách hàng và roadshow tại Thượng Hải.
- Tổ chức thành công roadshow giới thiệu niêm yết cổ phiếu FTM tại HOSE, tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2016, tổ chức tham quan nhà máy Fortex cho giới phân tích/đầu tư quan tâm, tổ chức thường xuyên các cuộc gặp mặt nhà đầu tư theo yêu cầu.
- Đẩy mạnh hoạt động giao lưu trong ngành, kết nối giao thương thông qua hoạt động tham gia “Diễn đàn dệt may Việt Nam 2017.



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Ban hành, sửa đổi bổ sung quy chế / quy trình công bố thông tin Công ty, quy chế quản trị Công ty và điều lệ đúng theo các quy định cập nhật của pháp luật.
- Đảm bảo chất lượng thông tin công bố cho cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng, cộng đồng bằng việc thực hiện công bố thông tin trên nhiều phương tiện, nhiều kênh thông tin một cách rõ ràng, minh bạch, trung thực.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua. Đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt các chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.



Trong năm 2017, vai trò giám sát của HĐQT đối với BGD thể hiện qua các hoạt động sau:

- » Chỉ đạo việc tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2016
- » Tổ chức, chỉ đạo và giám sát thực hiện nghiêm túc các chế độ Báo cáo đối với cơ quan nhà nước theo đúng quy định hiện hành
- » Lập báo cáo tài chính định kỳ theo quý, năm theo quy định của Pháp luật
- » Giám sát thực hiện các Nghị quyết HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của BGD trong các hoạt động kinh doanh
- » Giám sát chỉ đạo sản xuất kinh doanh trong năm 2017
- » Bám sát tình hình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty
- » Chỉ đạo và giám sát việc công bố thông tin (CBTT) với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định
- » Chỉ đạo và giám sát việc tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của Công ty
- » Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền
- » Chỉ đạo và giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trong năm 2017, Ban Giám đốc (BGĐ) đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông thông qua việc đưa ra những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.

Đồng thời, Ban Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ theo điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong năm 2017, Ban Giám đốc (BGĐ) đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông thông qua việc đưa ra những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu của Công ty trong năm qua và tin tưởng với sự linh hoạt trong việc điều hành quản lý của Ban Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục phát triển ổn định và từng bước mở rộng quy mô hơn nữa..



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2017, HĐQT đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT gồm 5 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch, 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc và 3 thành viên kiêm nhiệm và không điều hành. HĐQT không thành lập các tiểu ban.

Trong năm 2017, HĐQT đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

» Thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo, đưa ra các giải pháp quan trọng, hiệu quả, kịp thời về thị trường, nhân sự, đầu tư, sản xuất kinh doanh cũng như cấu trúc hệ thống,... giúp cho hoạt động của công ty được thuận lợi, hiệu quả.

» Bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHCĐ và tình hình thực tế của công ty, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức.

» Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

» Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

» Tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các cuộc lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời giải quyết nhanh chóng các vướng mắc, khó khăn của công ty.



CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT



Năm 2017, HĐQT đã tiến hành 9 cuộc họp, ban hành 21 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT luôn tích cực, chủ động, sáng tạo đưa ra ý kiến có hiệu quả trong việc giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NHƯ SAU:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%
2	Hoàng Xuân Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	2/9	28.57%
3	Lưu Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	0/9	0%
4	Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT	9/9	100%
5	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	9/9	100%
6	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	8/9	88.88%
7	Nguyễn An Toàn	Thành viên HĐQT	6/9	66.66%



Ông Lưu Ngọc Bảo từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 28/02/2017
 Ông Hoàng Xuân Chính từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 10/04/2017
 Ông Nguyễn Văn Tuấn bổ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 27/03/2017
 Ông Nguyễn An Toàn bổ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 10/04/2017

KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA CÁC NGHỊ QUYẾT SAU:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	37A/NQ-ĐQ	23/2/2017	Chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017
2	55/2017/NQ-FTM-HĐQT	27/03/2017	Miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT
3	56/2017/NQ-FTM-HĐQT	27/03/2017	Thống nhất thời gian, nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
4	57/2017/NQ-FTM-HĐQT	27/03/2017	Giao dịch mua bán
5	71/2017/NQ-FTM-HĐQT	05/04/2017	Thông tin đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT và bổ nhiệm bổ sung
6	86/2017/NQ-FTM-HĐQT	13/05/2017	Kết quả SXKD quý 1, kế hoạch quý 2, đầu tư dự án BĐS
7	101/2017/NQ-FTM-HĐQT	14/06/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán
8	105/2017/NQ-FTM-HĐQT	19/06/2017	Thành lập công ty con
9	108/2017/NQ-FTM-HĐQT	19/06/2017	Ký hợp đồng kiểm toán
10	115/2017/NQ-FTM-HĐQT	26/06/2017	Phát hành trái phiếu riêng lẻ và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ
11	115A/2017/NQ-FTM-HĐQT	26/06/2017	Chỉ định đại diện mua lại cổ phần thoái vốn của nhà nước
12	127/2017/NQ-FTM-HĐQT	10/07/2017	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Đức Cảnh kể từ ngày 15/07/2017, bổ nhiệm bà Phạm Thị Hà chức vụ kế toán trưởng kể từ ngày 15/07/2017
13	153/2017/NQ-FTM-HĐQT	17/08/2017	Số cổ phiếu phát hành chiếm 2% số cổ phiếu lưu hành của công ty. Quy chế, danh sách và số lượng cổ phần được phân phối cổ phiếu cho cán bộ nhân viên
14	154/2017/NQ-FTM-HĐQT	17/08/2017	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tại Ủy ban chứng khoán: Giấy đăng ký chào bán và bản cáo bạch chào bán cổ phiếu
15	155/2017/NQ-FTM-HĐQT	17/08/2017	Mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của công ty
16	175/2017/NQ-FTM-HĐQT	20/09/2017	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
17	191/2017/NQ-FTM-HĐQT	26/09/2017	Giao dịch mua bán với bên có liên quan
18	203/2017/NQ-FTM-HĐQT	11/10/2017	Chi trả 5% cổ tức năm 2016 bằng tiền, ngày thanh toán 20/12/2017
19	210/2017/NQ-FTM-HĐQT	17/10/2017	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2017, báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 của công ty
20	222/2017/NQ-FTM-HĐQT	09/11/2017	Chấp thuận chuyển đổi cổ phiếu loại 2 sang cổ phiếu loại 1
21	255/2017/NQ-FTM-HĐQT	28/12/2017	Gia hạn việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đầu tư số 3011/2016 ký ngày 30/11/2016 đến ngày 30/12/2018, thay đổi sơ đồ tổ chức công ty

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2018

Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao trong năm 2018 với các kế hoạch, định hướng cụ thể.

» Triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí,...

» Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển nhà máy sợi thứ 4, đảm bảo sớm hoàn thành tiến độ, chất lượng thi công, tạo tiền đề để từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong tương lai.

» Tích cực giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, diễn biến thị trường, chủ động linh hoạt để ra những giải pháp, chiến lược cụ thể nhằm thực hiện thành công kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

» Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

» Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý thông qua tìm kiếm nhân sự cấp cao có năng lực để thúc đẩy sản xuất, mở rộng kinh doanh. Đồng thời, xây dựng bổ sung các hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp để từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng năng động, chuyên nghiệp.

» Mở rộng quan hệ với đối tác, các nhà cung cấp để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quan hệ với các nhà đầu tư, các nhà tài trợ nhằm tìm kiếm, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư với chi phí hợp lý, từng bước tái cấu trúc tài chính theo hướng an toàn, ổn định và hiệu quả lâu dài.

» Nắm bắt những vận hội mới khi Việt Nam đã gia nhập Hiệp định CPTPP, nhằm khai thác triệt để những điều kiện thuận lợi giúp mở rộng thị trường, hợp tác đa phương, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài hỗ trợ vốn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm điều hành trong xu hướng hội nhập quốc tế.

» Hoàn thiện chiến lược phát triển dài hạn phù hợp xu thế thị trường, chủ động liên kết hợp tác, tham gia chuỗi cung ứng của khu vực một cách tích cực hơn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường, từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

» Tập trung đổi mới và áp dụng những biện pháp cải tiến kỹ thuật, công nghệ hiện đại, nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, thích ứng với xu thế mới trong hội nhập quốc tế.

» Tích cực thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng thông qua việc sản xuất có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động từ thiện.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trong nửa đầu của năm 2017, ngành dệt may trong nước phải đối mặt với không ít khó khăn do ảnh hưởng bởi biến động bất lợi của tình hình thế giới và các nước đối tác. Tuy nhiên, nửa năm sau các doanh nghiệp trong ngành đã đầu tư cải thiện hệ thống sản xuất, tập trung vào một số mặt hàng thế mạnh, đáp ứng nhu cầu thị trường, khiến tình hình xuất khẩu của ngành được cải thiện đáng kể.

Những khó khăn, thách thức trong năm 2017 đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ những sự cố gắng và nỗ lực cao độ trong công tác điều hành và quản lý của Ban điều hành, Công ty đã vượt qua những khó khăn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó.

NĂM 2017, NĂM KỶ NIỆM 15 NĂM NGÀY THÀNH LẬP FORTEX, MẶC DÙ ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC TRONG NĂM, NHƯNG BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ ĐÂY LÀ NĂM THÀNH CÔNG VỚI NHỮNG KẾT QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ.

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng/giảm thực hiện so với kế hoạch
1. Sản lượng	Tấn	18.580	14.321	-22,9%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	1.209,94	1.220,97	+0,9%
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	63,85	39,58	-38%

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

Sản lượng sản xuất năm 2017 đạt 14.321 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành hơn 77% kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đã đề ra. Sản lượng thực hiện năm 2017 chưa hoàn thành so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là do nhà máy Đức Quân 6 chưa thể đi vào hoạt động. Cụ thể, nhà máy Đức Quân 6 dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong quý 3 và quý 4 năm 2017 nhưng do tiến độ giao hàng của các nhà cung cấp thiết bị không được đáp ứng nên kế hoạch đưa Nhà máy Đức Quân 6 đi vào hoạt động phải dời lại sang năm 2018. Trong năm, Hội đồng Quản trị cũng đã tiến hành họp và điều chỉnh lại kế hoạch quý 4 cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Trong khi đó, doanh thu đạt 1.220 tỷ đồng, vượt 0,9% so với kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Tuy sản lượng chưa đạt kế hoạch nhưng doanh thu ở mức vượt kế hoạch do doanh thu thực tế bao gồm cả phần doanh thu của hoạt động thương mại (kinh doanh nguyên liệu bông). Trong khi đó, doanh thu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ là doanh thu chưa bao gồm doanh thu từ hoạt động thương mại này.

Lợi nhuận thực hiện là 39,58 tỷ đồng, hoàn thành 62% so với kế hoạch ban đầu, nhưng so với kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã điều chỉnh, lợi nhuận thực hiện đạt 75%. Việc lợi nhuận thực hiện chưa thể hoàn thành kế hoạch chủ yếu do nhà máy Đức Quân 6 chưa thể đi vào hoạt động theo như dự kiến ban đầu.





NHỮNG GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NỔI BẬT NĂM 2017

Năm 2017, giá cả thị trường ngành sợi thế giới biến động lớn, giá bông diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đứng trước tình hình trên, Công ty đã có nhiều giải pháp chủ động, quyết liệt và linh hoạt trong công tác điều hành và quản lý như sau:



GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

- » Quản lý, kiểm soát các định mức chi phí nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, vật liệu phụ, điện năng, và các chi phí phát sinh đầu vào, đầu ra.
- » Tổ chức sản xuất luân phiên 3 ca, hạn chế thời gian ngừng máy, nâng cao hiệu suất hoạt động máy móc thiết bị và năng suất lao động.
- » Tăng cường công tác marketing, phát triển thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- » Tăng cường công tác dự báo sự biến động của giá cả thị trường để có những quyết sách phù hợp.



GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC CHẤT LƯỢNG, KỸ THUẬT

- » Tăng cường duy trì kiểm tra kiểm soát bộ tiêu chuẩn 5S vào thực tế sản xuất của các nhà máy.
- » Tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cử người tham gia các chương trình tập huấn hội thảo về nâng cao chất lượng quản lý sản xuất, quản lý công nghệ, quản lý máy móc thiết bị tại nước ngoài. Cử các đoàn tham quan học tập tại các đơn vị trong ngành để cải tiến và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao.



GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

- » Trong năm 2017 công ty tiến hành nâng lương cơ bản và lương chuyên cần cho toàn bộ CBCNV thêm 15% để khuyến khích người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty, đồng thời thu hút nguồn lao động có tay nghề về với công ty trong bối cảnh nguồn lao động đang bị thiếu hụt tại các công ty sợi.
- » Công ty duy trì chi trả lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động, đặc biệt đối với những tháng bị ngừng sản xuất do ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lên phương án hỗ trợ ngày công và tiền lương cho người lao động nhằm chia sẻ những khó khăn, cũng như giữ sự ổn định trong thu nhập, tạo thêm sự tin tưởng gắn bó giữa người lao động với công ty.
- » Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động như chi trả trợ cấp, ốm đau, thai sản, chế độ BHXH, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV trong toàn công ty.
- » Vào dịp cuối năm, Công ty tiếp tục duy trì tổ chức hội nghị người lao động, chi trả lương thưởng để tri ân những đóng góp của người lao động trong năm.
- » Công ty tiếp tục chú trọng đến những chế độ cho người lao động, từ bữa ăn giữa ca, tổ chức tham quan nghỉ mát, thực hiện quỹ khuyến học trao quà cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt..., ngoài ra còn nhiều hoạt động khác liên quan đến phúc lợi xã hội và quyền lợi của người lao động trong công ty.



Các giải pháp trên bước đầu đã mang lại hiệu quả. Sản lượng, năng suất, hiệu suất đã được nâng lên, tiêu hao nguyên vật liệu giảm, chất lượng sản phẩm đã ổn định. Ngoài ra, thương hiệu sản phẩm sợi Fortex tiếp tục giữ vững chỗ đứng trên thương trường, từng bước tạo dựng niềm tin để Công ty tiếp tục nỗ lực hơn nữa để vượt qua những giai đoạn khó khăn thách thức và đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh một cách hữu hiệu nhất.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Năm 2018, Công ty tập trung vào đầu tư xây dựng, lắp ráp máy móc thiết bị Nhà máy Đức Quân 6 với 5 vạn cọc sợi công suất là 8.700 tấn sợi/năm. Dự kiến, nhà máy sẽ đưa vào vận hành từ quý 3 năm 2018, nâng quy mô số cọc sợi của toàn công ty từ 110.000 cọc sợi lên 160.000 cọc sợi với tổng công suất là 25.700 tấn sợi/năm.

Giải pháp về thị trường và kinh doanh

Tập trung xây dựng và phát triển vững chắc thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường tiềm năng như Hàn Quốc, Thái Lan...; đồng thời khai thác mới vào các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa các cơ hội tại các thị trường trong nội khối CPTPP. Thiết lập chuỗi chặt chẽ với một số doanh nghiệp dệt để đảm bảo ổn định sản xuất và tiêu thụ trên cơ sở đảm bảo cam kết chất lượng và hiệu quả của các bên; đồng thời có chính sách phù hợp

để ổn định số lượng khách hàng truyền thống trên cơ sở xây dựng các mặt hàng truyền thống – đặc thù có tính cạnh tranh cao. Đầu tư đào tạo và phát triển đội ngũ marketing và sales hoạt động trên toàn cầu có đủ tâm, đủ tầm, có kỹ năng và nghiệp vụ giỏi, am hiểu quy trình công nghệ sản xuất, có khả năng xử lý công việc và đàm phán với khách hàng để từng bước chiếm lĩnh và mở rộng thị trường kể cả nội địa và xuất khẩu; đồng thời có cơ chế lương và thưởng xứng đáng cho đội ngũ này.

Đứng trước những cơ hội và thách thức của ngành, để thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh cho năm 2017, Công ty đã chủ trương xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính năm 2018 sát với thực tế khả năng kinh doanh, khả năng phân tích thông tin thị trường với những giải pháp cụ thể như sau:

THỊ TRƯỜNG SẢN XUẤT

Giải pháp về công tác sản xuất

Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt bằng các giải pháp đồng bộ, khoa học; tăng cường kiểm soát các định mức: tiêu hao nguyên – nhiên – vật – phụ liệu, năng suất, chất lượng, lao động, các chi phí phát sinh đầu vào, đầu ra để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế về khả năng cạnh tranh, về ổn định chất lượng.



Giải pháp về tài chính

Linh hoạt sử dụng các đòn bẩy tài chính và tích cực trong việc tìm kiếm và sử dụng những nguồn vốn vay, vốn tài trợ có lãi suất ưu đãi, cạnh tranh.

Làm việc với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hà Nội để nâng hạn mức vay và hạn mức mở LC để chủ động trong việc nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư.

TÀI CHÍNH

Giải pháp về đầu tư phát triển

Đầu tư xây dựng, lắp máy và vận hành Nhà máy Đức Quân 6 với công suất 8.700 tấn theo kế hoạch thông qua ngân hàng tài trợ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà Nội.

ĐẦU TƯ

Giải pháp về công tác sản xuất (Tiếp theo)

Ổn định nguyên liệu bông đáp ứng yêu cầu sản xuất, giảm thiểu thời gian lên xuống máy góp phần nâng cao năng suất, hiệu suất sử dụng máy đạt 93 – 95%. Bảo đảm chất lượng sản phẩm Nep dưới 300 điểm; đồng thời các nhà máy chủ động về việc pha phối nguyên liệu hạn chế đổi lô và đưa ra các giải pháp tiết kiệm điện để hạ giá thành sản phẩm.

NHÂN SỰ

Giải pháp về nhân lực

Tập trung xây dựng tiêu chuẩn hóa đội ngũ ngũ cán bộ quản lý nhằm sắp xếp hợp lý để có kế hoạch đào tạo.

Đổi mới công tác tuyển dụng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp từ nguồn bên trong là con em CBCNV và bên ngoài để bổ sung thay thế kịp thời số lao động nghỉ việc và cho dự án đầu tư Nhà máy Đức Quân 6.

Đào tạo lại công nhân và bổ sung kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ các cấp. Tổ chức thi tay nghề cho CBCNV để làm cơ sở sắp xếp lại bậc lương nâng cao tiền lương

và thu nhập cho CBCNV Công ty, bảo đảm đời sống cho người lao động, tạo sự yên tâm gắn bó làm việc ổn định lâu dài với công ty. Tiếp tục hoàn thiện quy chế về tiền lương, tiền thưởng, các phúc lợi nhằm xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, tương xứng với khả năng và đóng góp của CBCNV đồng thời làm cơ sở để thu hút nhân lực cho Công ty. Tiếp tục duy trì và phát huy các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của Công ty, tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, sự chân thành cởi mở giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc... và coi đây là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho công ty phát triển hiệu quả và bền vững.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung chính sau:

Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty. Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã ban hành các văn bản, Nghị quyết phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến độ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2018.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong năm 2017 về các mặt của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017

- Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong năm 2017 về các mặt của Công ty.
- Công ty đã thực hiện phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm, đồng thời chi trả cổ tức 5% vào tháng 12 năm 2017.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2017. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế là đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán các công ty đại chúng và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua.
- Đối với phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 610 tỷ đồng, chào bán cho cổ đông hiện hữu và người lao động với mục đích triển khai dự án tại 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM, Công ty đang trong quá trình bổ sung hồ sơ cho Ủy Ban Chứng khoán
- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành; các chế độ, quyền lợi của cán bộ công nhân viên, người lao động được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận thức rõ trách nhiệm trong công tác kiểm soát các hoạt động nhằm đảm bảo mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Fortex. Ban Kiểm soát đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ năm 2017 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao. Các công việc cụ thể của từng thành viên như sau:

☉ Bà Phạm Khánh Tâm – Trưởng Ban Kiểm soát

- ▼ Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
- ▼ Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Hội đồng Quản trị và Đại hội Đồng cổ đông.
- ▼ Giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty..

☉ Ông Vũ Hồng Thái – Thành viên Ban Kiểm soát

- ▼ Kiểm soát tính tuân thủ về pháp lý các văn bản của Công ty theo quy định hiện hành.
- ▼ Kiểm soát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và việc thực hiện Luật lao động trong Công ty.
- ▼ Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.

☉ Bà Nguyễn Thị Lưu – Thành viên Ban Kiểm soát

- ▼ Xem xét kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.
- ▼ Kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến phân chia cổ tức hàng năm.
- ▼ Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của Công ty.
- ▼ Tham gia xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động trong năm.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty.

Giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.



ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT CHO NĂM 2018



Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế các sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính mà Đại hội Đồng cổ đông đã giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho Công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho Công ty.

Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư hiệu quả và giám sát việc thực hiện việc đầu tư đúng tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt..

Hội đồng Quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty..

Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2017, cùng với tình hình chung của thế giới, Việt Nam đối mặt với nhiều biến động về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội. Theo đó, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cũng chịu những ảnh hưởng nhất định, đối mặt với những tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của mình. Việc thực hiện các mục tiêu đặt ra của các tổ chức cũng vì vậy mà gặp nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, công tác quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Fortex nói riêng.



CƠ CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI FORTEX

Hệ thống quản trị rủi ro sẽ tạo nền tảng để doanh nghiệp có những bước đi vững chắc trên định hướng “Phát triển bền vững”. Đối với Fortex, để đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược lâu dài, hoạt động quản trị rủi ro của Fortex càng được chú trọng, cải tiến liên tục và triển khai trên toàn Công ty.

Dựa trên đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức, Fortex không có bộ phận quản trị rủi ro chuyên biệt. Thay vào đó, các phòng ban liên quan dựa vào chức năng nhiệm vụ của mình để xây dựng các quy trình, đánh giá và thực hiện công tác quản trị rủi ro cho các hoạt động liên quan.

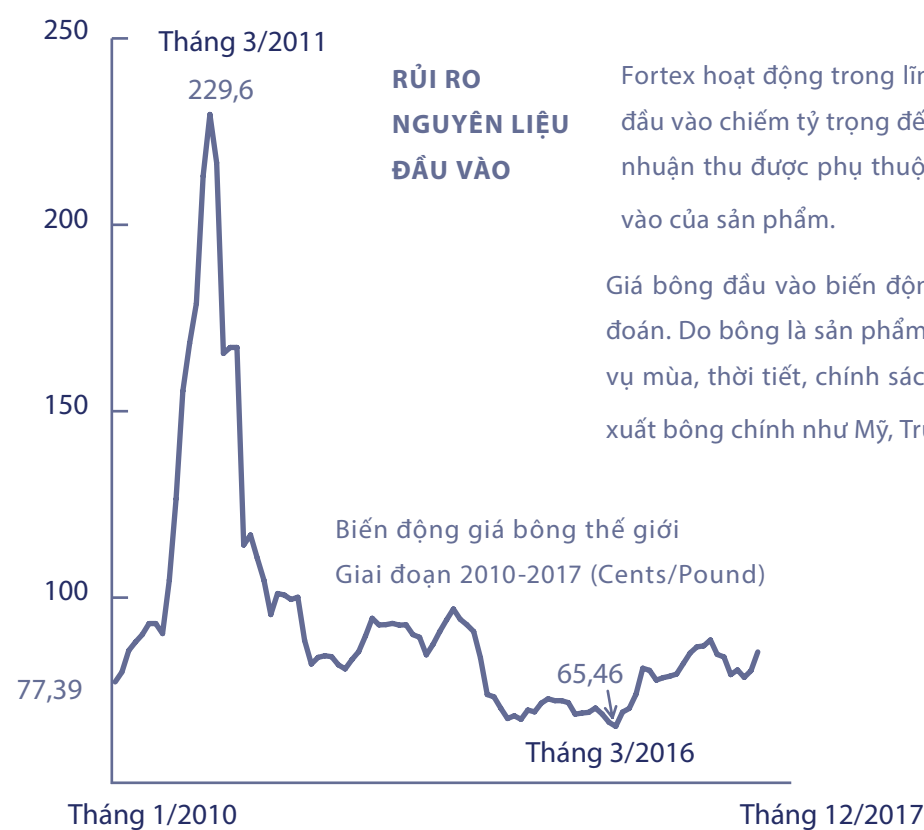
Tại Fortex, chúng tôi quan niệm quản trị rủi ro không chỉ là giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra mà quan trọng hơn là có khả năng sớm dự báo các rủi ro và đưa ra biện pháp xử lý, dự phòng các tình huống phát sinh nhằm đối phó với các tác động tiêu cực. Đồng thời, Công ty luôn có công tác đánh giá định kỳ để hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện.

Nhiệm vụ chính của công tác quản trị rủi ro tại Fortex là phát hiện những rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu và đưa ra những giải pháp để giúp Ban Điều hành đưa ra những quyết định hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Với môi trường kinh doanh luôn thay đổi, Công ty không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới và kịp thời để ra các giải pháp xử lý. Điều này không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn hiện hữu, mà còn giúp doanh nghiệp nắm bắt các cơ hội từ thị trường, nâng cao sức cạnh tranh và khả năng sinh lời.

RỦI RO ĐẶC THÙ VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu, Fortex chịu tác động bởi các rủi ro chung của nền kinh tế như: rủi ro lạm phát, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro cạnh tranh, rủi ro pháp lý, rủi ro sản xuất.... Các rủi ro này tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm tăng chi phí sản xuất và giảm lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, với đặc thù kinh doanh sợi, ba rủi ro đến từ ngành được Fortex xác định và đặc biệt quan tâm đó là: Rủi ro biến động nguyên vật liệu đầu vào, Rủi ro tiêu thụ sản phẩm đầu ra và Rủi ro biên lợi nhuận thấp. Nhận thức được điều này, công tác quản trị ba loại rủi ro chính luôn luôn được đánh giá song hành trong chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Fortex hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi với bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng đến 70% giá thành sợi thành phẩm. Vì vậy, lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.

Giá bông đầu vào biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán. Do bông là sản phẩm nông nghiệp nên giá bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng của các quốc gia sản xuất bông chính như Mỹ, Trung Quốc, Châu Phi...

Trong khi đó, Việt Nam chưa có vùng trồng bông rộng lớn và đủ đáp ứng nhu cầu trong nước. Do đó, rủi ro biến động giá nguyên liệu bông đầu vào là rủi ro đặc thù của các công ty sợi bông trong nước khi giá bông thế giới tăng/giảm đột biến.

RỦI RO VỀ TIÊU THỤ ĐẦU RA

Sản xuất và kinh doanh sợi tại Việt Nam chủ yếu phục vụ nhu cầu xuất khẩu, chiếm tới 70% sản lượng sợi sản xuất ra. Vì vậy, việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra phụ thuộc lớn vào nhu cầu sợi của nước nhập khẩu; trong đó, chủ yếu là Trung Quốc. Vì vậy, rủi ro đầu ra phụ thuộc nhiều vào chính sách quản lý dự trữ bông của Trung Quốc.

Các biến động mạnh từ nền kinh tế và các chính sách của Trung Quốc gây nên các làn sóng bán phá giá, điều này làm cho giá thành và nhu cầu về sợi sụt giảm.

RỦI RO BIÊN LỢI NHUẬN THẤP

Trong 3 năm trở lại đây, biên lợi nhuận gộp trung bình của Fortex vào khoảng 10%, biên lợi nhuận ròng trung bình khoảng 5%. Trong khi đó, ngoài rủi ro biến động giá của nguyên vật liệu đầu vào ở trên, các rủi ro chi phí điện, nước, chi phí nhân công, mặt bằng lãi suất, cùng với rủi ro cạnh tranh về giá bán và chất lượng sản phẩm luôn gia tăng từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi Việt Nam tham gia CPTPP. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp khi tỷ suất lợi nhuận biên của Fortex là tương đối thấp và doanh nghiệp không thể điều tiết kịp.



RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO	<p>Nâng cao nhận thức và trình độ của mình đặc biệt về công cụ phòng hộ bảo hiểm rủi ro giá bông.</p> <p>Thực hiện tốt công tác nghiên cứu thị trường. Kịp thời cập nhật thông tin về thị trường bông xơ thế giới để có thể chủ động đối phó với biến động giá bông</p> <p>Đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên liệu từ các nước, lập kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu ổn định và hạn chế phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.</p> <p>Chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau.</p> <p>Ký kết hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định. về giá bán nhằm hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.</p>
RỦI RO VỀ TIÊU THỤ ĐẦU RA	<p>Quan tâm để thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận mua bán đảm bảo lợi ích cho cả hai bên..</p> <p>Chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị thương hiệu sản phẩm nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.</p> <p>Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa khách hàng, hạn chế phụ thuộc quá nhiều một nhóm khách hàng.</p> <p>Đẩy mạnh các dịch vụ, chương trình chăm sóc sau bán hàng, nhằm nắm bắt nhu cầu và sự hài lòng của khách hàng, để từng bước cải tiến sản phẩm, nâng cao dịch vụ.</p>
RỦI RO BIÊN LỢI NHUẬN THẤP	<p>Lên kế hoạch nâng cao hiệu suất sản xuất, tăng năng suất lao động.</p> <p>Tối ưu dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại sẵn có, cải tiến chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm chuyên biệt nhằm tạo ra sự khác biệt trên thị trường, gia tăng khả năng cạnh tranh.</p> <p>Triển khai xây dựng kế hoạch chiến lược phù hợp cho giai đoạn mới theo phương pháp tiếp cận tiên tiến nhằm gia tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp.</p> <p>Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, lên kế hoạch chủ động đầu tư đa dạng hóa và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.</p>



4

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2017 VÀ PHÂN TÍCH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NĂM 2017 QUA NHỮNG CON SỐ



15 NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



03 NHÀ MÁY

110.000 CỌC SỢI

17.000 TẤN SỢI/NĂM



1,220 TỶ ĐỒNG

DOANH THU NĂM 2017



14,321 TẤN

SẢN LƯỢNG SỢI TIÊU THỤ



39,6 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2017



64

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP NĂM 2017

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Sản lượng tiêu thụ (Tấn)	Tấn	13.300	13.842	14.321
	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	963	1.161	1.221
	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	120	106,8	113,4
KẾT QUẢ KINH DOANH	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	66,6	36	43,2
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	79,3	40,1	43,7
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	69,9	37,7	39,6
	Tổng Tài sản - Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.476	1.678	1.834
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	585	859	1.082
	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	891	819	752
	Nợ phải trả	Tỷ đồng	946	1.110	1.254
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	530	568	580
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500	500	500
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG	ROA	%	4,73%	2,39%	2,25%
	ROE	%	13,2%	6,87%	6,9%
CỔ PHẦN	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Triệu CP	50	50	50
	Giá trị sổ sách	Đồng	10.595	11.349	11.603
	EPS	Đồng	1.398	716	792

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, sau 15 năm hình thành và phát triển, Fortex đã trở thành thương hiệu có uy tín với 03 nhà máy cung cấp sản phẩm với chất lượng được khẳng định ở thị trường trong nước và quốc tế.

Năm 2017, Fortex tiếp tục đẩy nhanh hoạt động đầu tư mở rộng quy mô để tăng cường khả năng cung cấp sợi cho khách hàng. Trong đó, hoạt động đầu tư phát triển nhà máy thứ 4 (Nhà máy Đức Quân 6) đang được tập trung đẩy mạnh thực hiện.

DỰ ÁN NHÀ MÁY KÉO SỢI ĐỨC QUÂN 6

Quy mô dự án: Nhà máy kéo sợi với quy mô 50.000 cọc sợi, tương đương công suất 8.700 tấn sợi/năm.

Địa điểm đầu tư: KCN Tiên Hải – Tỉnh Thái Bình.

Tổng mức đầu tư: 505.749.772.160 đồng

Diện tích: 16.200 m²

Sản phẩm: Sợi CD,CM đạt tiêu chuẩn quốc tế

Số lượng nhân công nhà máy dự kiến : 320 người

Tiến độ dự án: Đã đầu tư san lấp xây cất nhà xưởng, đang tiến hành mua sắm và lắp đặt máy móc thiết bị, dự kiến hoàn thành tiếp nhận lắp đặt thiết bị quý 3/2018 và đưa vào chạy thử Quý 4/2018



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tiếp nối thành công của hành trình 15 năm vừa qua, sau một năm chính thức niêm yết trên sàn giao dịch sở Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã có những bước thay đổi ổn định trong tình hình tài chính năm qua.

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	1.161	1.221	- 5,2%
2	Giá vốn hàng bán	1.054	1.107,6	- 5,1%
3	Lợi nhuận gộp	107	113,4	- 6,1%
4	Doanh thu tài chính	18,5	12,6	- 31,6%
5	Chi phí tài chính	59,1	53,1	-10,1%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	53	53,8	
6	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36	43,2	19,9%
7	Lợi nhuận trước thuế	40,1	43,7	8,9%
8	Lợi nhuận sau thuế	37,7	39,6	5,04%

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh 2017 của Fortex đã được cải thiện theo chiều hướng tích cực. Công ty luôn tận dụng được tối nguồn lực sẵn có nhằm gia tăng doanh số bán hàng, trên cả những khách hàng truyền thống lẫn khách hàng mới. Trong năm 2017, công ty có 36 khách hàng mới, đóng góp 27% doanh thu. Doanh thu thuần Fortex năm 2017 đạt 1.221 tỷ đồng tăng 5,2% so với năm 2016 do sản lượng bán ra tăng 3,5% (đạt 14,321 tấn) và giá bán trung bình tăng 1,7%.

Giá vốn hàng bán tăng 5,1% so với năm 2016, đạt 1.107,6 tỷ đồng. Tốc độ tăng giá vốn hàng bán chậm hơn tốc độ tăng doanh thu giúp biên lợi nhuận gộp có mức cải thiện nhẹ, đạt 9,3% so với mức 9,2% của năm 2016.

Trong khi đó, chi phí tài chính giảm đáng kể từ 59,1 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 53,1 tỷ năm 2017, chủ yếu là giảm chênh lệch tỷ giá trong hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu cũng như bán hàng cho các đối tác. Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay và trong năm 2017, Fortex gia tăng các khoản vay ngắn hạn, đẩy chi phí lãi vay tăng nhẹ thêm 0,7%.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 43,2 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 39,6 tỷ đồng, tăng 5,04% so với năm 2016.

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

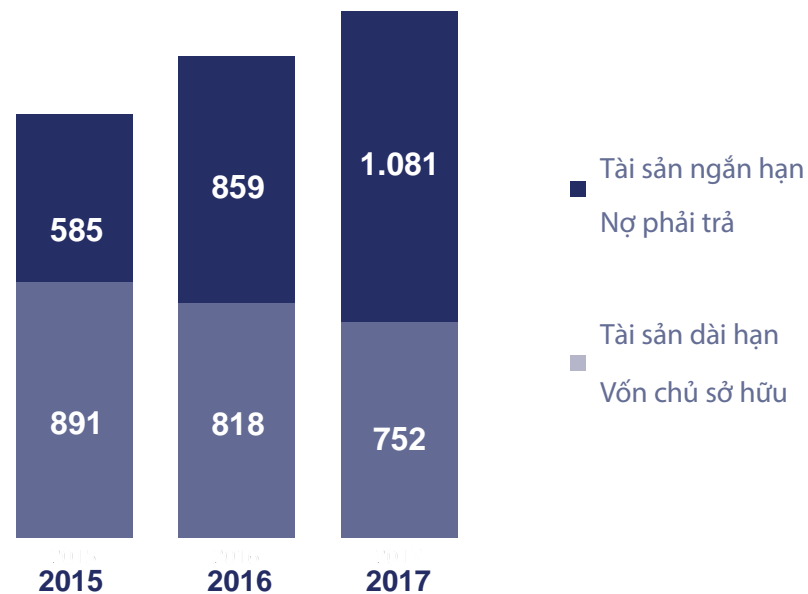
STT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm 2017/2016 (%)
I	Tổng Tài sản	1.476,3	1.677,6	1.833,6	9,3%
1	Tài sản ngắn hạn	584,9	859,4	1.081,9	25,9%
2	Tài sản dài hạn	891,4	818,2	751,7	- 8,1%
II	Tổng Nguồn vốn	1.476,3	1.677,6	1.833,6	9,3%
1	Nợ phải trả	946,6	1.110,1	1.253,5	12,9%
1.1	- Nợ ngắn hạn	407,4	618,8	847	36,9%
1.2	- Nợ dài hạn	539,2	491,3	406,4	-17,3%
2	Vốn chủ sở hữu	529,8	567,5	580,1	2,2%

» Tổng giá trị tài sản của Công ty tăng dần qua các năm và tăng 9,3% trong năm 2017. Điều này đã thể hiện được vị thế và giá trị của Fortex trong ngành dệt may nói chung và sự phát triển ổn định của Fortex nói riêng. Tính đến cuối năm 2017, tổng tài sản của Fortex đạt gần 1.834 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 1.081,9 tỷ đồng, chiếm 59% tổng tài sản và tài sản dài hạn đạt 751,7 tỷ đồng, chiếm 41% tổng tài sản.

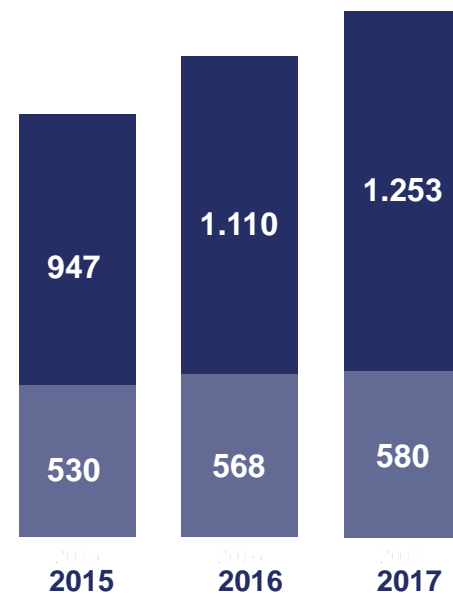
» Tính đến ngày 31/12/2017, nợ phải trả của Fortex là 1.253,5 tỷ đồng, chiếm 68% tổng nguồn vốn, tập trung chủ yếu ở nợ phải trả ngắn hạn với 847 tỷ đồng trong khi nợ dài hạn là 406,4 tỷ đồng. So với năm 2016, tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn đã tăng lên 2,2%, chủ yếu do các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các khoản ứng trước của khách hàng, làm tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty.

» Vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng nhẹ, đạt 580,1 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở vốn đầu tư chủ sở hữu 500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối gần 76,4 tỷ đồng.

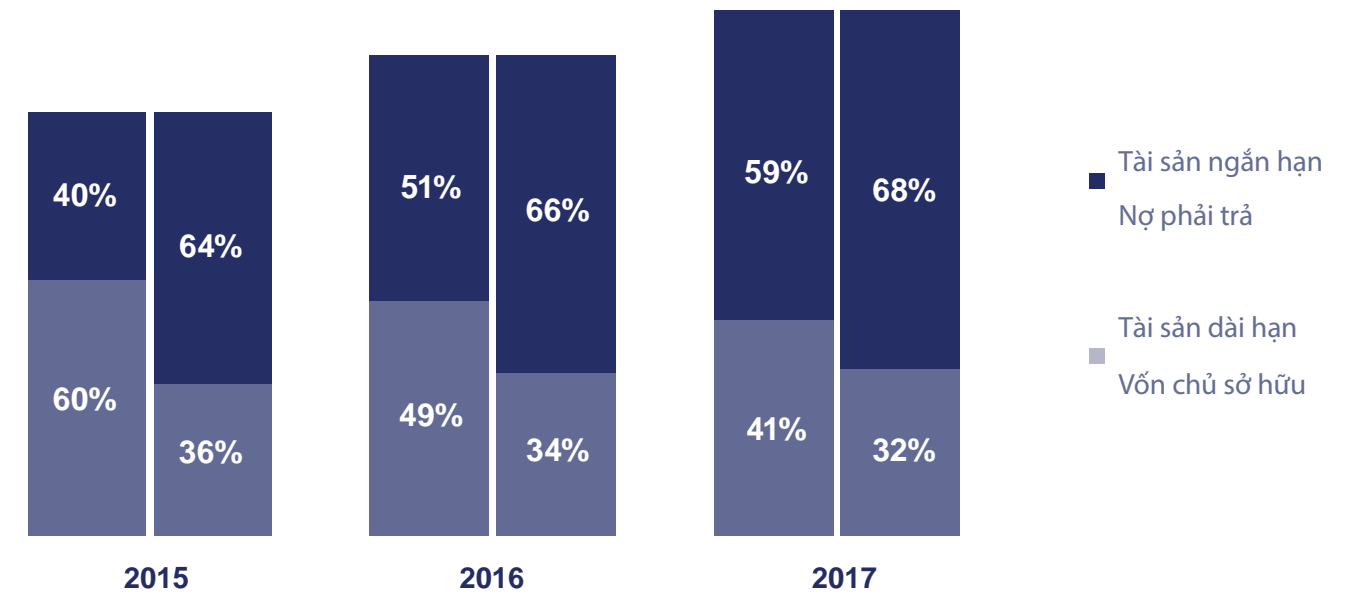
TÀI SẢN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017
(Tỷ đồng)



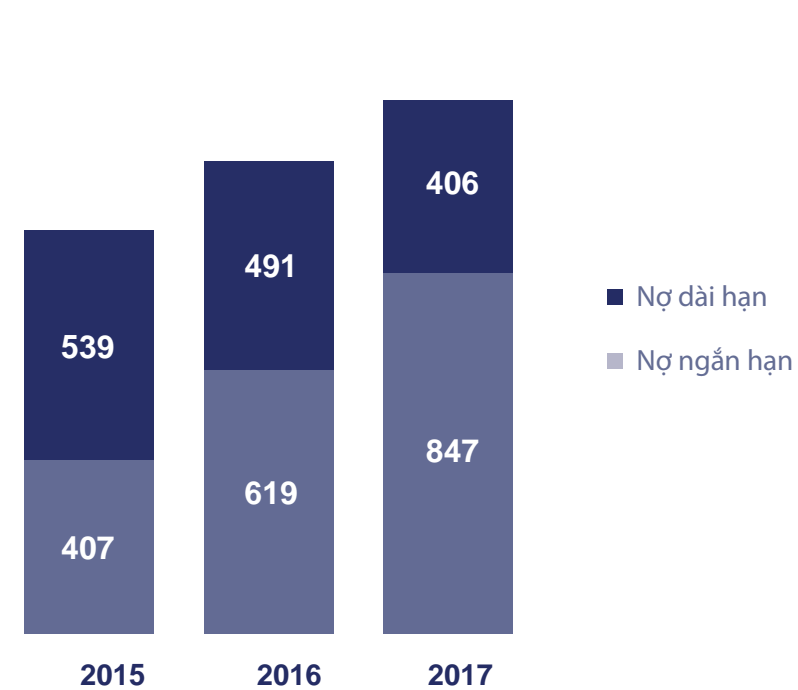
NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017
(Tỷ đồng)



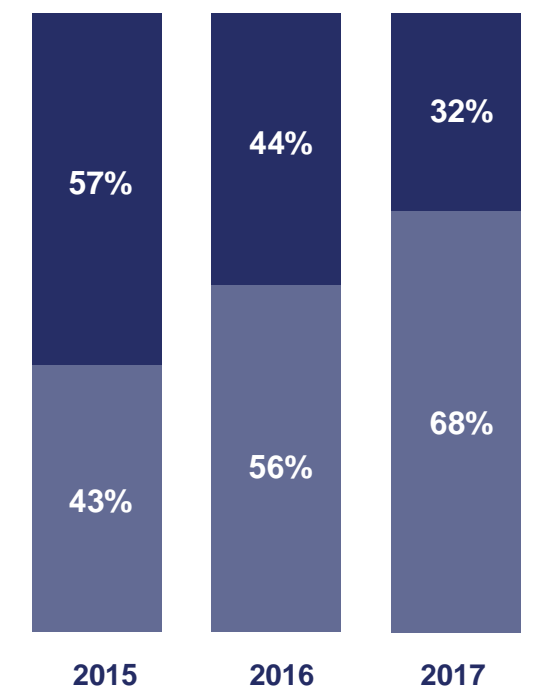
CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017



NỢ PHẢI TRẢ GIAI ĐOẠN 2015-2017
(Tỷ đồng)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ GIAI ĐOẠN 2015-2017
(Tỷ đồng)



» Trong cấu trúc nợ phải trả, tỷ lệ nợ ngắn hạn tăng dần qua các năm. Năm 2017, tỷ lệ nợ ngắn hạn là 68%, nợ dài hạn là 32%. Tuy nhiên, trong kế hoạch lâu dài, Fortex sẽ từng bước cải thiện cơ cấu nợ phải trả, gia tăng tỷ trọng nợ dài hạn nhằm tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, đảm bảo ổn định trong cấu trúc tài chính cho Công ty.

PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
1	Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,02	0,20	0,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	1,01	1,04
3	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,44	1,39	1,28
II	CHỈ SỐ VỀ CƠ CẤU VỐN				
1	Vay dài hạn / VCSH	Lần	0,79	0,66	0,52
2	Vay dài hạn / Tổng tài sản	Lần	0,28	0,22	0,16
3	Vay ngắn hạn / VCSH	Lần	0,46	0,65	0,80
4	Vay ngắn hạn / Tổng tài sản	Lần	0,17	0,22	0,25
5	Tổng công nợ / VCSH	Lần	1,79	1,96	2,16
6	Tổng công nợ / Tổng tài sản	Lần	0,64	0,66	0,68
III	CHỈ SỐ VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG				
1	Vòng quay khoản phải thu	Lần	3,72	4,30	3,70
2	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	98	85	99
3	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,69	5,15	5,18
4	Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	78	71	71
5	Vòng quay khoản phải trả	Lần	6,98	7,24	4,94
6	Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	52	50	74
7	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,65	0,74	0,70
8	Vòng quay vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	2,12	2,13
IV	CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
1	Lợi nhuận EBIT	Tỷ đồng	93,53	76,58	83,64
2	Biên lợi nhuận EBIT	%	9,71%	6,60%	6,85%
3	EBITDA	Tỷ đồng	126,88	155,52	162,67
4	Biên lợi nhuận EBITDA	%	13,18%	13,40%	13,32%
5	Biên lợi nhuận gộp	%	12,46%	9,21%	9,29%
6	Biên lợi nhuận trước thuế	%	8,24%	3,45%	3,58%
7	Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	%	6,92%	3,10%	3,54%
8	Biên lợi nhuận ròng	%	7,26%	3,25%	3,24%
9	Hệ số lợi nhuận sau thuế / VCSH (ROE)	%	13,19%	6,87%	6,90%
10	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	4,73%	2,39%	2,25%
V	CHỈ SỐ CỔ PHẦN				
1	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Triệu cổ phiếu	50	50	50
2	Giá trị sổ sách	Đồng	10.595	11.349	11.603
3	EPS	Đồng	1.398	716	792

1. CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhìn chung, Công ty không gặp áp lực về thanh toán nợ ngắn hạn. Tổng giá trị các tài sản ngắn hạn trong năm lớn hơn 1,28 lần nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên tỷ suất thanh toán nhanh của Công ty lại tăng nhẹ trong năm 2017 lên 1,04 lần.

Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán hiện hành, thanh toán nhanh duy trì trên mức 1 lần cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty luôn duy trì ổn định.

2. CHỈ SỐ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu nguồn vốn của công ty có khuynh hướng thay đổi tăng dần tỷ trọng nợ trên VCSH. 68% nguồn hình thành tài sản đến từ việc sử dụng nợ nhằm tài trợ cho việc sản xuất và kinh doanh năm 2017. Cụ thể hơn, trong cấu trúc nợ, Công ty tăng sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các tài sản hiện có, dùng đòn bẩy tài chính để tăng tỷ suất sinh lời VCSH cho các cổ đông. Tuy nhiên, bản chất các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay LC để nhập nguyên liệu bông với tài sản đảm bảo là hàng nhập nên rủi ro thanh toán là không quá lớn.

3. CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Hệ số vòng quay tài sản đạt 0,7 lần, giảm nhẹ so với mức 0,74 lần năm 2016 do tổng tài sản tăng lên 9,3%. Đáng chú ý, đội ngũ quản lý của công ty đã cố gắng nâng hệ số quay hàng tồn kho lên 5,2 lần và duy trì thời gian xử lý hàng tồn kho là 71 ngày, giảm 7 ngày so với cùng kỳ 2 năm trước. Tổng giá trị hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm cuối năm 2017 là 198 tỷ đồng, giảm 14% so với cuối năm 2016.

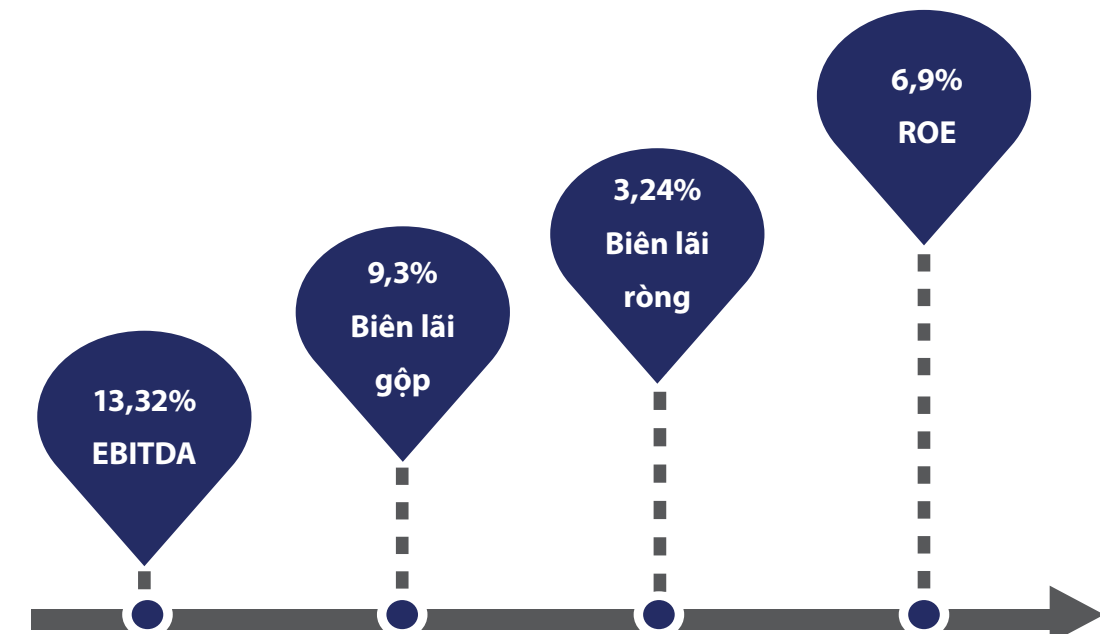
4. CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Qua theo dõi, các chỉ số về lợi nhuận biên không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận sau thuế lần lượt chiếm 9,29% và 3,58% trong tổng doanh thu.

Chỉ số sinh lời trên tổng đầu tư tài sản ROA ở mức 2,25% năm 2017. Tương tự, tỷ suất ROE đạt 6,9%, tăng nhẹ so với mức 6,87% năm 2016.

5. CHỈ SỐ CỔ PHẦN

Số lượng cổ phiếu lưu hành không thay đổi trong năm 2017 là 50 triệu cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 là 11,603 đồng, tăng 2,2% so với mức 11,349 đồng thời điểm cuối năm 2016.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“

HÀI HÒA LỢI ÍCH

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

”

TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trước những thách thức mang tính toàn cầu của thời đại mới, bên cạnh việc duy trì các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Fortex luôn hướng đến một mô hình phát triển bền vững, nhằm đạt được sự cân bằng giữa các chỉ tiêu kinh tế, bảo vệ môi trường, và các hoạt động xã hội. Chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp là tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế vững chắc trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội, cộng đồng và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Báo cáo Phát triển Bền vững được CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân lập cho năm tài chính 2017, dựa trên các thông tin và dữ liệu do chúng tôi thu thập, trong đó có số liệu tài chính kiểm toán, các quy trình đảm bảo An toàn – Chất lượng – Môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

» **Khi báo cáo:** Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017. Báo cáo được lập định kỳ hàng năm.

» **Phạm vi báo cáo:** Thông tin và dữ liệu trình bày trong báo cáo được thu thập và phân tích cho niên độ 2017 trong phạm vi toàn Công ty, bao gồm Văn phòng trụ sở chính tại TP. Thái Bình, 03 Nhà máy Đức Quân của công ty tọa lạc tại KCN Nguyễn Đức Cảnh, KCN Tiên Hải và Chi nhánh Miền Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

TỔ CHỨC QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hệ thống quản trị của Fortex được thực hiện đúng theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty. Gắn liền với định hướng phát triển bền vững. Hiện nay Công ty đã triển công tác quản trị bền vững theo hướng xuyên suốt từ cấp lãnh đạo cao nhất đến từng nhân viên trong toàn Công ty. Công tác quản trị được phân công cụ thể.

✓ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững.
- Chỉ đạo và xử lý các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững thông qua Báo cáo của Ban Điều hành.

✓ BAN ĐIỀU HÀNH

- Điều hành, triển khai thực hiện các hoạt động theo mục tiêu chiến lược và định hướng bền vững.
- Theo dõi, giám sát và điều hành các hoạt động hàng ngày. Phân tích môi trường và hoạt động kinh doanh để đề xuất các biện pháp đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị các phương án tối ưu hướng đến hoạt động ổn định và bền vững.

✓ PHÒNG BAN, NHÀ MÁY

- Lên kế hoạch chi tiết hành động vì mục tiêu hoạt động bền vững. Xây dựng quy trình phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.
- Quản lý công tác sản xuất đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường xung quanh.

✓ CBCNV

- Thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và các quy trình hoạt động của Công ty.
- Tuân thủ các quy định về vận hành sản xuất, quy định về an toàn lao động.



PHÂN TÍCH SWOT PHỤC VỤ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc tìm hiểu và nhận diện rõ ràng những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội và rủi ro của một doanh nghiệp để đánh giá, phân tích các tác động là một công việc quan trọng và cần thiết. Qua đó, doanh nghiệp có thể chủ động xây dựng và triển khai các định hướng, giải pháp phát triển ổn định và lâu dài, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững trong quá trình thực hiện các mục tiêu, tầm nhìn và sứ mệnh của mình.

S

ĐIỂM MẠNH

- Có vị thế vững mạnh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sợi cotton tại Việt Nam với nhiều kinh nghiệm trong ngành.
- Thương hiệu Fortex đã được khẳng định tại thị trường trong nước và nước ngoài, chất lượng sản phẩm sợi Fortex đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với những điều kiện khắt khe của nhiều thị trường
- Có quan hệ tốt với nhà cung cấp và mạng lưới đối tác đa dạng
- Có văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, nguồn nhân lực ổn định và đội ngũ lao động lành nghề
- Sở hữu dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị hiện đại với độ tự động hóa cao.
- Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt, là một trong những đơn vị sở hữu số lượng cọc sợi lớn của khu vực miền Bắc.
- Có đội ngũ cán bộ có tâm huyết với ngành, công ty, gắn bó lâu dài và giàu kinh nghiệm quản lý
- Nhà máy Fortex đặt tại Thái Bình, vùng quy hoạch sợi và có vị trí thuận tiện để xuất khẩu đi Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông... với cơ sở hạ tầng sẵn sàng để mở rộng phát triển
- Thái Bình cũng là nơi có chi phí lao động thấp, chi phí đất đai, các ưu đãi về thuế thuận lợi.

W

ĐIỂM YẾU CƠ HỘI

- Nhập khẩu hoàn toàn nguyên liệu đầu vào khiến hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào thị trường bông thế giới và biến động khó dự đoán.
- Thiếu hụt nhân sự cấp cao có kinh nghiệm hoạt động trong môi trường quốc tế để có thể nắm bắt và tận dụng những vận hội mới.
- Cơ cấu tài chính chưa ổn định, tỷ suất sinh lời thấp, biên lợi nhuận gộp còn khiêm tốn trong khi nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp ngày càng cao.
- Cơ cấu khách hàng theo thị trường chưa đa dạng, mang tính tập trung cao.
- Gia tăng nguồn khách hàng mới từ cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu khi Việt Nam gia nhập CPTPP và các hiệp định thương mại tự do
- Sự chuyển dịch đơn hàng dệt may từ Trung Quốc sang Việt Nam khi hiện chi phí sản xuất của Trung Quốc hiện tại không còn thấp và thuận lợi như những năm trước.
- Gia tăng nhu cầu tiêu thụ sợi do doanh nghiệp dệt may trong nước mở rộng sản xuất cũng như các doanh nghiệp dệt may FDI đầu tư đón đầu các cơ hội tại Việt Nam.
- Sợi cotton dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định nhờ những ưu thế đặc trưng và nhu cầu sản phẩm dệt may vẫn giữ đà tăng trưởng bền vững trên toàn cầu.
- Sự quan tâm của nhà nước và hỗ trợ từ những chính sách ưu đãi phát triển đối với ngành dệt may trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

O

T

THÁCH THỨC

- Các yếu tố về lạm phát, giá điện, chi phí lương tăng... gây tác động trực tiếp đến doanh nghiệp sản xuất, làm tăng chi phí sản xuất và giảm lợi thế cạnh tranh về chi phí của Việt Nam.
- Yêu cầu về máy móc kỹ thuật, công nghệ đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư cao để mở rộng phát triển
- Năng lực nghiên cứu phát triển của Việt Nam trong giai đoạn sơ khởi cần được đầu tư nhiều để bắt kịp sự chuyển giao công nghệ của chuyên gia quốc tế
- Cạnh tranh gia tăng từ các doanh nghiệp sợi FDI đầu tư vào Việt Nam để tận dụng các cơ hội từ CPTPP và các hiệp định thương mại tự do
- Hiện Chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực giải phóng kho bông để bù đắp lượng sợi thiếu hụt tại thị trường Trung Quốc (thị trường tiêu thụ chính sản phẩm sợi Việt Nam). Điều này gia tăng sự cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sợi Việt Nam tại thị trường tiêu thụ sợi chủ yếu này.

KẾT LUẬN ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

Từ việc nhìn nhận những điểm mạnh cần phát huy và những cơ hội cần nắm bắt đồng thời chỉ ra những điểm còn hạn chế và những thách thức phải đối mặt trong phân tích SWOT, Fortex chủ động để ra những giải pháp và định hướng phát triển phù hợp với nội tại doanh nghiệp và xu thế thị trường:

- Tập trung đào tạo chuyên môn, tuyển dụng các nhân sự cao cấp có chuyên môn giỏi; đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và có nhiều chính sách đãi ngộ tốt để duy trì nhân sự vững chắc.
- Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa khách hàng, đa dạng hóa đầu ra cho thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Đề ra những chiến lược kinh doanh và phát triển trong tương lai một cách cụ thể và hợp lý nhằm đạt được mức tăng trưởng tốt, cải thiện khả năng sinh lời và năng lực cạnh tranh.
- Cải thiện và mở rộng thêm các kênh huy động vốn để đầu tư phát triển; tái cấu trúc tài chính lành mạnh đảm bảo cho việc phát triển kinh doanh bền vững.
- Hướng tới phát triển chuỗi giá trị nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao hơn và tận dụng các cơ hội có được từ xu thế hội nhập thị trường.

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan được xem là đối tác quan trọng bậc nhất của Fortex và có tầm ảnh hưởng lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Xác định được điều đó, Fortex đã chủ động xây dựng các mối quan hệ bền vững với mỗi bên liên quan dựa trên nền tảng thương hiệu và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh nhằm hướng tới mục tiêu mang lại chuỗi giá trị lâu dài cho tất cả các bên.



Các bên liên quan quan trọng của Fortex bao gồm: khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, cổ đông/nhà đầu tư, người lao động, các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội chuyên ngành, báo chí truyền thông, và cộng đồng xã hội.

THIẾT LẬP QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Năm 2017, các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được Fortex quan tâm và chủ động tiếp cận, trao đổi với các bên liên quan thông qua nhiều kênh tương tác.

CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT LẬP QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐƯỢC LIỆT KÊ NHƯ BẢNG BÊN DƯỚI

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TƯƠNG TÁC
 KHÁCH HÀNG	<p>Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình bán sợi và chăm sóc khách hàng</p> <p>Khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”</p> <p>Khi thị trường nguyên liệu đầu vào có biến động, Công ty đối thoại, đàm phán giá bán với khách hàng</p> <p>Khách hàng có thể liên hệ bất cứ lúc nào đến đường dây nóng hoặc thông qua email nhận ý kiến phản hồi của Công ty</p> <p>Giao lưu với khách hàng</p> <p>Tham gia các chương trình Hội chợ thương mại</p> <p>Tổ chức hội nghị khách hàng</p>
 ĐỐI TÁC	<p>Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp</p> <p>Thông qua thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác giữa hai bên để tạo cơ sở xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài.</p> <p>Tương tác, trao đổi, thu thập thông tin của đối tác về mong muốn và định hướng hợp tác tại các thị trường tiềm năng</p> <p>Phối hợp triển khai mở rộng phạm vi hoạt động trong chuỗi giá trị của ngành dệt may.</p>

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TƯƠNG TÁC
 NHÀ CUNG CẤP	<p>Duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung bông nguyên liệu cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá bông nguyên liệu đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu với nhà cung cấp.</p> <p>Trực tiếp gặp gỡ, trao đổi qua kênh thông tin (email, điện thoại...) với các nhà cung ứng.</p> <p>Thông qua các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động mua sắm, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ.</p> <p>Thông qua hoạt động đấu thầu, đánh giá các tiêu chí của nhà cung ứng.</p> <p>Xây dựng kênh tương tác phản hồi giữa hai bên để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ</p>
 CỔ ĐỒNG / NHÀ ĐẦU TƯ	<p>Chủ trương chung của Công ty là luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến nhà đầu tư khi yêu cầu, tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ cổ đông hiện tại và nhà đầu tư tiềm năng.</p> <p>Các kênh tương tác trọng yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường. • Viếng thăm Công ty và nhà máy. • Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại. • Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email. • Tiếp nhận phản hồi qua website. • Tổ chức roadshow, hội thảo cung cấp thông tin. • Báo cáo thường niên. • Công bố thông tin theo quy định.

BÊN LIÊN QUAN



KÊNH TƯƠNG TÁC

Cơ chế truyền thông nội bộ Fortex được thực hiện hai chiều: từ trên xuống (top down) và từ dưới lên (bottom up), đảm bảo các định hướng từ cấp trên được truyền đạt hiệu quả và phản hồi từ cấp dưới được ghi nhận một cách dân chủ.

Người lao động có thể đóng góp ý kiến và các kiến nghị theo định kỳ hoặc thường xuyên thông qua việc đánh giá thành tích qua các đợt tái ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm chức vụ và xem xét mức lương.

Hội nghị Tri ân Người lao động được tổ chức hằng năm.

Hình thức “Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo nguyên tắc dân chủ

Thành lập các tổ chức Công đoàn, Đảng bộ, Đoàn thanh niên...

Lấy ý kiến thông qua trao đổi trực tiếp, email, báo cáo khảo sát...

Tổ chức chương trình bình chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền An toàn - Sức khỏe - Môi trường cho CBCNV, đặc biệt là CBCNV trong nhà máy.

Tổ chức các buổi tọa đàm mời diễn giả chuyên môn chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng cho CBCNV.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV.

Tổ chức các hoạt động nội bộ Công ty: văn hóa văn nghệ, thể thao, du lịch...

Tham gia vào các tổ chức, hiệp hội như: Hiệp hội dệt may Việt Nam, Hiệp hội Bông sợi Việt Nam...

Tham gia các Hội nghị, Hội thảo chuyên ngành do các sở ban ngành tổ chức

Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dệt may

NGƯỜI LAO ĐỘNG



HIỆP HỘI CHUYÊN NGÀNH

BÊN LIÊN QUAN



CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

KÊNH TƯƠNG TÁC

Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, thông báo, kê khai theo yêu cầu.

Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.

Đóng góp ý kiến vào các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành.

Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.



BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG

Công bố thông tin công khai, minh bạch với cơ quan báo chí trên phương tiện truyền thông đại chúng.

Gặp gỡ và trả lời phỏng vấn báo chí theo yêu cầu (trực tiếp, gián tiếp).

Thực hiện thông cáo báo chí, tổ chức họp báo khi có sự kiện cần công bố.

Cập nhật thường xuyên tin tức, sự kiện quan trọng trên website của Công ty



CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tuyên truyền, vận động CBCNV tham gia các chương trình quyên góp giúp đỡ các vùng gặp khó khăn vì thiên tai, bão lụt, người nghèo, gia đình chính sách, trẻ em nghèo, các chương trình hoạt động vì môi trường.

Tham gia các hoạt động từ thiện, hỗ trợ các vùng miền khi gặp thiên tai, bão lũ.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TẠI FORTEX

Văn hóa doanh nghiệp tại Fortex luôn chú trọng đến việc phát triển con người toàn diện và được xem là mục tiêu cuối cùng trong công tác xây dựng các quan điểm giá trị, tiêu chuẩn đạo đức và triết lý kinh doanh của Công ty. Chúng tôi đề cao những con người năng động, sáng tạo, biết vươn lên làm chủ khoa học công nghệ, sẵn sàng chinh phục thử thách.

Song song với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hàng năm Fortex thường xuyên tổ chức rất nhiều hoạt động đoàn thể, văn hóa thể thao, văn nghệ với mục đích nâng cao đời sống tinh thần của các CBCNV Công ty, đảm bảo sau những giờ làm căng thẳng và cống hiến cho công việc, CBCNV vẫn có được những hoạt động thư giãn, giải trí đầy ý nghĩa.

» Hoạt động văn hóa - văn nghệ

Ban tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức nhiều chương trình giao lưu, văn hóa, văn nghệ vào những dịp lễ lớn như 8/3, 20/10; kỷ niệm ngày thành lập Công ty, tiệc tân niên chúc mừng năm mới, chào cờ đầu tuần...

Đây được xem như một nét văn hóa truyền thống tại Fortex nhằm làm phong phú thêm đời sống tinh thần cũng như xây dựng môi trường đoàn kết trong toàn Công ty.

» Hoạt động thể thao

Nhằm khuyến khích tinh thần nâng cao thể lực cho người lao động, hàng năm Fortex tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe, thành lập các câu lạc bộ thể dục, thể thao; thường xuyên tổ chức các giải bóng đá, quần vợt, cầu lông cho CBCNV và luyện tập các bộ môn hàng tuần.



AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH



Antoàn

chất lượng
từ khâu vận hành
đến phân phối sản
phẩm



Với triết lý và cam kết cao về chính sách an toàn - chất lượng trong sản xuất kinh doanh, Fortex đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý an toàn - chất lượng nhằm đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của công ty.

AN TOÀN TRONG THIẾT BỊ VÀ VẬN CHUYỂN

Fortex luôn lựa chọn thiết bị hàng đầu thế giới vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hầu hết các máy móc thiết bị của Fortex như máy chải thô, máy ghép, máy sợi con, máy đánh ống... có xuất xứ từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật nhằm giảm thiểu rủi ro hư hỏng máy móc và đảm bảo chất lượng sợi đầu ra là ổn định cho khách hàng.

Quy trình sản xuất công nghệ và vận chuyển của Fortex luôn được lựa chọn và cải tiến sao cho quá trình thao tác đơn giản và tự động hóa cao. Ngoài ra, các nội quy nhà máy, nội quy an toàn gian máy luôn được đào tạo kỹ lưỡng và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt.

CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT VÀ VẬN HÀNH



Hệ thống quản lý chất lượng của Fortex được xây dựng và áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hệ thống được duy trì và cải tiến liên tục trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.



ƯU ĐÃI NGUỒN NHÂN LỰC, PHÚC LỢI CHO CBCNV



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và thân thiện, cùng với sự đoàn kết và gắn bó lâu dài chính là điểm mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại Công ty. Vì vậy, chúng tôi luôn tích cực phát huy, tạo dựng một môi trường làm việc hiện đại, cởi mở, mang đậm văn hóa Fortex mà trong đó giá trị của người lao động là nền tảng cốt lõi và luôn được trân trọng. Đây cũng chính là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh và thành công của thương hiệu Fortex suốt thời gian qua.



TÔN VINH GIÁ TRỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho nhân viên chủ động trong công việc. CBCNV luôn nhận được sự hỗ trợ tối đa từ Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý khi có yêu cầu hoặc khi gặp khó khăn trong quá trình xử lý công việc.

Chính sách thi đua khen thưởng công bằng, cạnh tranh, phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Fortex và những chính sách chung của Công ty. Ngoài những chế độ đãi ngộ cho nhân viên theo quy định, Công ty còn phát triển chính sách khen thưởng, phúc lợi đặc thù.

Nhiều hoạt động nhằm mục đích tăng cường thể chất và tinh thần được Công ty phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức thành công và mang lại hiệu quả cao như: đẩy mạnh các hoạt động phong trào và giao lưu bóng đá, tennis, cầu lông, tổ chức hội diễn văn nghệ, các hoạt động chung tay giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp... Các hoạt động đã thu hút nhiều CBCNV không ngừng rèn luyện thể chất và tinh thần vì sự phát triển toàn diện và bền vững của Fortex.

Công ty đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và cạnh tranh, tất cả CBCNV trong Công ty đều được đối xử công bằng.

Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương, tiền lương tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhằm xây dựng một cơ chế trả lương công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, xây dựng môi trường làm việc công bằng, cạnh tranh, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng và gắn bó với Công ty.

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGUỒN NHÂN LỰC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI CHO CBCNV

Nguồn nhân lực là yếu tố nền tảng cho sự thành công cho mỗi doanh nghiệp nói chung cũng như Fortex nói riêng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng. Vì vậy, Fortex luôn chú trọng, quan tâm và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong suốt 15 năm qua.



Chế độ làm việc

Đối với nhân viên quản lý, khối văn phòng, bộ phận lao động gián tiếp bộ phận thí nghiệm, bộ phận điều không, bộ phận suất da làm việc 6 ngày/tuần và 8h/ngày.

Đối với công nhân công nghệ làm việc theo ca, trong đó 1 ngày có 3 ca, 8h/ca.

Chế độ nghỉ phép

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ Lễ, Tết theo đúng quy định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.

Điều kiện làm việc

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở mọi nơi từ Văn phòng Công ty cho tới Nhà máy.

Sức khỏe người lao động

Xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng hàng đầu nên Công ty liên kết với các bệnh viện đa khoa của Thành phố vào khám và tư vấn sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, đảm bảo toàn bộ CBCNV được quản lý hồ sơ sức khỏe và có sự hỗ trợ y tế kịp thời khi cần thiết.

An toàn lao động

Tại Fortex, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt. Phương tiện, công cụ bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động, PCCC nhằm trang bị thêm kiến thức, đảm bảo an toàn cho người lao động tại Công ty.

Đời sống tinh thần

Vấn đề chăm lo tới đời sống CBCNV luôn được duy trì. Hàng năm Công ty tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, phong trào nhằm tăng cường giao lưu, gắn kết nội bộ giữa các phòng ban và nhà máy, tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, tổ chức thăm hỏi CBCNV Công ty khi ốm đau, hiếu, hỷ...

Chế độ bảo hiểm

Công ty tiếp tục duy trì thực hiện đúng BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ, kịp thời và đúng theo quy định của Bộ luật lao động và Luật BHXH.

Chính sách lương thưởng

Công ty thực hiện việc chi trả tiền lương theo đúng quy chế, quy định của Công ty. Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, xăng xe, điện thoại, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Hàng năm Công ty đều tổ chức đánh giá định kỳ về năng lực, khả năng hoàn thành công việc của CBCNV để thực hiện nâng lương, thưởng tháng lương thứ 13 để khuyến khích mọi thành viên nỗ lực phấn đấu trong công việc.

Chính sách đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Công ty đã thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Qua đó, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



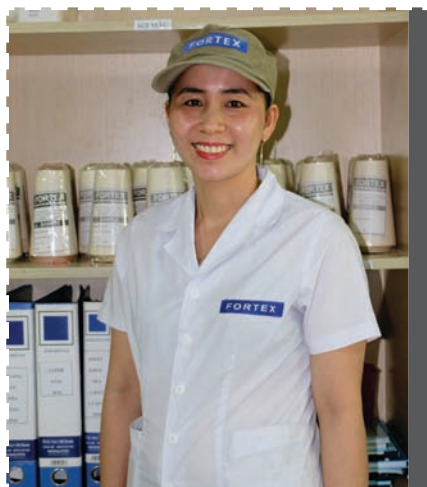
NGƯỜI LAO ĐỘNG NÓI GÌ VỀ FORTEX?

Trên hành trình 15 năm hình thành và phát triển, Fortex luôn hiểu rằng con người là yếu tố quyết định đối với sự thành công và phát triển của Công ty. Tại Fortex, mỗi CBCNV sẽ được phát triển cùng với sự lớn mạnh không ngừng của chúng tôi.



Chị Dương Ngọc Ánh - 10 năm công tác tại Fortex

"Tôi cảm thấy công ty có những chính sách quản lý chặt chẽ, luôn duy trì ổn định hàng hoá đáp ứng cho khách hàng, ngoài ra công ty đã trang bị rất nhiều những thiết bị máy móc hiện đại với tính năng tự động hoá nhất trong khu vực cho nên chất lượng của sản phẩm luôn đạt mức tốt nhất và giúp cho năng suất làm việc trở nên dễ dàng hơn."



Chị Nguyễn Thị Luyến - 8 năm công tác tại Fortex

"Tôi thật sự yêu công việc, yêu những con người ở đây và luôn muốn gắn bó lâu dài với công việc tại nhà máy. Tôi cảm thấy công việc ở nhà máy hoàn toàn phù hợp, không có việc gì vất vả quá mức đối với phụ nữ. Công ty đáp ứng đầy đủ các chính sách đối với người lao động bao gồm luôn khoản tiền bảo hiểm cho công nhân. Trong 8 năm công tác, tôi được công ty tăng lương hàng năm. Ngoài ra, tôi còn được tham gia các phong trào và hoạt động ngoại khóa của Công ty."



Anh Tạ Xuân Quang - 8 năm công tác tại Fortex

"Công tác tại Fortex, tôi được tham gia những chương trình đào tạo thêm cho công nhân trong những năm qua, giúp tôi có thể giao lưu và nắm bắt công nghệ nhiều hơn. Ngoài ra, Fortex còn tổ chức những buổi hội thảo rất hay và được giảng dạy bởi các chuyên gia khiến tôi rất hứng thú khi được trau dồi cập nhật thông tin nghề nghiệp mới cho bản thân."



Anh Lương Hồng Phong - 10 năm công tác tại Fortex

"Công ty có chế độ ưu đãi phúc lợi tốt cho công nhân cũng như nhân viên của mình, mỗi năm chúng tôi đều có quà tết, thưởng, nâng lương, tham gia các phong trào thể thao, nghỉ mát và được đi chơi, du lịch nghỉ mát... Môi trường làm việc ở nhà máy rất tốt, tôi cảm thấy rất vui khi đi làm, mọi người luôn hoà đồng và có tinh thần trách nhiệm rất tốt."



Anh Đào Văn Độ - 8 năm công tác tại Fortex

"Tôi gia nhập Fortex được 8 năm sau khi công tác tại một công ty cùng ngành. Với 8 năm gắn bó tại nhà máy Fortex, Fortex đã trở thành gia đình thứ 2 của tôi. Gia đình tôi có 5 thành viên công tác tại đây. Môi trường làm việc, con người Fortex mang lại cho tôi sự thoải mái, gần gũi, hòa đồng và luôn giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. Điều này để lại một ấn tượng sâu sắc và khó diễn tả nên lời."



Với mục tiêu và khát vọng trở thành doanh nghiệp đứng hàng đầu trong ngành sợi dệt, Fortex đã luôn nỗ lực xây dựng và phát triển tốt các chính sách ưu đãi nguồn nhân lực và phúc lợi CBCNV trong suốt 15 năm qua. Giá trị và sự thành công của chúng tôi phụ thuộc rất nhiều vào tính sáng tạo và sự gắn kết lâu dài trong công việc của người lao động. Chính vì thế, Fortex luôn tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp nhưng không kém phần thân thiện và cởi mở để mỗi cá nhân có thể tự do phát huy tính sáng tạo, khai thác được tiềm năng của bản thân từ đó tạo ra sự khác biệt và nâng tầm giá trị trong mỗi con người Fortex.

Nhân viên Fortex luôn được tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ; mỗi nhân viên đều cảm nhận được mình là một mắt xích quan trọng trong một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Chúng tôi cam kết mang lại cho nhân viên những giá trị xứng đáng mà họ đã cống hiến cho Fortex và luôn đồng hành trên con đường lập nghiệp của mỗi cá thể trong tương lai.



BỨC TRANH NHÂN SỰ FORTEX 2017

Quan hệ lao động được Fortex xem là một yếu tố quan trọng để hình thành và duy trì sự hài hòa trong kinh doanh. Fortex sử dụng lao động trên cơ sở tuân thủ theo Luật lao động hiện hành.

Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu vị trí công việc.

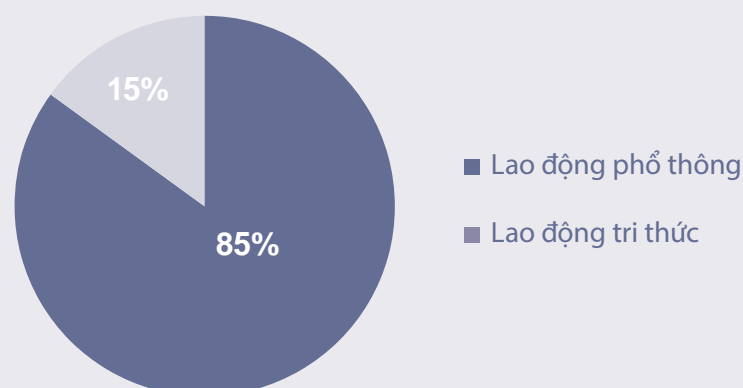
Công tác quản lý chăm sóc sức khỏe người lao động cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. 100% CBCNV của Công ty được khám sức khỏe định kỳ và đóng đầy đủ các bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.



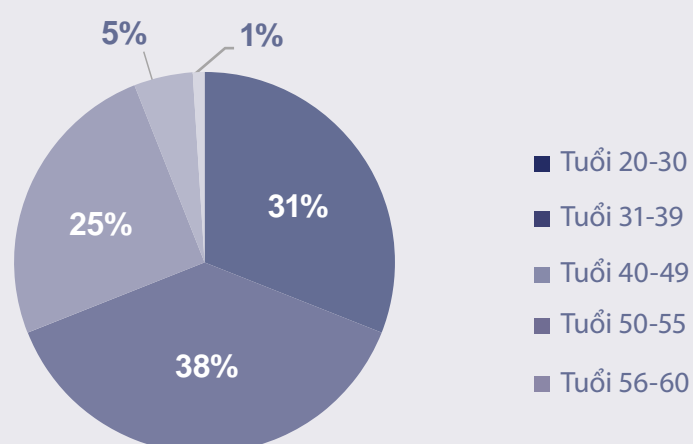
LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG FORTEX QUA CÁC NĂM

STT	Khu vực làm việc	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng CBCNV	875	870	870
2	Văn phòng	47	45	48
3	Nhà máy 1	197	192	198
4	Nhà máy 2	318	313	312
5	Nhà máy 3	330	320	312

PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG NĂM 2017



PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI NĂM 2017



BẢNG THỐNG KÊ VỀ LAO ĐỘNG FORTEX QUA CÁC NĂM

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Hợp đồng lao động		875	870	870
	Không xác định thời hạn	Người	366	362	700
	Xác định thời hạn 1-3 năm	Người	297	283	170
	Thời hạn ngắn hơn 01 năm	Người	212	225	0
2	Tỷ lệ nhân viên được ký hợp đồng lao động	%	100%	100%	100%
3	Biến động về nhân viên				
	Tuyển dụng mới	Người	674	699	437
	Nghỉ việc, trong đó	Người	659	670	419
	Nghỉ hưu	Người	0	0	0
	Chấm dứt lao động	Người	659	670	419

CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ (*)	99,1%
2	Bảo hiểm y tế	100% CBCNV
3	Bảo hiểm xã hội	100% CBCNV

(*) Khám sức khỏe định kỳ chỉ đạt 99,1% CBCNV do 0,9% còn lại là CBCNV nữ nghỉ thai sản không tham gia



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường ngày càng trở nên cấp thiết bởi các doanh nghiệp không chỉ phải đáp ứng được những tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, mà còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, đặc biệt là khi Việt Nam gia nhập các hiệp hội, tổ chức quốc tế mà gần đây nhất là tham gia ký kết hiệp định CPTPP. Trong đó, phổ biến nhất là tiêu chuẩn sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, nguồn nước, xử lý nước thải, giải pháp tái chế phụ phẩm phát sinh trong sản xuất.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Fortex luôn chú trọng và đặc biệt quan tâm đến các yếu tố gây tác động đến môi trường: sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ điện năng, sử dụng nguồn nước, ô nhiễm không khí, tiếng ồn và các chất thải rắn trong công tác vận hành nhằm bảo vệ môi trường trong quá trình tạo nên sản phẩm.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Fortex luôn thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan. Công ty luôn ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo, tuân thủ các quy định và hướng dẫn liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, nhằm giám sát và quản lý để tránh gây ảnh hưởng tới chất lượng môi trường xung quanh.



Các thủ tục hành chính về môi trường đã thực hiện

Bản cam kết bảo vệ môi trường	Báo cáo đánh giá tác động môi trường mở rộng nhà máy	Hợp đồng thu gom xử lý rác thải	Hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

CÁC NGUỒN GÂY TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Sử dụng nguyên liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất ổn định qua hai năm 2016. Với các nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất, Công ty đã tích cực tái chế nguyên liệu để đưa vào sản xuất, giảm lượng phế thải ra môi trường, không gây ô nhiễm, qua đó góp phần làm giảm tác động xấu của các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường xung quanh.

Danh sách nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất & tái chế

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2016	Số lượng sử dụng năm 2017
1	Nguyên liệu			
	Bông cotton	Tấn	14,754	14,819
2	Vật liệu phụ			
	Ống côn	Cái	7,323,910	7,378,969
	Hộp carton	Chiếc	231,044	132,548
	Bao PP	Chiếc	345,940	498,395
3	Nguyên liệu tái chế			
	Bống phế	Tấn	320	665

Tiêu thụ điện năng

Lượng tiêu thụ điện năng hiện nay của Công ty là khá lớn. Là nguồn tài nguyên năng lượng hữu hạn, Công ty luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tiết kiệm điện và luôn nỗ lực tiết kiệm tối đa trên hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị sản xuất và khuyến khích CBCNV trong Công ty có những sáng kiến cải tiến nhằm giảm thiểu chi phí tiêu thụ điện năng tại các công đoạn trong nhà máy. Đặc biệt, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, Fortex cũng thường xuyên kiểm tra các hoạt động sản xuất, vận hành nhằm tiết giảm những công đoạn chưa cần thiết tiêu thụ điện năng.

STT	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016
Tiêu thụ điện	KWh	49,360,437	47,888,918	-3%
Điện tiêu thụ trên một tấn sợi quy đổi	KWh	3,566	3,344	-3%
Tiêu thụ nước	m3	21.389	28.759	34%

Khí thải, bụi

Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động các phương tiện ra vào máy như xe tải vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, xe ca, xe máy của công nhân viên; bụi bông phát sinh từ quá trình tập kết nguyên liệu. Khí thải ra môi trường không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

Tiếng ồn

Tiếng ồn trong nhà máy phát sinh ở các máy trong dây chuyền kéo sợi.

Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho mục đích sinh hoạt của CBCNV, đồng thời Công ty cũng sử dụng vào hệ thống phun ẩm làm mát cho xưởng sản xuất. Do đó, Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty nước sạch Thái Bình, nước sạch Tiền Hải để sử dụng cho 3 nhà máy ở Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh và ở Khu công nghiệp Tiền Hải.

Nước thải sinh hoạt của Công ty được đầu nối với đường thoát nước của Khu Công Nghiệp. Hiện tại, cả 03 nhà máy của Fortex đều có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và nhà cung ứng trong ngành dệt may, Fortex luôn nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã và đang áp dụng nhiều giải pháp quản lý, kiểm soát và xử lý nước thải và chất thải, nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và nước nhằm bảo vệ và hạn chế tác động đến môi trường.



Quản lý tốt nguồn nguyên vật liệu đầu vào và tái chế để sử dụng.



Chất thải trong công ty đều được phân loại, thu gom và xử lý với đơn vị có chức năng theo quy định.



Tiêu thụ điện năng một cách tiết kiệm; cải tạo, nâng cấp thiết bị để tiết kiệm điện.



Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu sử dụng.

Đưa ra những chính sách nghiêm ngặt để bảo vệ môi trường sống nói chung và môi trường làm việc nói riêng.



Tiêu thụ nước một cách tiết kiệm; xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng tiêu chuẩn của Khu công nghiệp.



Tổ chức quan trắc chất lượng môi trường.



Hoàn thiện hệ thống đánh giá ISO & 5S và triển khai chương trình trên toàn bộ hệ thống nhà máy.



Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

» Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải là nước sinh hoạt của CBCNV bao gồm nước thải từ khu vệ sinh và nước thải nhà ăn.

» Toàn bộ hệ thống nước thải của nhà máy được thu gom vào hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng, lắng đọng tách cặn bã rồi mới chuyển vào cống thoát nước chung của nhà máy, sau đó thoát ra mương hạ tầng của Khu Công Nghiệp.

GIẢM THIỂU Ô NHIỄM TIẾNG ỒN

» Bảo vệ luôn nhắc nhở lái xe tắt máy khi vào đến khu vực công ty; xe ô tô chạy với tốc độ chậm, không bấm còi inh ỏi gây ồn cho khu vực xung quanh.

» Sử dụng đệm chống ồn được lắp tại chân của các thiết bị và quạt gió trong các xưởng sản xuất sợi.

» Định kỳ 2 lần/năm bảo dưỡng máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất.

» Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tại nhà máy.

THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

» Rác thải sinh hoạt: Được công ty thu gom vào các thùng rác cố định của nhà máy và ký kết hợp đồng xử lý chất thải rắn với đơn vị có chức năng theo quy định.

» Chất thải rắn sản xuất: bao gồm mùn bông bán cho người dân địa phương sử dụng để trồng nấm; đai kiện bằng nhựa, sắt, nilon được thu gom bán phế liệu.

GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG DO BỤI, KHÍ THẢI

» Bố trí các lán trồng giữ xe cho CBCNV và khách ra vào công ty.

» Lắp đặt hệ thống thông gió kết hợp thông gió tự nhiên bằng các cửa sổ và thông gió nhân tạo bằng các quạt thông gió và hệ thống điều không nhằm đảm bảo thông thoáng bên trong nhà xưởng sản xuất sợi. Hệ thống điều không có chức năng điều hòa không khí, thu gom xử lý bụi và đảm bảo độ ẩm cần thiết trong nhà xưởng.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI



Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng xã hội là một trong những truyền thống tốt đẹp của Công ty và là mục tiêu quan trọng mà luôn Công ty hướng đến.

Đóng góp của Fortex đối với sự phát triển của cộng đồng thể hiện ở nhiều mặt như nghĩa vụ nộp thuế, tạo công ăn việc làm cho người lao động, chế độ đãi ngộ và chính sách phúc lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động từ thiện...

- ✓ **TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM**
- ✓ **CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI CBCNV**
- ✓ **NGHĨA VỤ NỘP THUẾ**
- ✓ **HOẠT ĐỘNG TỪ THIÊN**

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

Việc thực hiện công tác hỗ trợ cộng đồng không chỉ là trách nhiệm của Ban lãnh đạo mà là của toàn thể người lao động Fortex. Các chương trình hoạt động hỗ trợ cộng đồng tiêu biểu của Fortex có thể kể đến như:

- Tham gia ủng hộ đồng bào lũ lụt
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo của Thái Bình
- Hưởng ứng chương trình xây dựng hệ thống nước sạch tại Tiên Hải
- Tham gia các chương trình trồng cây xanh vì môi trường.



GIÁ TRỊ PHÂN PHỐI KINH TẾ CỦA FORTEX NĂM 2017

ĐÓNG GÓP KINH TẾ

- DOANH THU THUẦN FORTEX NĂM 2017 ĐẠT 1.221 TỶ ĐỒNG
- DOANH THU XUẤT KHẨU FORTEX NĂM 2017 ĐẠT 903 TỶ ĐỒNG
- CHI TRẢ CHO CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG LÀ 879 TỶ ĐỒNG
- CHI TRẢ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI CHO CBCNV LÀ 51,6 TỶ ĐỒNG
- CHI TRẢ LÃI VAY CHO CÁC BÊN CUNG CẤP VỐN VAY LÀ 31,7 TỶ ĐỒNG
- CHI CHO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG NĂM LÀ 83,3 TỶ ĐỒNG
- CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG (5% V&L) LÀ 25 TỶ ĐỒNG
- TỔNG CÁC KHOẢN THUẾ ĐÃ NỘP CHO NHÀ NƯỚC LÀ 12,5 TỶ ĐỒNG





“

GIÁ TRỊ HÔM NAY

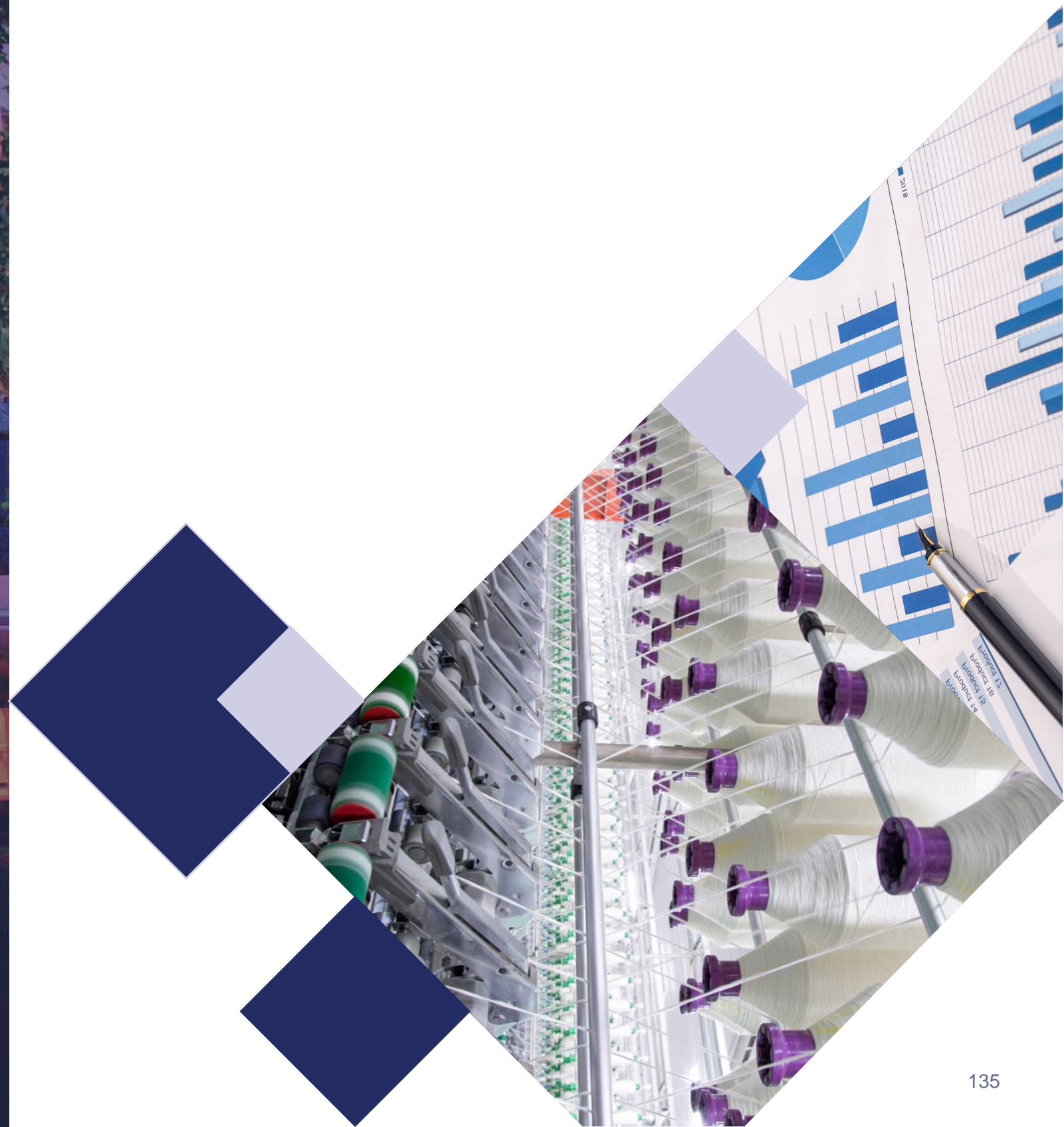
VỮNG BƯỚC NGÀY MAI

”



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 (KIỂM TOÁN)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Lê Mạnh Thường | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Hoàng Xuân Chính | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/04/2017) |
| 3. Bà Nguyễn Thị Mai | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 4. Ông Lưu Ngọc Bảo | Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 28/02/2017) |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 6. Nguyễn Văn Tuấn | Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/03/2017) |
| 7. Ông Nguyễn An Toàn | Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/04/2017) |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Nguyễn Thị Mai | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Duy Chiến | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN THỊ MAI

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



KHÚC ĐÌNH ĐỨNG

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2018

TRẦN THIÊN THANH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU B 01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.081.913.008.427	859.360.165.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	93.815.654.795	124.288.942.591
1. Tiền	111		39.051.263.128	123.752.700.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.764.391.667	536.242.193
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		784.357.386.792	503.823.376.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	380.072.451.962	280.415.843.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	183.838.541.851	89.622.024.061
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	83.431.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	137.015.392.979	133.785.508.841
III. Hàng tồn kho	140		198.204.169.838	229.810.431.083
1. Hàng tồn kho	141	5.7	198.204.169.838	229.810.431.083
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.535.797.002	1.437.415.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	1.177.603.570	1.437.415.048
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.358.193.432	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		751.716.739.918	818.223.983.988
I. Tài sản cố định	220		697.403.851.370	775.733.528.312
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	696.897.277.785	775.733.528.312
- Nguyên giá	222		1.003.879.142.761	1.003.767.196.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(306.981.864.976)	(228.033.668.449)
2. Tài sản cố định vô hình	227		506.573.585	-
- Nguyên giá	228		588.279.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.705.415)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.569.659.815	21.735.676.815
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	33.569.659.815	21.735.676.815
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.743.228.733	20.754.778.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	4.579.939.002	4.591.489.130
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		16.163.289.731	16.163.289.731
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.833.629.748.345	1.677.584.149.260

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.253.487.385.839	1.110.142.398.676
I. Nợ ngắn hạn	310		847.051.073.451	618.834.039.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	277.896.405.695	170.530.246.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	12.442.114.084	2.544.250.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.369.643.261	22.821.856.161
4. Phải trả người lao động	314		4.451.076.375	4.177.380.482
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	73.033.310.285	38.762.038.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	6.801.065.954	13.411.720.511
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	465.184.427.160	366.547.857.056
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.873.030.637	38.690.165
II. Nợ dài hạn	330		406.436.312.388	491.308.359.315
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.10	106.221.024.039	118.021.024.039
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	300.215.288.349	373.287.335.276
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		580.142.362.506	567.441.750.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	580.142.362.506	567.441.750.584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.768.680.945	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.373.681.561	67.441.750.584
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.788.729.167	29.754.941.136
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.584.952.394	37.686.809.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.833.629.748.345	1.677.584.149.260



NGUYỄN THỊ MẠI

Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

PHẠM THỊ HÀ

Kế toán trưởng

HOÀNG KHẮC HUY

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MẪU B 02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.220.979.733.558	1.161.170.997.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	517.055.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.220.979.733.558	1.160.653.941.322
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.107.590.074.371	1.053.807.323.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.389.659.187	106.846.618.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.652.953.828	18.487.142.062
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.125.504.240	59.064.793.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.834.594.429	51.602.727.883
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.665.069.704	6.012.752.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.086.811.817	24.256.405.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.165.227.254	35.999.808.271
11. Thu nhập khác	31	6.6	765.409.554	20.533.635.047
12. Chi phí khác	32	6.7	254.057.968	16.443.149.615
13. Lợi nhuận khác	40		511.351.586	4.090.485.432
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.676.578.840	40.090.293.703
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.091.626.446	2.403.484.255
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.584.952.394	37.686.809.448
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	754,01	753,74
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	754,01	753,74



NGUYỄN THỊ MAI
Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018


PHẠM THỊ HÀ
Kế toán trưởng


HOÀNG KHẮC HUY
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MẪU B 02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	43.676.578.840	40.090.293.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	79.029.901.942	78.937.917.317
(Lãi) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(599.968.294)	2.197.027.294
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.617.773.632)	(7.463.472.329)
Chi phí lãi vay	06	52.834.594.429	53.150.384.322
3. Lưu chuyển tiền từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	163.323.333.285	166.912.150.307
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(192.243.426.449)	(104.427.833.214)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	31.606.261.245	(50.178.444.113)
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	91.371.715.194	58.100.925.630
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	271.361.606	(2.424.725.446)
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.698.245.166)	(25.144.485.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.553.200.783)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.918.770.608
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.027.798.932	(63.628.025.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	21		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(278.606.920)	(2.630.047.455)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(83.431.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	105.141.190.297
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.296.867.619	3.772.054.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(81.412.739.301)	106.283.197.531
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(100.000.000.000)
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	100.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.357.360.158.569	1.100.784.207.682
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.583.425.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	981.098.177	75.158.861.726
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.403.842.192)	117.814.034.045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	124.288.942.591	6.473.952.985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(69.445.604)	955.561
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	93.815.654.795	124.288.942.591



NGUYỄN THỊ MAI
Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018


PHẠM THỊ HÀ
Kế toán trưởng


HOÀNG KHẮC HUY
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình. Công ty có văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh ở địa chỉ: Phòng 12A-09, Tòa nhà Vincom, Số 72 Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 870 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 927 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) tương ứng với 50.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 16/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FORTEX) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 06 tháng 02 năm 2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chính thức giao dịch với mã chứng khoán là FTM.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với

Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 22
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị văn phòng	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho dự án nhà máy kéo sợi 4.500 tấn - Đại Cường 2 của Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04 ngày 01 năm 2007, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo.

Dự án Xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và dự án Xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (thuộc nhà máy Đại Cường 1) thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ 4 có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 8 năm tiếp theo.

Dự án nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm: Thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền mặt	89.680.464	452.128.357
Tiền gửi ngân hàng	38.961.582.664	123.300.572.041
Các khoản tương đương tiền (*)	54.764.391.667	536.242.193
Cộng	93.815.654.795	124.288.942.591

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng và hưởng lãi suất 5%/năm đến 5.2%/năm.

5.2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	14.005.388.038	16.893.609.610
Công ty Cổ phần Tân An	152.542.772.314	32.312.233.495
Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng Vinaland	14.516.608.100	39.287.589.494
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú	7.099.410.287	13.016.042.174
Sharewatt Hotels Linens and Amenities INC	14.855.815.954	25.599.541.888
Smart Shirts LTD	44.562.318.545	-
Nantong CO-OP textile exchange CO., LTD	25.105.327.631	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	107.384.811.093	153.306.826.987
Cộng	380.072.451.962	280.415.843.648
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Xem chi tiết tại thuyết minh 7.1	-	13.069.856.520

5.3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	4.275.000.768	63.599.365.962
Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường	21.607.000.000	-
Công ty TNHH XDTM DV Phú Hoàng Phát	82.375.900.200	-
Tongkook international trading Co.,Limited	55.717.604.000	-
Các đối tượng khác	19.863.036.883	26.022.658.099
Cộng	183.838.541.851	89.622.024.061
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số 7.1)	4.275.000.768	63.599.365.962

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tạm ứng	2.409.828.750	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.474.981.210	-
Lãi phạt khách hàng trả chậm	11.461.235.464	7.171.658.340
Phải thu lãi cho vay	6.669.347.555	4.747.199.943
Công ty CP Bất động sản Đại Cường (*)	115.000.000.000	115.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (**)	-	6.866.650.558
Cộng	137.015.392.979	133.785.508.841

b. Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan

Xem chi tiết tại thuyết minh 7.2

(*) Khoản phải thu Công ty cổ phần Bất động sản Đại Cường theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30 tháng 11 năm 2016 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và văn phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Sau khi dự án thực hiện thành công, công ty được hưởng 3000m2 sàn thương mại văn phòng của dự án, tương đương 38,3 triệu đồng/m2 (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo cho khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

5.5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty CP Tập đoàn Đại Cường (*)	22.646.000.000	-
Công ty CP Bất động sản New City (**)	60.785.000.000	-
Cộng	83.431.000.000	-

(*) Khoản cho Công ty CP Tập đoàn Đại Cường vay vốn theo hợp đồng số 25032017.HDVT ngày 25 tháng 3 năm 2017 trong vòng 12 tháng, số tiền cho vay là 23 tỷ đồng để bên vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay vốn 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Theo hợp đồng cho vay số 02012017.HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2017, Công ty CP Đầu tư Phát triển Đức Quân cho Công ty TNHH Bất động sản New City vay 58 tỷ đồng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 5 tháng với lãi suất 9%/năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	22.430.201.253	10.596.218.253
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	11.139.458.562
Cộng	33.569.659.815	21.735.676.815

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

5.7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	91.089.171.772		25.324.912.263	
Công cụ, dụng cụ	15.954.057.248		48.590.300.897	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.273.984.811		18.910.475.182	
Thành phẩm	76.754.104.643		9.734.599.279	
Hàng hoá	4.132.851.364		61.284.908.863	
Cộng	198.204.169.838		179.631.986.970	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.15).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	165.413.913.297	836.667.828.918	1.621.818.182	63.636.364	1.003.767.196.761
Mua trong năm	-	-	-	111.946.000	111.946.000
Tại ngày 31/12/2017	165.413.913.297	836.667.828.918	1.621.818.182	175.582.364	1.003.879.142.761
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	17.131.993.625	210.572.216.493	318.189.392	11.268.940	228.033.668.449
Khấu hao trong năm	8.472.677.532	70.255.289.040	196.727.316	23.502.639	78.948.196.527
Tại ngày 31/12/2017	25.604.671.157	280.827.505.533	514.916.708	34.771.579	306.981.864.976
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	148.281.919.672	626.095.612.426	1.303.628.790	52.367.425	775.733.528.312
Tại ngày 31/12/2017	139.809.242.140	555.840.323.386	1.106.901.474	140.810.786	696.897.277.785

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 696.756.466.966 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 775.720.317.424 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 81.818.182 đồng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.177.603.570	450.434.527
- Chi phí mua bảo hiểm	-	986.980.521
Cộng	1.177.603.570	1.437.415.048
b) Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.659.281.163	4.127.423.567
- Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	920.657.839	464.065.563
Cộng	4.579.939.002	4.591.489.130

5.10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	70.843.867.461	37.907.518.198
- Các khoản trích trước khác	2.189.442.824	854.520.156
Cộng	73.033.310.285	38.762.038.354
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Chi phí lãi vay (*)	106.221.024.039	118.021.024.039
Cộng	106.221.024.039	118.021.024.039

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng, số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 1 năm 2023.

Theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 82.522.519.923 đồng, số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025.

Các khoản lãi vay ngắn hạn và dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Trong vòng một năm	70.843.867.461	37.907.518.198
Trong năm thứ hai	11.800.000.000	11.800.000.000
Sau hai năm	94.421.024.039	106.221.024.039

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Kinh phí công đoàn	722.078.600	484.410.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.279.967.772	2.757.884.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.019.582	10.169.425.807
Cộng	6.801.065.954	13.411.720.511

5.12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND		31/12/2016 VND	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
HEN AN TONGZHOU COTTON TRADE CO.,LTD	34.653.696.207	34.653.696.207	-	-
Ecom Agroindustrial Corp. LTD	-	-	21.210.696.073	21.210.696.073
Toyoshima & Co., LTD	-	-	19.186.268.122	19.186.268.122
Uday Cotton Industries	29.747.117.401	29.747.117.401	18.364.372.980	18.364.372.980
ONE COMMODITIES	39.059.376.129	39.059.376.129	-	-
Om Shiva Commodites Hong Kong LTD	-	-	63.229.930.182	63.229.930.182
CDI CTTON DISTRIBUTORS INCORPO-RATED	-	-	16.472.019.460	16.472.019.460
Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	23.980.435.650	23.980.435.650	12.869.377.461	12.869.377.461
STRYKAR OVERSEAS LLP	12.797.963.465	12.797.963.465	-	-
Tongzhou International Cotton Limited	51.834.984.268	51.834.984.268	8.263.419.263,00	8.263.419.263
OSC cotton Trading LLC	65.314.834.4%	65.314.834.4%	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	20.507.998.080	20.507.998.080	10.934.162.821	10.934.162.821
Cộng	277.896.405.695	170.530.246.362		
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	23.980.435.650		-	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Kelisha garments & weaving Co.,LTD JinJiang	-	-	2.144.844.980	2.144.844.980
Công ty CP Đầu tư 3GR	10.901.374.442	10.901.374.442	-	-
Các đối tượng khác	1.540.739.642	1.540.739.642	399.405.290	399.405.290
Cộng	12.442.114.084	12.442.114.084	2.544.250.270	2.544.250.270
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	10.901.374.442			

5.14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp / Số đã khấu trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.548.463.071	7.336.910.372	16.885.373.443	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	26.065.230	26.065.230	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.553.200.783	4.091.626.446	12.553.200.783	4.091.626.446
Thuế thu nhập cá nhân	720.192.307	1.383.340.099	825.515.591	1.278.016.815
Các loại thuế khác	-	304.857.897	304.857.897	-
Cộng	22.821.856.161	13.142.800.044	30.595.012.944	5.369.643.261

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	364.371.250.751	364.371.250.751	1.295.868.385.056	1.250.036.580.303	318.539.445.998	318.539.445.998
<i>Vay bằng VND</i>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	139.706.225.251	139.706.225.251	277.753.005.098	330.183.799.127	192.137.019.280	192.137.019.280
<i>Vay bằng USD</i>						
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	19.006.270.463	179.071.565.181	60.065.294.718	60.065.294.718
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội (ii)	41.491.404.000	41.491.404.000	146.458.613.500	104.967.209.500	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	183.173.621.500	183.173.621.500	752.650.495.995	635.814.006.495	66.337.132.000	66.337.132.000
Vay ngắn hạn cá nhân	8.356.161.000	8.356.161.000	8.356.161.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)	92.457.015.409	92.457.015.409	-	-	48.008.411.058	46.530.000.000
Cộng	465.184.427.160	456.828.266.160	1.295.868.385.056	1.250.036.580.303	366.547.857.056	365.069.445.998

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/1497403/HĐTĐ ngày 15 tháng 05 năm 2017. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 570 tỷ đồng bao gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi (hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư L/C và dư nợ ngắn hạn theo hạn mức cũ chuyển sang), trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, dự bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức cũ chuyển sang 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không sau ngày 30 tháng 04 năm 2018. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu trong nước, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu; kho vật liệu phụ; tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn/ năm; Số dư tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; Dây chuyền máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm; Các tài sản đảm bảo khác của Công ty và bên thứ ba.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-2017.01692 ngày 25 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là 304.100 USD theo LC xuất khẩu số 543LC1700040 do CHI-NA MERCHANTS BANK -BINZHOU BRANCH phát hành ngày 08 tháng 12 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số 543LC1700040 do CHINA MERCHANTS BANK -BINZHOU BRANCH phát hành ngày 08 tháng 12 năm 2017. Thời hạn cho vay là 43 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-2017.01693 ngày 25 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là 304.100 USD theo LC xuất khẩu số 0810LC17003077C do INDUSTRIAL BANK CO., LTD- FUZHOU phát hành ngày 15 tháng 12 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số 0810LC17003077C do INDUSTRIAL BANK CO., LTD- FUZHOU phát hành ngày 15 tháng 12 năm 2017. Thời hạn cho vay là 43 ngày từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo tờ trình chiết khấu có truy đòi bộ chứng từ hàng xuất theo LC với số LAV là 1460-LAV-2017.01605 ngày 08 tháng 12 năm 2017. Số tiền chiết khấu là 608.200 USD theo LC xuất khẩu số LCBB69265 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 21 tháng 11 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số LCBB69265 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 21 tháng 11 năm 2017. Thời hạn chiết khấu 19 tháng 03 năm 2018. Lãi suất chiết khấu là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo tờ trình chiết khấu có truy đòi bộ chứng từ hàng xuất theo LC với số LAV là 1460-LAV-2017.01636 ngày 12 tháng 12 năm 2017. Số tiền chiết khấu là 608.200 USD theo LC xuất khẩu số LCBB69266 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 30 tháng 11 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số LCBB69266 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 30 tháng 11 năm 2017. Thời hạn chiết khấu 21 tháng 03 năm 2018. Lãi suất chiết khấu là 4%/năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	392.672.303.758	392.672.303.758	53.135.612.513	81.759.055.089	421.295.746.334	421.295.746.334
Các khoản vay dài hạn của Công ty	105.451.364.582	105.451.364.582	46.034.500.513	67.827.363.089	127.244.227.158	127.244.227.158
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	74.550.761.349	74.550.761.349	27.389.752.176	42.762.600.859	89.923.610.032	89.923.610.032
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	22.627.587.500	22.627.587.500	18.610.712.445	25.010.712.445	29.027.587.500	29.027.587.500
Vay tổ chức tín dụng bằng USD	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	8.273.015.733	8.273.015.733	34.035.892	54.049.785	8.293.029.626	8.293.029.626
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	287.220.939.176	287.220.939.176	7.101.112.000	13.931.692.000	294.051.519.176	294.051.519.176
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	260.280.279.176	260.280.279.176	-	-	260.280.279.176	260.280.279.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	14.300.000.000	14.300.000.000	7.100.000.000	13.900.000.000	21.100.000.000	21.100.000.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ (USD)</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	12.640.660.000	12.640.660.000	1.112.000	31.692.000	12.671.240.000	12.671.240.000
Cộng	392.672.303.758	392.672.303.758	53.135.612.513	81.759.055.089	421.295.746.334	421.295.746.334

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	92.457.015.409	92.457.015.409	-	-	48.008.411.058	48.008.411.058
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) – Chi nhánh Thái Bình	14.040.000.000	14.040.000.000	-	-	15.372.848.683	15.372.848.683
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	22.627.587.500	22.627.587.500	-	-	21.788.542.375	21.788.542.375
Vay dài hạn USD						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	8.273.015.733	8.273.015.733	-	-	-	-
Các khoản vay kế thừa từ Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường:	47.516.412.176	47.516.412.176			10.847.020.000	10.847.020.000
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) – Chi nhánh Thái Bình	20.575.752.176	20.575.752.176				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	14.300.000.000	14.300.000.000			10.847.020.000	10.847.020.000
Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ (USD)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	12.640.660.000	12.640.660.000				
Cộng vay dài hạn	300.215.288.349	485.129.319.167			373.287.335.276	469.304.157.392

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng vay vốn tín dụng như sau:

Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTĐ ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTĐĐT- NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTĐ ngày 10/01/2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30/11/2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 17 tháng 6 năm 2014, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2018. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển - Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường, số lãi phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 được chi trả theo lịch trả nợ từ quý 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 1 năm 2025. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

Hợp đồng số 01/2011/HĐTĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31/12/2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2017. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	150.000.000.000	-	29.754.941.136	179.754.941.136
Vốn góp tăng trong năm	350.000.000.000	-	-	350.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	37.686.809.448	37.686.809.448
Số dư tại ngày 31/12/2016	500.000.000.000	-	67.441.750.584	567.441.750.584
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	39.584.952.394	39.584.952.394
Trích lập các quỹ (i)	-	3.768.680.945	(5.653.021.417)	(1.884.340.472)
Trả cổ tức (i)	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	500.000.000.000	3.768.680.945	76.373.681.561	580.142.362.506

(i) Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ - ĐHĐCĐ - ĐQ ngày 15 tháng 4 năm 2017.

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	350.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.000.000.000	-

c. Cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

M nh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.220.979.733.558	963.105.680.787
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	933.628.670.450	722.961.951.804
- Doanh thu bán hàng hóa	287.351.063.108	240.143.728.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	259.058.864
- Giảm giá hàng bán	-	259.058.864
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.220.979.733.558	962.846.621.923

6.2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	848.619.772.767	698.636.201.995
Giá vốn hàng hóa đã bán	258.970.301.604	355.171.121.132
Cộng	1.107.590.074.371	1.053.807.323.127

6.3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.867.619	46.821.805
Lãi cho vay ngắn hạn	8.180.149.140	7.416.650.524
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.035.180.196	5.059.342.332
Lãi bán hàng trả chậm	3.390.756.873	5.964.327.401
Cộng	12.652.953.828	18.487.142.062

6.4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	52.834.594.429	53.150.384.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá	290.909.811	5.914.409.234
Cộng	53.125.504.240	59.064.793.556

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Lương và các khoản trích theo lương	5.374.771.828	5.125.562.665
Phí dịch vụ bảo vệ	2.174.945.194	2.291.533.324
Phí ngân hàng	6.749.518.598	6320.707.365
Phí bảo hiểm	1.213.436.217	1.307.123.172
Phí thuê hạ tầng	809.335.464	1.148.114.237
Phí dịch vụ tư vấn	40.000.000	245.454.545
Chi phí khác	7.724.804.516	7.817.910.215
Cộng	24.086.811.817	24.256.405.523
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Phí vận chuyển	2.366.393.575	3.371.945.246
Phí nâng hạ	668.360.001	606.979.078
Phí dịch vụ hỗ trợ thủ tục xuất khẩu	1.631.182.168	597.430.142
Chi phí hoa hồng	401.737.287	800.912.444
Chi phí bảo hiểm	597.396.673	635.485.997
Cộng	5.665.069.704	6.012.752.907

6.6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu tiền phạt lãi nộ chậm thanh toán	-	1.431.914.692
Bồi thường do thiên tai	209.822.942	15.785.421.166
Các khoản thu nhập khác	555.586.612	3.316.299.189
Cộng	765.409.554	20.533.635.047

6.7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thiệt hại do thiên tai	-	15.785.421.166
Các khoản chi phí khác	254.057.968	657.728.449
Cộng	254.057.968	16.443.149.615

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	43.676.578.840	40.090.293.703
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.587.849.642	657.728.449
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	1.587.849.642	657.728.449
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ phải thu	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	45.264.428.482	40.748.022.152
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi 7,5% (i)	17.109.300.767	18.000.853.190
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	14.042.144.442	5.267.101.330
- Thu nhập đang được miễn thuế (ii)	14.112.983.273	17.480.067.633
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất ưu đãi	7,5%	7,5%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.091.626.446	2.403.484.255
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.091.626.446	2.403.484.255

(i) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn - Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2017, Nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 7,5%.

(ii) Trong tháng 9 năm 2015, Công ty nhận bàn giao tài sản góp vốn từ Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường và thực hiện kế thừa ưu đãi thuế tương ứng với dự án đầu tư các tài sản này như sau:

Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2017, Nhà máy Đại Cường 5 được miễn thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.9. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.584.952.394	37.686.809.448
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.884.340.472	
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.700.611.922	37.686.809.448
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên một cổ phiếu (*)	754,01	753,74
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

6.10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	639.972.874.753	536.778.117.959
Chi phí nhân công	51.630.864.029	51.165.790.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.029.901.942	78.937.917.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.965.485.490	53.971.862.681
Chi phí khác bằng tiền	22.317.681.148	8.045.904.047
Cộng	878.916.807.362	728.899.592.883

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Công ty có liên quan
Ông Lê Mạnh Thường	Cổ đông sáng lập
Ông Phạm Thành Đông	Cổ đông sáng lập
Ông Phạm Ngọc Toàn	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty có liên quan
Công ty Cổ phần Bất động sản New City	Công ty có liên quan

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản phải thu khách hàng	-	13.069.856.520
Công ty cổ phần đầu tư 3GR	-	13.069.856.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.275.000.768	63.599.365.962
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	4275.000.768	63.599.365.962
Các khoản phải thu khác	65.942.824.943	4.747.199.943
Phạm Thành Đông	1.250.743.012	2.400.743.012
Phạm Ngọc Toàn	1.246.456.931	2.346.456.931
Công ty Cổ phần Bất động sản New City	63.445.625.000	-
Người mua trả tiền trước	10.901.374.442	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.901.374.442	-
Phải trả nhà cung cấp	23.980.435.650	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	23.980.435.650	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	31.269.587.760	117.786.136.481
Công ty cổ phần Đầu tư 3GR	31.269.587.760	47.206.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	345.366.174.414	162.318.457.775
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	345.366.174.414	149.489.654.900
Chia cổ tức	6.005.000.000	-
Ông Lê Mạnh Thường	6.000.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	5.000.000	-
Trả lãi vay	2.250.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	1.100.000.000	-
Ông Phạm Thành Đông	1.150.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Khoản mục	VND	VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	927.138.166	403.500.000
Cộng	927.138.166	403.500.000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



NGUYỄN THỊ MA
Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

PHẠM THỊ HÀ
Kế toán trưởng

HOÀNG KHẮC HUY
Người lập biểu

PHỤ LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN NỘI DUNG THÔNG TƯ 155/2015/TT-BTC

Mục tham chiếu (TT 155)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2017	Nội dung trong BCTN 2017 / Giải thích bổ sung	Trang
I.	Thông tin chung	✓	Tổng quan về Fortex	
1.	Thông tin khái quát	✓	Quá trình hình thành và phát triển	
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	✓	Ngành nghề kinh doanh	
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	✓	Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý	
4.	Định hướng phát triển	✓	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi; Chiến lược kinh doanh	
5.	Các rủi ro	✓	Quản trị rủi ro	
II.	Tình hình hoạt động trong năm	✓	Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 và phân tích của Ban Tổng Giám đốc	
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	✓	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
2.	Tổ chức và nhân sự	✓	Giới thiệu HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	✓	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư	
4.	Tình hình tài chính	✓	Phân tích tình hình tài chính	
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	✓	Cơ cấu cổ đông và quá trình tăng vốn điều lệ	
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	✓	Báo cáo Phát triển bền vững	
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	✓	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	✓	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Năm 2017 qua những con số; Phân tích tình hình tài chính	

BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN NỘI DUNG THÔNG TƯ 155/2015/TT-BTC

Mục tham chiếu (TT 155)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2017	Nội dung trong BCTN 2017 / Giải thích bổ sung	Trang
2.	Tình hình tài chính	✓	Phân tích tình hình tài chính	
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	✓	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2017	
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	✓	Chiến lược kinh doanh	
5.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	✗	Không có	
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	✓	Báo cáo phát triển bền vững	
IV.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	✓	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	✓	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
2.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc	✓	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	✓	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
V.	Quản trị công ty	✓	Quản trị Công ty	
1.	Hội đồng Quản trị	✓	Hội đồng Quản trị	
2.	Ban Kiểm soát	✓	Ban Kiểm soát	
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	✓	Thuyết minh báo cáo tài chính	
VI.	Báo cáo tài chính	✓	Báo cáo tài chính (Kiểm toán)	

FORTEX

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Trụ sở chính Thái Bình

Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Tỉnh Thái Bình, TP. Thái Bình

+8422 7384 5379

Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh

Tòa nhà Vincom, L12A-09, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM

+8428 3827 1999

Website

www.fortex.com.vn